

BÁCH KHOA

15

15 THÁNG TÁM 1957

Trong này :

HOÀNG-MINH-TUYNH... .. *Độc dân-chủ cổ-diễn : nước Anh.*

PHẠM-NGỌC-THẢO *Chiến-tranh không mặt trận.*

VŨ-KÝ *Mộng và thực của khoa-học.*

NGUYỄN-HIỂN-LÊ *Heinrich Schliemann.*

HUỖNH-ĐỨC-QUANG *Văn-đề hướng-nghệp.*

NGUYỄN-QUỲ-BẢO *Trở lại kế-hoạch ngũ-niên.*

NGUYỄN-ĐỒNG *Héraclite.*

VŨ-PHIẾN *Câu thơ tám chữ.*

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN *Một đêm.*

NGUYỄN-PHÚC *Hai lần đi.*

TÙ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đặc) *Nhất gia-*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

HUỖNH-VĂN-LANG : *Một ít nhận-xét về vấn-đề bảo-
hiểm.*

VŨ-THỪA-CHI : *Vết nứt rạn đầu tiên của Cộng-
sản quốc-tế : vụ Tito.*

PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vấn-đề dự-trữ trong quân-sự.*

NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Heinrich Schliemann (tiếp theo).*

TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhạc phương Đông, nhạc phương
Tây.*

LÊ-THI : *Thử đặt vấn-đề Phụ-nữ.*

PHONG-THẢO : *Tại sao con các bạn nói dối ?*

LÊ-VĂN : *Nàng Út.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước - phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đql-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»



SAIGON - PARIS

(chuyến bay «**THANH-LONG**»)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

cát cánh 9g30 mỗi thứ ba

thứ năm

thứ sáu



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ CỎ-ĐIỀN : NƯỚC ANH

HOÀNG-MINH-TUYNH *biên-khảo*



RUỐC khi nói về chế - độ dân-chủ nước Anh, chúng tôi nói qua về lịch - trình tiến-hóa của các chế - độ dân-chủ Tây-Âu. Vì cần

trình - bày vắn - tắt những điều cốt-thiết, chúng tôi chỉ xin nói về ba nước, Anh, Hoa-kỳ và Pháp và dựa theo lịch-trình tiến-hóa của mỗi nước mà coi xem họ đã đi tới chỗ định-chế các chế-độ dân-chủ thế nào.

Lịch-trình tiến - hóa của mỗi nước có những trạng-thái khác nhau. Tại nước Anh, ta thấy sự tiến-hóa rất chậm, tuy có nhiều chỗ gặp mấp-mô, mà bước đi tỏ ra chắc - chắn, thường chỉ vự vào kinh-nghiệm, tư-tưởng dân-chủ chớm nở từ thời-đại phong-kiến nảy-nở lần-lần biến thành một cơ-chuẩn dân-chủ mô - phạm.

Trái lại, tại Hoa-Kỳ, một chính - thể cộng-hòa thiết-lập sau cuộc chiến tranh dành hòa-lập, cho tới hiện nay đã hơn một

trăm năm mười năm mà không thay đổi gì quan-trọng trong đại-thể. Các biến - thiên sâu rộng, thực-tế, chỉ thấy trong lãnh-vực kinh-tế và xã-hội ; trong lãnh-vực pháp-lý, gần như không có gì đáng kể.

Còn nước Pháp, từ sau cuộc Cách-Mạng, ta thấy rõ họ muốn đoạn tuyệt hẳn với quá-khứ. Trong ngót trăm năm, nước Pháp dường như muốn tìm trong một số cơ - chuẩn hiến-pháp rất phức-tạp một giải-pháp dung - hòa, một chế-độ chính-trị lấy sự dung-hòa làm căn-bản, và mãi tới năm 1870 thì Đệ-tam Cộng-Hòa ra đời, nhưng đó chẳng qua cũng chỉ mới là một giải-pháp tạm-thời ứng-dụng mà thôi,



Kể tất cả các nước trong hoàn - cầu, nước Anh là nước dự phần đóng góp nhiều nhất vào luật hiến-pháp cỏ - điền,

nên có thể gọi là mẹ sinh ra chế - độ nghị-viện.

Muốn hiểu rõ các định - chế chính-trị của nước Anh, ta cần trở lại mấy trang lịch-sử của nước ấy từ thế-kỷ XI, bắt đầu từ khi có cuộc chinh-phục của người Bắc-phương, bởi lẽ nguồn gốc của nước Anh ngày nay chính ra khởi-sự từ đó. Khi người Bắc-phương chiếm-cứ nước Anh xong tuy họ có đặt cuộc đô-hộ, nhưng thực-tế họ vẫn để quyền tự-trị rộng-rãi cho các địa-phương là « Self government », tức là địa-phương tự-trị, địa-phương phân-quyền một đặc điểm của nước Anh còn tồn-tại cho đến ngày nay. Uy-quyền của người Bắc-phương gọi là bá-quyền và vị bá-vương thường vờì chư-hầu (1) vào triều-ngự để thăm dò ý-kiến, lần lần các phiên triều-ngự nhóm-hợp rất đều và mang nhiều tên khác nhau như Assises, Parlement, Magnum Concilium, ý-chính tựu-trung vẫn là nghị-viện, nơi hội-hợp để bàn việc công.

Đầu thế-kỷ thứ XIII, do cuộc chính biến giữa bá-vương Jean Sans Terre và chư-hầu, phát-sinh ra một hiến-chương qui-định quyền hạn của bá-vương. Ngoài khoản tiền « ngự-dụng », bá-vương muốn bổ-thuế phải có sự thỏa-thuận của các giáo-chủ và chư-hầu. Người dân tự-do thuộc hầu nào thì chỉ hầu ấy có quyền từ-dây hoặc trưng-trị. Về điểm này trong bản-văn chỉ qui-định trong một phạm-vi eo-hẹp, bởi lẽ người dân tự-do bấy giờ chỉ là thiểu-số, nhưng các nguyên - tắc về tự-do cá-nhân thực đã thành hình từ từ đây.

Cuộc tiến-triển cứ tiếp-tục và tới giữa thế-kỷ XIII, thì nghị - viện, ngoài giáo-chủ và chư - hầu, lại có thêm hai đại-diện cho mỗi quận (shire). Rồi đến lượt

đô-thành, thị-trấn cũng được cử người đại-biểu. Sau hết, ngoài hàng giáo-chủ, các giáo-sĩ cũng được cử người thụ-ủy. Vào cuối thế-kỷ XIII thì nghị-viện kể là hoàn-thành gồm năm thành-phần : giáo chủ, chư-hầu, (hợp thành Concilium chính cách) đại-diện quận, đại-biểu đô - thành, thị-trấn và đại-diện giáo-sĩ.

Chính trong cảnh hỗn-hợp trên, chế-độ lưỡng-viện của nước Anh phát-minh. Trước hết giới giáo-sĩ không cử người đại-diện tại nghị-viện, biểu - quyết phần đóng góp của họ trong những nghị-hội riêng gọi là « Convocations ». Khi giới giáo-sĩ tách riêng, bốn thành - phần còn lại kết-tập lại thành hai nhóm, một nhóm gồm có giáo-chủ và chư-hầu, một nhóm gồm đại-diện quận và đại-biểu đô thành, thị - trấn. Từ đây, nhóm trên hợp thành *quí-tốc-viện*, nhóm dưới hợp thành *hạ-ngự-viện*. Chế-độ lưỡng-viện của Anh bắt đầu từ đây.

Hạ-ngự-viện thoát đầu quyền - uy tuy kém *quí-tốc-viện*, nhưng chẳng bao lâu đoạt được hai khí-giới rất lợi - hại là *quyền chấp-thuận thuế khóa* và *quyền thỉnh-nguyện*. Bởi có quyền thỉnh-nguyện, nên Hạ-ngự-viện thường có thói quen đặt điều-kiện cho nhà vua phải chấp-thuận thỉnh-nguyện của họ mới chịu biểu quyết thuế khóa. Nhà vua bởi quen ra luật-lệ với sự ưng-thuận của *quí-tốc-viện* và của hạ-ngự - viện, nên lần lần nghị-viện được tham-dự tích-cực vào việc lập pháp.

(1) Danh-từ « bá », « hầu »..., chúng tôi dùng đây chỉ có nghĩa tổng-quát và tương-đối, không hẳn là « bá », « hầu », theo định nghĩa của người Trung-quốc.

Từ thế-kỷ XV, vương-quyền vẫn còn giữ lại được rất nhiều quyền-hành, như quyền phủ-quyết các dự án luật do nghị-viện thảo ra, quyền dùng đạo - dụ để ban-hành luật-pháp và quyền miễn thi-hành luật - pháp, gọi là « jus dispensandi ». Tới thế - kỷ XVII, sau nhiều cuộc chính biến, nhất là từ năm 1689, dưới triều-dại Orange, do luận-án gọi là *Bill of Rights* Nghị - viện chiếm được độc - quyền lập - pháp và chấp - thuận thuế - khóa. Nhà vua chỉ còn được quyền ra dụ thi - hành luật pháp mà không có quyền sửa đổi thêm-thất. Đồng thời nhà vua cũng mất « jus dispensandi ».

Nếu ta lập bản đối-kê sự tiến - triển trên của nước Anh từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XVII, ta sẽ nhận thấy nước ấy đã thực - sự phát - minh được năm định-chế cốt thiết của luật hiến - pháp cổ-diễn :

1) — **Chế-độ đại-nghị.** — Trong số các cơ-quan của Nhà nước, có các nghị-hội đại-diện cho người công-dân có quyền nghị - sự, tức là có quyền thảo-luận, bàn-cãi, lại có quyền biểu - quyết luật pháp và thuế-khoá là những quyền rất thiết-yếu. Một trong các nghị - hội đó là Hạ-nghị-viện dân cử có đầy - đủ tính-chất đại-nghị. Đành rằng cuộc đấu-phiếu chưa gọi được là triệt-đề phổ-thông nhưng ý-chính của chế-độ đại - nghị đã manh-nha từ đó : chủ quyền không phải là của riêng của ông vua, ít ra nó phải được chia cho các đại-biểu của dân chúng cùng tham-dự.

2) — **Thuyết lưỡng - viện.** — Nghị-hội lập-pháp gồm hai viện, một

viện có tính-chất quý-tộc, một viện do dân-cử. Buổi đầu tuy hệ-thống lưỡng-viện là do hoàn-cảnh lịch-sử đặc-biệt của nước Anh phát-sinh, nhưng lần lần về sau người ta nhận thấy sự ích-lợi của hệ thống đó : việc nghị-sự hai lần do hai nghị-hội khác nhau không những đảm-bảo cho luật pháp ban-hành được đứng-đắn hơn về phương - diện chuyên - môn, mà cả về phương-diện chính-trị cũng giữ được ôn-hòa hơn nữa.

3) — **Nguyên-tắc phân-quyền**
Do luật - án gọi là *Bill of Rights*, hai viện được độc-quyền quyết-dịnh thuế-khoá và biểu-quyết luật-lệ. Mặt khác, nhà vua chỉ còn giữ được quyền hành-chính và chính-sách đối-ngoại trong khuôn-khò do luật pháp ấn-dịnh và tùy theo ngân-khoản đã được chấp-thuận trước,

Như vậy, quyền nhà vua gần giống như quyền của cơ-quan hành-pháp mà sau này Mông-tet-ky-ơ nói đến trong bộ Pháp-lý tinh-hoa, quyền lập - pháp và quyền hành-pháp dường như phân cách hẳn và được giao cho hai cơ - quan khác nhau phụ-trách. Đại-cương thuyết phân quyền do Mông-tet-ky-ơ chủ-trương đã thực-sự thi-hành tại nước Anh sau cuộc tranh đấu thắng-lợi của nghị-viện Anh chống lại uy-quyền toàn năng của các vị vua vậy.

4) — **Quyền tự-do công-bảo hay quyền công-dân.** — Có nhiều điều-khoản trong luật Bảo - thân, gọi là Act d' Habeas Corpus năm 1679 và một số điều-khoản khác trong *Bill of Rights* đảm-bảo cho người công-dân Anh được hưởng nhiều quyền tự-do cá-nhân, như quyền không thể bị bắt và câu giam nếu không có phán-dịnh của cơ-

quan-tư-pháp trong một thời-gian rất ngắn, thủ-tục lập phụ-thâm đoàn, quyền tự-do phát-biểu ý-kiến, quyền tư-hữu vv.. Tất cả các quyền tự-do này không phải chỉ được đảm-bảo bằng những lời tuyên-bố trừu-tượng như trường-hợp nước Pháp sau này, mà bằng những tổ-chức về thủ-tục hết sức thực-tế, có mục-dịch ngăn-ngừa các hành-vi độc-đoán của kẻ cầm quyền. Đó chính là một đặc-diểm của tinh-thần anglo-saxon vụ vào thực-tế hơn lý-thuyết suông,

50) Chính-thể lập-hiến. — Nước Anh từ thế-kỷ XVIII cho tới hiện nay, vẫn chưa có hiến-pháp, hay đúng hơn chưa có hiến-pháp theo định-nghĩa của các nhà luật-học. Hầu hết các luật-lệ qui-định chế-độ chính-trị tại nước Anh đều là *tục-lệ*, bất thành-văn; cũng có luật-lệ thành-văn, nhưng các luật-lệ này rải-rác không qui-định tập-hợp trong một bản-văn duy-nhất, có thứ-tự. Và chẳng các đạo-luật hiến-pháp trên, dù là *tục-lệ* hay thành-văn, không có giá-trị gì hơn một đạo-luật thường. Người ta có thể sửa đổi một đạo-luật hiến-pháp bằng một đạo-luật thường.

Về phương-diện hình-thức, tuy nước Anh không có hiến-pháp, song nói về phương-diện thực-chất, nội-dung, không thể nói nước Anh không có hiến-pháp được. Các cơ-quan nhà nước (vua, hai viện) điều-hành và có quyền-hạn thế nào, quan-hệ giữa các cơ-quan với nhau ra sao, đều do những đạo-luật qui-định rất rõ-ràng.

Bởi vậy, ta có thể nói nước Anh đã phát-minh ra chính-thể lập-hiến, nghĩa là chính thể trong đó có luật-lệ tối-cao qui-

định cho những kẻ cầm-quyền, kể từ ông vua trở xuống.



Từ thế-kỷ XVIII, nước Anh còn phát-minh một yếu-tố căn-bản nữa cho luật hiến-pháp cổ-diền, đó là chế-độ nghị-viện.

Có điều ta nên biết là: không phải hễ nước nào có nghị-viện là có thể bảo-rằng nước đó có chế-độ nghị-viện. Chỉ có chế-độ nghị-viện khi nào có quan-hệ giữa nghị-viện cầm-quyền lập-pháp và các cơ-quan hành-pháp, nghĩa là chính-phủ. Nghị-viện và chính-phủ có kiểm-sát lẫn nhau và ảnh-hưởng lẫn nhau, mới gọi là có chế-độ nghị-viện thật-sự.

Trong suốt bao nhiêu thế-kỷ, các vị vua nước Anh, khi thi-hành quyền-uy, thường có các thượng-quan và ngự-tiền hội-ng nghị phụ-tá. Từ thế-kỷ XVII thì có cơ-mật-viện, cơ quan tối-cao lập nên để bàn những công-việc trọng-đại và bí-mật. Sau cuộc cách-mạng 1688, nhà vua thường triệu người có uy-tín nhất được đa-số nghị-viện tín-nhiệm, đề-sung và cơ-mật-viện, từ nay gọi là nội-các, thường là có ý cho công việc khả-quyết luật-pháp và thuế-khoá được dễ-dàng. Khi các đảng phái chính-trị lớn xuất-hiện, nhà vua lại lựa-sung vào nội-các các đại-diện của đảng chiếm đa-số trong nghị-viện. Đồng-thời với việc mở-rộng chính-thể nội-các, các thành-phần trong nội-các tức là các vị tổng-trưởng đều liên-đới với nhau trong hành-động, khi nghị-viện bắt tín-nhiệm một tổng-trưởng nào toàn thể nội-các tự coi như đã bị bắt tín-nhiệm.

Còn một điều khác trong chế-độ nghị-viện của nước Anh, đó là : nhà vua không dự vào sinh-hoạt chính-trị. Ý-niệm nhà vua « không sai-lầm và vô trách-nhiệm » phát-xuất từ những nguyên do sau đây : trước hết là bởi chính các tổng-trưởng phải chịu trách-nhiệm trước nghị-viện về hành vi của nhà vua, nên thực-tế nhà vua ở ngoài cuộc sinh-hoạt chính-trị ; phàm có quyền thì mới có trách-nhiệm. Nhất là từ năm 1714, các vị vua triều Hannover phần thì không rành tiếng Anh, phần thì không được thông giới việc cai-trị, bị quốc-dân coi như người ngoại-quốc và ít khi dự vào việc nước. Bởi đó, các tổng-trưởng đóng vai trò quan-trọng trong việc quản-trị quốc-gia, thường quen họp hội-đồng nội-các mà không có mặt nhà vua. Nội-các lần lần trở nên một « ê-kíp » thống-nhất hành-động, dưới quyền chủ-tọa của ông thủ-tướng, liên-dới trách-nhiệm trước nghị-viện.

Sau hết trong chế-độ nghị-viện nước Anh còn một điểm đặc-biệt này nữa, đó là điểm « lưỡng đảng » trong nghị-viện Anh. Từ thế-kỷ XVIII, có hai đảng chính-trị lớn xuất-hiện, đảng Bình-dân Whigs và đảng Bảo-hoàng Tories. Đến thế-kỷ XIX thì hai đảng này trở thành đảng Tự-do và đảng Bảo-thủ, cho tới thế-kỷ sau thì một đảng thứ ba xuất-hiện gọi là đảng Lao-động, Labour Party. Đảng Lao-động tuy không tiêu-diệt được đảng Tự-do, nhưng khi có nó, đảng Tự-do phải đứng xuống hàng nhì và kết-quả là bắt đầu từ đó, người ta có thói quen giao cho đảng chiếm đa-số tại nghị-viện thành-lập nội-các và cuộc sinh-hoạt chính-trị tại nước Anh xây vắn trên cái trục Lao-động - Bảo-thủ. Hễ đảng Bảo-thủ cầm-quyền thì đảng Lao-động giữ thế

đối-lập, hai đảng thay đổi nhau cầm-quyền và đối-lập, tùy theo chính-kiến của quốc-dân ngã theo bên này hay bên kia. Chính nhờ đó mà cuộc sinh-hoạt của nghị-viện nước Anh có một nhịp tiến hết sức đặc-biệt, ít có trên hoàn-cầu.



Cho tới thế-kỷ XIX, chế-độ nước Anh chỉ mới là chế-độ đại-nghị và nghị-viện, mà chưa thể gọi là chế-độ dân-chủ. Bởi vì, một mặt, không phải người công-dân nào cũng được là cử-trì hạ - nghị - viện. Mặt khác, quý-tộc viện, như tên nó chỉ, là viện của quý-tộc, được bình-đẳng với hạ-nghị-viện dân-cử. Sự biến-đổi từ tình-trạng này sang tình-trạng kia là công-quả của hai thế-kỷ XIX và XX và là sự biến-đổi theo tập-quán đặc-thù của người Anh, rất chậm-chạp nhưng chắc-chắn.

Người Anh không quan-niệm quyền đầu-phiếu là một quyền trừu-tượng dính liền vào với tư-cách của người công-dân, hễ là công-dân thì có quyền đó. Quyền đầu-phiếu thì phải tùy thuộc vào chức-phận nào ; danh-nghĩa nào, khiến cho người công-dân có thể căn-cứ vào chức-phận, danh-nghĩa đó mà tự bảo-mình xứng-đáng được quyền đầu-phiếu, thí-dụ chức-phận nghiệp-chủ, danh-nghĩa sở-trú. Lần lần người ta thêm số chức-phận, thêm số danh-nghĩa cho đến về sau chỉ cần có danh-nghĩa sở-trú, nghĩa là danh-nghĩa trú-ngụ tại một địa-sở là được quyền đi bầu, khiến đến khi đó thực-tế mọi người đều có quyền đi bầu và phổ-thông đầu-phiếu thực-hiện êm dục.

Sự tiến-triển trên gần bốn giai-đoạn.

Giai-đoạn thứ nhất : từ cuối thế-kỷ XVIII, tới đầu thế-kỷ XIX, mở rộng khu tuyển-cử cho người tư-sản bực trung ở các thành-thị và các trường-trại ở thôn-quê.

Giai-đoạn thứ hai : cuộc cải-cách năm 1867 quyền tuyền-cử được mở rộng cho một phần giới thợ-thuyền. Và năm 1872 tuyền-cử hạ-nghị-viện khởi-sự đầu-phiếu bí-mật.

Giai-đoạn thứ ba : từ năm 1855, cuộc tuyền-cử gần phổ-thông, chỉ loại trừ có những hạng người ăn đậu ở mướn (như gia-đình, trẻ nhỏ còn ở với cha mẹ).

Giai-đoạn thứ tư : do đạo-luật ngày 6-2-1918 đầu-phiếu phổ-thông hoàn-thành cho nam giới : mọi công-dân Anh, có sớ-trú từ sáu tháng trở lên và đủ 21 tuổi đều được quyền đi bầu. Duy có nữ giới thì phải đủ 30 tuổi, có tư-cách cử-tri trong các cuộc đầu-phiếu địa-phương hoặc kết bạn với một người có tư-cách cử-tri địa-phương. Từ năm 1928, sự phân-biệt nam-giới nữ-giới trên bãi-bỏ và bắt đầu từ đó, nam-giới cũng như nữ-giới, một khi có sớ-trú và đủ 21 tuổi đều có quyền đầu-phiếu như nhau.

Vào khoảng đầu thế-kỷ XX, chế-độ chính-trị nước Anh, vì danh-nghĩa dân-chủ, còn có một cải-cách tối quan-trọng. Trờ, về trước, quý-tộc-viện nước Anh được đồng-hàng với hạ-nghị-viện, vì cũng được quyền lập-pháp như hạ-nghị-viện : luật-pháp và thuế-khoá có được cả hai viện chấp-thuận thì mới được ban-hành.

Tuy nhiên, trong cách-thức tuyền-trạch người vào quý-tộc-viện có một điểm khiến cho viện này trở nên « kém vẻ » đối với hạ-nghị-viện. Nguyên nhà vua có quyền cử ra bao nhiêu nghị-sĩ quý-tộc-viện tùy ý và không có giới-hạn nào. Nhưng theo các điều-kiện điều-hành chính-phủ và chế-độ nghị-viện, quyền ấy tuy là quyền của nhà vua, mà chính là quyền của mấy ông tổng-trưởng, và quyền

của mấy ông tổng-trưởng, trên thực-tế, rút cuộc lại là quyền của nhóm đa-số trong hạ-nghị-viện, dùng mấy ông tổng-trưởng làm trung-gian. Thành thử mỗi khi các ông nghị-sĩ quý-tộc-viện tỏ vẻ kháng-cự lại quyết-nghị của các nghị-sĩ hạ-nghị-viện là các ông này hăm dọa sẽ cử thêm người vào quý-tộc-viện đặt mấy ông nghị-sĩ quý-tộc-viện và tình-trạng thiểu-số. Thường cách hăm-họa trên rất có hiệu-lực và đem lại kết-quả như hạ-nghị-viện mong muốn.

Giữa khoảng 1906 và 1911, xảy ra một cuộc xung-đột kéo dài giữa đa-số tự-do ở hạ-nghị-viện và đa-số bảo-thủ ở quý-tộc-viện. Năm 1909, chính-phủ đảng tự-do đệ quý-tộc-viện dự-án luật cải-cách thuế-khoá đã được đa-số hạ-nghị-viện chấp-thuận. Quý-tộc-viện bác. Hạ-nghị-viện bị giải-tán, những cử-tri lại bầu lại một đa-số tự-do. Đa số này lập một đề-án giới-hạn quyền quý-tộc-viện. Quý-tộc-kháng-cự. Hạ-nghị-viện bị giải-tán lần nữa để cho cử-tri có dịp bày tỏ rõ ý-nguyện. Lần này hạ-nghị-viện lại toàn thắng. Quý-tộc-viện chịu thua và khả-quyết đạo-luật gọi là « Parliament act » đạo-luật này thu-hẹp quyền-hạn của quý-tộc-viện về luật-pháp và tài-chính rất nhiều.

Nước Anh, từ thế-kỷ XX, nhờ bởi đã thiết-lập được phổ-thông đầu-phiếu, cải-cách được quý-tộc-viện và cũng nhờ sự bành-trướng của đảng Lao-động, thật đã đạt tới một mức-độ khá cao về chính-sách dân-chủ, có thể làm kiêu-mẫu cho cơ-chuẩn dân-chủ Tây Âu, và có chỗ tài-tình nhất là họ đạt tới yên-thầm, tuần-tự, ăn nhịp với đà tiến-triển của nhân-dân, mà không hề phải qua một cuộc cách-

mạng đỏ máu nào như ở Pháp ở Nga, chẳng hạn.



Người ta có thể tự hỏi : do những yếu-tố nào mà sự tiến-triển chính-trị của nước Anh đã đi tới chỗ đẹp-dẽ, như vậy ? Ba yếu-tố chính sau đây có thể cắt-nghĩa được cái đặc-diểm đó, chúng tôi xin lần lượt dẫn-giải dưới đây :

1^o) Trước hết, như đã nói trên, nhờ **CUỘC CHINH-PHỤC CỦA NGƯỜI BẮC - PHƯƠNG**, nước Anh khác nước Pháp, khởi-diểm cuộc tổ chức chính-trị trong nước là do một chính-quyền quân-chủ mạnh-mẽ, chính-quyền của người ngoại-quốc xâm-lãng. Tại nước Pháp, nhà vua cầm-quyền bước đầu còn yếu-ớt phải dựa vào người tư-sản thị-thành để chống lại chư-hầu. Trái lại, tại nước Anh, giới trung-lưu và giới quý-tộc lại cấu-kết với nhau để chống lại vương quyền quá mạnh. Esmein đã nói rất hữu-lý rằng : « Nước Anh, sau cuộc chinh-phục của người Bắc-Phương, khởi sự bằng một nền quân-chủ độc-tôn và có lẽ bởi thế mà đến thế-kỷ XVII đã tiến tới một chế-độ quân-chủ đại-ngiht. Nước Pháp phong-kiến khởi sự bằng một nền quân-chủ gần như hoàn - toàn bất-lực, và có lẽ bởi thế cho nên đến thế-kỷ XVII, tổ-chức chính-trị đã kết-thúc bằng một nền quân-chủ độc-tôn ».

Lại nữa, khi người Bắc-Phương chiếm-cử nước Anh, họ cho các địa-phương được tự-trị rộng-rãi về phương-diện cảnh-bị, hành-chính, để có thể rảnh tay làm những việc khác. Chính cái « self government » ấy đã sinh ra hậu-quả này là : khi người dân Anh cử đại-biểu của địa-phương mình dự vào nghị-viện, họ đã vô tình trung tiến tới chế-độ đại-ngiht.

Gia dĩ người công-dân Anh nhờ đấy mà phát-triển được tinh-thần tự-do và tinh-thần trách-nhiệm đối với quốc-vụ mạnh và sớm hơn người nước khác. Mãi cho tới sau hai cuộc đại-chiến 1914-1918 và 1939-1945, nước Anh mới thật có cuộc cách-mạng trung-ương tập-quyền, gây nên bởi những điều-kiện kỹ-thuật chiến-tranh mới bây giờ.

2^o) Yếu-tố thứ hai của cuộc tiến-triển chính-trị nước Anh là **YẾU-TỐ ĐỊA-LÝ**. Nước Anh vốn là một hòn đảo lớn, có những hào-lũy thiên-nhiên là biển cả bao bọc, nên việc quốc-phòng không làm cho họ phải bận tâm bằng các nước trong đại-lục. Họ có thể gom đồn nổ-lực vào việc mở-mang kinh-tế và lý-tài nhiều hơn, nhất là trong hai thế-kỷ XVIII và XIX. Nước Anh không có quân-đội thường-trực nên nhà vua không có phương-tiện để tranh-đấu lâu dài với nghị-viện. Người công-dân Anh do đó phải tự tham-gia vào việc giữ an-ninh và trật-tự chung, nhưng cũng nhờ đấy mà họ gây được tinh-thần công-dân sâu rộng hơn.

3^o) Sau hết yếu-tố thứ ba là **TÍNH-CHẤT QUỐC - GIA** của người dân nước Anh gồm có nhiều điểm đặc biệt, ít thấy có ở nơi người dân nước khác.

Trước hết, người Anh tuy sùng cồ nhưng không nệ cồ. Tinh-thần thực-tế và cầu tiến cho họ một quan-niệm về sinh-hoạt chính-trị vụ vào kinh-nghiệm chứ không vụ vào luận-lý, như Lord Balfour đã nói : « Thà làm một việc trái-lý, nhưng đã từng làm, còn hơn là làm một việc hợp-lý, nhưng chưa hề làm bao giờ », và như ông Austen Chamberlain đã quyết : « Bản năng và kinh-nghiệm gom lại chỉ cho chúng tôi thấy bản-chất loài người vốn không hợp với luận-lý, nên căn-cứ vào

luận-lý mà thiết-lập các định-chế là không khôn ngoan ».

Thứ nữa, người Anh thừa-nhận dễ-dàng sự tự-do tranh-luận và rất tôn-trọng ý-kiến của kẻ khác. Trong thời-kỳ chiến-tranh, tự-do ngôn-luận gần giữ được nguyên-vẹn. Người Anh biết rằng tự-do có thể sinh-ra nhiều lạm-dụng và nhiều

bất-tiện ; họ không bao giờ mơ-tưởng bài-trừ cho hết lạm-dụng và bất-tiện, nhưng họ tin-tưởng chắc-chắn rằng nếu tự-do phát-triển được rộng-rãi, trong một thời-gian lâu dài, rút cuộc, sẽ đem lại kết-quả tốt đẹp hơn mọi phương-thể khác.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Tình vợ chồng

VỢ Phòng-huyền-Linh, thường gọi là Lư-phu-nhân có nhan-sắc tuyệt-đẹp, mà tính-tình lại cương-quyết khác thường. Ngày còn hàn-vi, Phòng-huyền-Linh đau nặng, tưởng mình sắp chết, gọi vợ tới bên, căn dặn :

— Bệnh ta có lẽ khó qua. Nếu ta có mệnh hệ nào, nàng liệu ăn ở với người chồng sau cho phải đạo.

Lư-thị khóc, rồi lẳng-lặng vào màn khoét mắt, tỏ cho chồng biết, dù chồng có chết, cũng không lấy ai nữa.

Rồi Huyền-Linh khỏi bệnh.

Đến sau, Huyền-Linh thi đậu, làm quan tới tể-tướng mà vợ chồng quý nhau vô cùng. Nhiều người tưởng ông sợ vợ, tiếng đồn đến tai Vua Đường-Thái-Tôn. Một hôm Đường-Thái-Tôn muốn thử Lư phu-nhân, hỏi bà rằng :

— Theo phép, các bậc quan to trong triều đều có tỳ, thiếp, nay ta muốn ban cho quan tể-tướng một mỹ-nhân, bà nghĩ thế nào ?

Lư phu-nhân nhất định từ chối. Đường-Thái-Tôn nổi giận quát :

— Thuận thì sống, không thuận thì chết !

Rồi truyền cho cung-nhân rót chén rượu giả làm thuốc độc, đưa bắt bà uống.

Lư phu-nhân không ngần - ngại, tiếp lấy chén rượu, uống thẳng một hơi.

Đường-Thái-Tôn, mỉm cười, nói :

— Ta còn phải sợ, nói chi Huyền Linh !

CHIẾN - TRANH KHÔNG MẶT TRẬN

PHẠM-NGỌC-THẢO



Trong tuần qua, Bộ chỉ-huy Anh ở vùng Oman đã đặt ra một kế-hoạch quân sự có vẻ rất khoa-học để ủng-hộ quốc-vương Mascate, « một bạn chân-thành của Nước Anh », hầu tiêu-diệt một « cuộc nội-loạn » của dân chúng vùng Oman.

Đại-dề kế-hoạch xây-dựng như sau :

Giai-đoạn I : Phi-cơ của Không-Quân Anh sẽ quăng trên vùng thuộc quyền kiểm-soát của « loạn-quân » và sẽ rải truyền-đơn kêu gọi đầu hàng và nạp khí-giới.

Giai-đoạn II : Nếu kêu gọi đầu hàng không kết-quả, Không-Quân sẽ tổ-chức một cuộc « biểu-thị lực-lượng » để hăm-dọa.

Giai-đoạn III : Nếu loạn-quân còn ngoan cố, Không-Quân với phi-cơ phản-lực tối-tân « Venom » và « Meteor », sẽ oanh-tạc các căn-cứ-địa để tiêu-diệt lực-lượng đang chống với quốc-vương Mascate.

Thời-gian cần-thiết để thực-hiện kế-hoạch trên ước độ hai tuần.

Cách đây một chục năm, những danh-tướng của lực-lượng xâm-chiếm Việt-Nam cũng đã đặt ra kế-hoạch hai tuần, rồi kế-hoạch sáu tháng, rồi kế-hoạch một năm, để cuối cùng đặt ra kế-hoạch mười tám tháng chấm-dứt ở Điện-biên-Phủ.

Căn-cứ theo kinh-nghiệm của nước Việt-Nam, cũng như của nhiều nước khác, và không cần phải là tiên-tri, ta cũng có thể đoán được rằng, dù có tăng-cường gấp đôi lực-lượng xâm-chiếm, vũ-trang thêm vũ-khí tối-tân và phương-pháp mới mẻ của công-an cảnh-sát, dù có xin được Liên-Hiệp-Quốc nhắm mắt thêm cho vài tháng hay vài năm nữa « để hoàn-thành kế-hoạch gọi là bình-định » lực-lượng xâm-chiếm xứ Algérie hay vùng Oman cũng không thể tiêu-diệt lực-lượng của nhân-dân hai xứ đó, và trái lại, sẽ bị đánh lui. Việc đó cách đây một thế-kỷ không rõ-ràng, nhưng hiện nay, đó là một sự thật không thể trốn tránh được.



Người ta xây - dựng những kế-hoạch đơn-giản và thuần-túy quân-sự như vậy là vì, xin mạn phép mà nói, người ta không hiểu tánh - chất của một cuộc *chiến-tranh không mặt trận*.

Xưa kia, sau khi không - quân xâm chiếm đi oanh - tạc vùng Đồng-Tháp-Mười hay vùng U-minh về, họ thông-báo «Mục-phiên đã oanh-tạc rất đúng. Căn-cứ loạn-quân bị tiêu-diệt. Nhiệm-vụ đã làm xong». Sự thật, loạn - quân không bị tiêu-diệt, mục-phiên oanh-tạc cũng sai và nhiệm-vụ làm không tròn. Mục-dịch của cuộc oanh-tạc đâu phải là đi «đào lỗ» ở giữa rừng hay giữa ruộng, hay ở giữa xóm làng dân-cư. Mục-dịch là đi oanh-tạc quân-đội đối-phương mà có khi nào họ đạt được mục-dịch đó đâu,

Hiện nay những phi-cơ kiểu «Venom» hay «Meteor» hay «Mystère» để bom ở vùng núi Aurès tại Algerie hay ở vùng Oman, chắc-chắn cũng không tiêu-diệt được lực-lượng đối-lập. Nếu tướng nào mà còn thành-thật tin-tưởng ở kết-quả quyết-định của việc oanh-tạc đó, thì dù họ có học sách Tây hay Tàu, họ cũng là người dốt về quân-sự mà thôi.

Chiến-tranh không mặt-trận là một hình-thức chiến - tranh mà kể tạm-thời yếu-thế thường áp-dụng. Quân - đội họ tuy có thể xây-dựng những vùng căn-cứ-địa mà họ cố bảo-vệ sao cho quân-đội đối - phương không xâm-nhập được, song họ không có một đồn-trú nào thường-trực và cố-thủ. Tình-trạng thường của quân-đội đó là một tình-trạng phân tán. Mức độ phân-tán cao hay thấp tùy tương-quan lực-lượng giữa họ và đối-phương, và tùy theo tình-hình kinh-tế chánh-trị địa-phương. Tại những vùng thế họ mạnh và khả - năng tiếp-tế họ nhiều, họ có thể tập - trung đến mức đơn-vị gồm vài ngàn người. Tại những vùng thế họ kém hơn hoặc khả-năng

tiếp-tế ít, họ chỉ có đơn - vị nhỏ bé : từng trung-đội, tiểu-đội. Đặc-tính của những đơn-vị đó là nhẹ-nhàng dễ lưu-động nhanh chóng. Nghe tin giặc ít thì họ đánh, giặc đông thì họ tránh ; giặc khỏe, họ theo sau và khuấy rối ; giặc mệt, họ sáp lại và gây chiến. Nếu họ khéo-léo nắm vững phương-châm chiến thuật du-kích thì quân-đội chánh - quy của đối-phương dù lớn mạnh gấp bội cũng lần hồi bị tiêu-mòn mà không dịp dùng được ưu-thế mình. Vì không đủ khả-năng quân-sự nên họ không thiết-bị mặt trận nào cả, nhưng nếu họ bênh-vực một chánh-nghĩa họ được nhân-dân ủng hộ, và nhờ đó cuối cùng họ cũng tiêu-diệt được lực-lượng quân-sự to lớn của đối-phương...



Hiện nay, ở Đông-Phương cũng như Tây-Phương, người ta hay ý lại về khả-năng vật-chất và quân-sự để ấn-định đường lối chánh-trị. Cấp thời kể đó có thể thu thắng-lợi đầu - tiên. Nhìn xa hơn họ sẽ thất-bại : nếu họ dùng sức mạnh để đeo đuổi những mục-dịch phi-nghĩa.

Nghe tin lực-lượng ngoại - quốc xâm-phạm lãnh-tho Oman với nhiều phương tiện tối-tân, những người đã từng sống trên đất Việt trong mười mấy năm qua, đau lòng xót dạ, khi nghĩ đến cảnh chết chóc của dân Oman, nhưng họ cũng không thể không cười kể quá lạc-hậu còn lầm-tưởng có thể lấy gươm má chém cho đứt nước hay lấy súng đạn mà tiêu-diệt ý-chí của một dân-tộc. Võ-lực dù tinh-vi hay tàn-nhẫn đến bậc nào cũng không thể đàn - áp và chiến-thắng kẻ tranh-đấu cho một lẽ phải. Điều đó là một điều chắc-chắn, dù trước mặt có thể xảy ra những sự-kiện có vẻ trái ngược.

PHẠM-NGỌC-THẢO

MỘNG VÀ THỰC CỦA KHOA-HỌC

VŨ-KỶ

Năm 1957, năm địa-cầu
vật - lý - học quốc - tế



ASCAL đã nói, « Cái mũi của nàng Cleopâtre nếu ngắn hơn chút nữa thì cục-diện của thế-giới có lẽ đã thay đổi ». Nhà

kỹ-sư hiện-đại nói tiếp : « Dựng ở đây một cái đập, đào ở kia một con kênh hoặc một con đường hầm, bộ mặt của quả đất sẽ hoàn - toàn biến đổi ». Mà thực vậy, ở thời-đại nguyên-tử, quyền-lực của con người tăng lên vạn-bội để khắc-phục thiên - nhiên, hòng cống-hiến lợi-ích cho nhân-sinh. Hôm qua là ảo-mộng của khoa - học, ngày nay trở nên sự thực. Một sự giải - phẫu kỹ-lưỡng dựa trên những kiến - thức chắc - chắn về địa-chất-học, địa-lý của quả đất, sẽ nâng con người làm chúa-tể thiên-nhiên và bỏ - khuyết góp phần với Tào-Hóa.

Năm 1957, năm địa - cầu vật-lý-học quốc-tế, chúng ta cần biết những chương-trình vĩ - đại được nghiên - ngấm và nghiên-cứu từ lâu của các nhà bác-học kỹ-sư trên thế - giới, để biến - đổi vũ-trụ hòng cải-thiện nhân-sinh.

Có ai nghĩ rằng một ngày mai rất gần, eo-bề Behring giữa châu Mỹ và châu Á, gần miền Bắc-cực, sẽ bít kín, làm thành một dãy đất liền ? Không ai ngờ rằng cái mảnh biển tù ngục mà ta gọi là Địa-trung-Hải trên bản-đồ thế-giới, sẽ bị xóa bỏ và Đại-tá Nasser khỏi phải bận-rộn về việc lớn tiếng đòi quốc-hữu-hóa kênh-đào Suez, suýt gây mầm chiến-tranh thế-giới hiện-đại.



Có ai ngờ rằng Hải - sâm - Uy phía Đông-Nam Tây-Bá-Lợi-Á ở cùng một

vĩ-độ với Nice, một thành-phố ở cực Nam nước Pháp ? Và cứ như thế mà hỏi đến mấy trăm người Âu-châu nữa, câu trả lời của họ vẫn khác nhau : hai thành-phố cách nhau năm, mười, mười lăm độ ...

Và chính đó cũng là điểm xuất-phát sự nghiên-cứu của các nhà bác-học trên thế-giới. Tuy Hải - sâm-Uy — ở đồng trên một vĩ-độ với Nice — nhiệt-độ trung-bình ở đó lại khác hẳn, sụt thấp hẳn xuống 23° dưới 0° . Và cửa bể Mourmansk cách xa Hải-sâm Uy 20° về phía Bắc, nước lại nóng quanh năm, còn Hải - sâm - Uy thì bị choán ngập băng-tuyết hằng năm ba tháng.

Tại sao lại có hiện-tượng lạ-lùng ấy ? Địa-lý-học đã cho biết vì một nhánh của dòng nước nóng Gulf-Stream chạy dọc theo mũi Bắc và tới sườn nước bể Barentz, trong khi dòng nước lạnh chạy dọc theo eo bể Behring đi lần xuống phía Nam, khí-hậu của đảo Sakhaline lại càng gay-gắt.

Dòng nước lạnh lại gây nhiều sương mù dày đặc. Vào mùa hè cũng vậy, người ta thấy nhiều băng tuyết trên bể Okhotsk, mặc dù bể này cùng trên một vĩ-độ với bể Manche.

Hiểu rõ như vậy, tại sao con người lại không nghĩ đến cách chữa những khuyết - điểm của Tạo - hóa, ngăn dòng nước lạnh từ Bắc - băng - Dương chảy xuống ? Công - trình đó rất hợp-lý ; ở thời đệ-tam-kỷ, Bắc-Mỹ dính liền vào châu Á bằng một khoảng đất rất rộng dài. Thực-vật và động-vật trên hai châu tiến-hóa đồng nhau. Điều dễ hiểu là đã có lúc khí-hậu ở đó rất dịu-hiền, giống khí-hậu ở các vùng điều-hòa nhiệt-đới.

Mãi về sau, cuối đệ-tam-kỷ thời Phiô-xên, eo - bể Behring mới xuất-hiện và các điều-kiện khí-hậu hiện-tại mới nảy-nở.

Địa-lý-học và con người phải làm gì để tính-chất khí-hậu cũ ở vùng ấy trở lại như xưa. Điều mà ta biết chắc rằng, một khi dòng nước lạnh đã biến mất, thì nhiệt-độ ở Bắc bể Thái-bình-Dương sẽ tăng lên gấp bội. Hải-sâm-Uy, nhờ đó, sẽ giống như Marseille và Bordeaux, những hải-cảng về phía Nam nước Pháp.

Một cuộc phiêu lưu không-lò cần được thực-hiện

Các nhà bác - học trên thế-giới đều nghĩ rằng một công-việc vĩ-dại như thế có thể dễ-dàng thực - hiện được. Các người Nga yêu-cầu Huê-Kỳ chung sức và vốn với họ để bắt từ bán-đảo Alaska qua bán - đảo Tchouktches một cái đập không - lồ. Về phần Nga-Sô, họ sẽ làm một cái đập thứ hai nhỏ hơn, giữa đảo Sakhaline và bờ bể Tây-Bá-Lợi-Á.

Việc xây-dựng cái đập này còn đem đến bao nhiêu lợi-ích khác. Các kỹ-sư nghĩ rằng chắc-chắn nhờ cái đập này mà họ có thể đặt thêm nhiều hệ-thống bơm nước vĩ-dại để đem tưới vào Bắc-băng-Dương những khối nước âm - ẩm lấy từ Thái-bình-Dương lên. Nhờ vậy, các băng-tuyết choán dọc theo duyên-hải sẽ lùi xa cách eo-bể Behring và sự đi lại bằng đường hàng-hải sẽ dễ-dàng hơn nhiều trên đường từ hải-cảng Mourmansk đến Đông Tây-bá-lợi-Á.

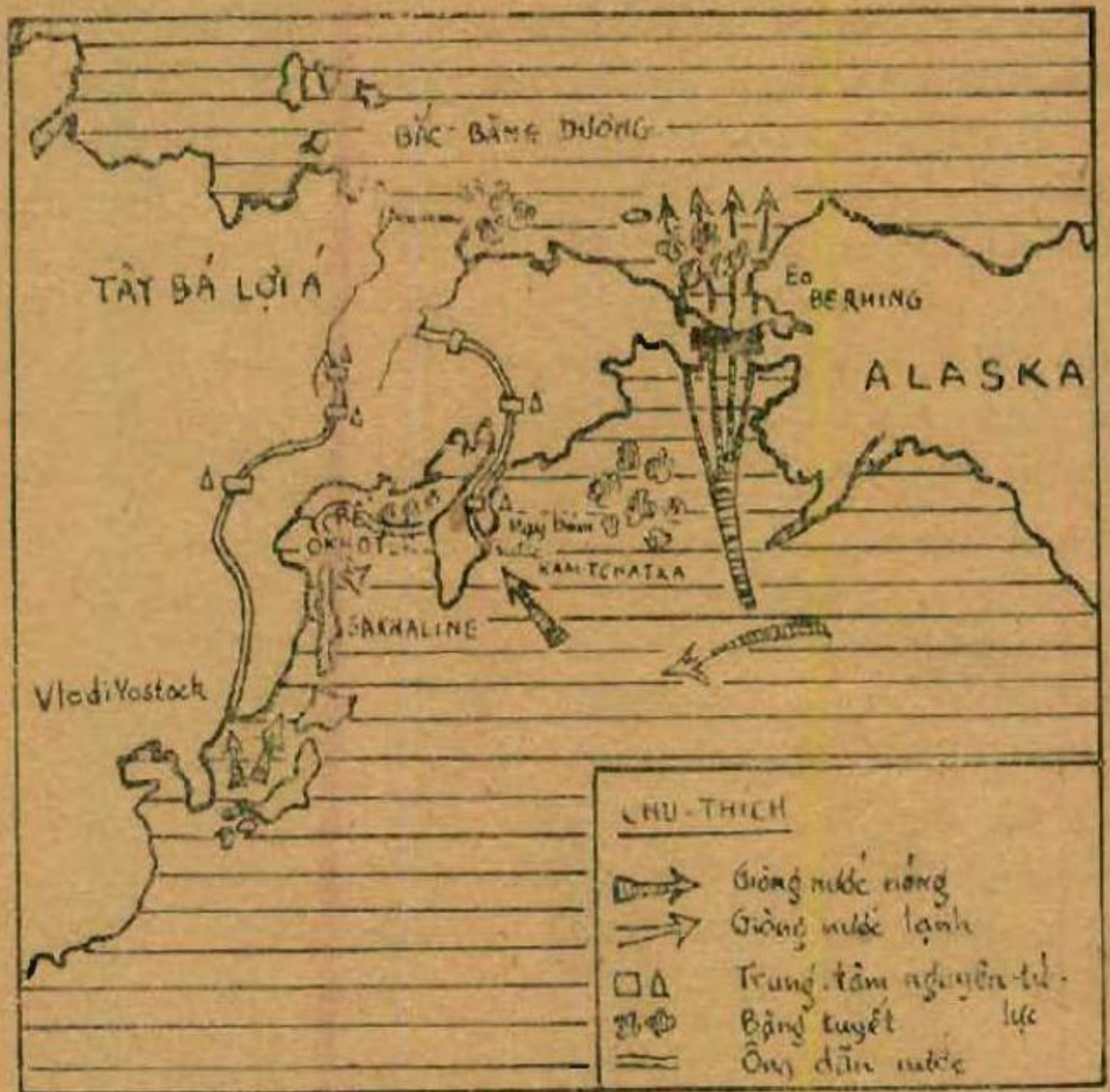
Do đó, Huê-kỳ cũng được thêm nhiều nguồn-lợi nữa. Những nhánh hồng sẽ nở bông xinh-đẹp đúng vào dịp lễ Noël ở miền Orégon, phía bên kia bờ Thái-bình - Dương, vì dòng nước nóng chạy

đọc từ miền duyên-hải Trung-hoa, Nhật-bản là dòng Kouro-Chivo sẽ đem đến đó một sự phì-nhiều tốt đẹp ... Và về phía Bắc, khí-hậu ở Alaska sẽ trở nên dịu-hiền, một con đường hàng-hải khác sẽ được mở đi về phía vùng Hudson và Groenland,

Cái đập ở eo-bề Behring thực là một

cái dấu nổi vô cùng quan - trọng giữa Nga-sô và Huê - kỳ ; đó là một công-trình vĩ-dại đầu tiên về sự giải - phẩu quả đất của chúng ta. Và muốn hoàn-thành việc sưởi ấm Tây-bá-lợi-Á, cần phải xây hai cái đập khác. Nhờ hai con sông Obi và Iénisséi, chương-trình này có thể kiến-thiết thêm một cái bề lớn trong nội-dịa Tây-bá-lợi-Á.

Sưởi ấm Bắc Thái, Bình-Dương và đem lại cho Hải-Sâm-Uy khí-hậu giống hệt như ở Nice, đồng một ví-độ : đó là hậu-quả của công-trình xây-đựng 2 cái đập khổng-lồ mà các nhà bác-học đã dự - định. Nó ngăn dòng nước lạnh từ Bắc - băng - Dương chảy xuống. Những trung - tâm nguyên-tử-lực đồng thời bơm nước ấm ấm ở Thái-bình - Dương để đổ vào các con sông Tây-Bá-Lợi-Á. Do đó, tàu bè chạy được trên Bắc-băng-Dương.



Một cái bề lớn giữa nội-địa Tây - bá - lợi - Á

Điểm xuất-phát của sự tìm-tòi này là một sự mâu-thuẫn căn-bản. Những nguồn lợi to lớn về các dòng sông ở Tây-bá-lợi-Á không được dùng đến : các con sông ấy, theo hướng Nam — Bắc,

đem nước đổ vào Bắc - băng - Dương.

Nhưng cách đó chừng 2.000 km lại một sa-mạc quá nóng trái với phía trên là một bề nước quá lạnh-lẻo : miền đất cát bốc hơi nóng của vùng trũng Touran chiếm một diện-tích hai lần rộng hơn nước Pháp, chạy dài từ bề Aral, bề Lý-Hải

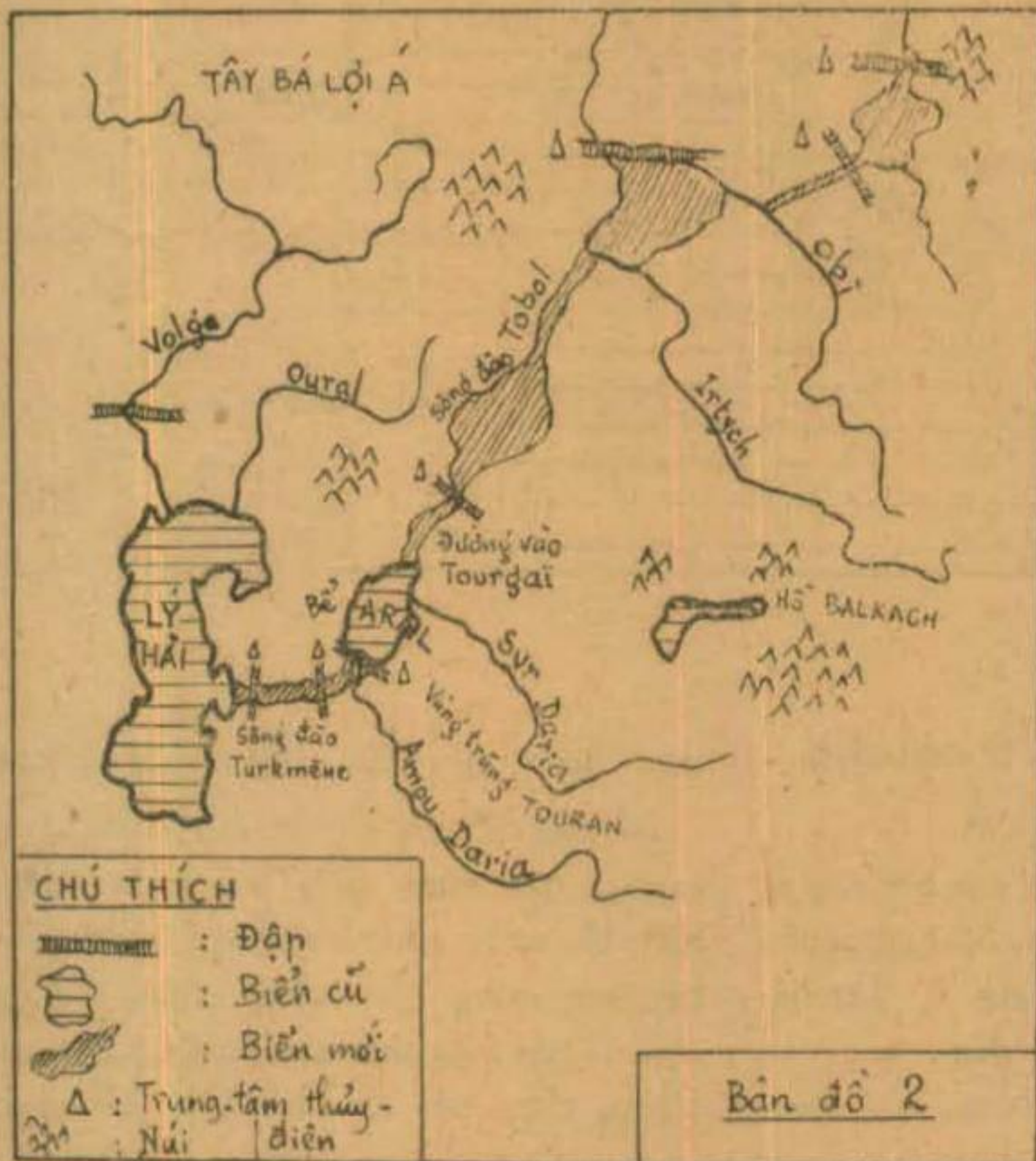
đến hồ Balkach. Các nhà kỹ-sư xét thấy cần làm cho mảnh đất ở Trung-Á trở nên phì nhiêu hơn nhờ nguồn nước khá dồi dào của sông Obi và Iénisséi, đồng thời dựng một cơ - sở năng - lực quan trọng ở về phía Tây Tây-bá-lợi-Á.

Một cái đập thứ nhứt sẽ dựng trên sông Obi, ở làng Biélogorié, phía hạ-lưu phụ-lưu sông Irtych. Cao 78 thước nó sẽ nâng mặt nước lên đến 60 thước và làm thành một hồ chứa 4460km³ chiếm một diện-tích 250.000km² là 1/2 diện-tích nước Pháp. Do đó, xuất-hiện ra bề Tây-bá-lợi - Á. Đồng thời mực nước ở các phụ-lưu tả - ngạn sông Obi lên cao, nước sẽ theo dòng sông cũ chảy về bề Aral. Mực nước ở bề Aral lên cao một thước và từ chất mặn nước bề ở đây sẽ hóa thành ra ngọt. Nhưng ác thay, nước sông Obi sẽ không đủ để

tưới vùng trũng mà các nhà kỹ-sư đã dự-định. Người ta sẽ chặn ngang thêm sông Iénisséi để nâng mực nước cao đến 80 thước,

Hai phụ-lưu của hai con sông Iénisséi và Obi được nối liền bằng một con kênh dài đến 90km. Do đó, nước ở sông Iénisséi gặp nước sông Obi làm cho miền trũng Iénisséi phì nhiêu thêm.

Chẳng những diện-tích miền đất tưới được rộng hơn 25 triệu mẫu tây mà những trung-tâm điện-lực dự-định sẽ xây ở các thác nước đủ cung - cấp điện-lực bằng tổng-số điện-lực ở Nga - số năm 1949, là 82 tỷ kwh. Và khí-hậu khắp miền sẽ trở nên vô-cùng dịu-dàng. Ranh giới vùng băng tuyết vĩnh-cửu suốt năm về phía lớn cái đập dự - định cắt trên sông Obi là 300 km, sẽ lùi xa dần lên phía cực Bắc (xem bản-đồ 2).



Bề Tây-Bá-Lợi-Á công trình dự định của các nhà bác - học quốc - tế. Muốn băng qua đường vào Tour-gai, cao hơn mực nước 28 thước các kỹ-sư dự định đào một con sông dài là 930 km, do đó nước chảy vào bề Aral mới.

Địa-trung-hải cạn dần và mất-tích

Năm 1928, một nhà thông-thái mơ-mộng là nhà địa-chất-học Đức Hermann Soergel đã xuất-bản một tác-phẩm nhan-đề: « Thu hẹp Địa-trung-Hải » làm cho mọi người kinh-ngạc. Khởi điểm căn-bản của dự-định vĩ-đại ấy vô-cùng giản-dị: Cách đây 50.000 năm, mực nước ở Địa-trung-Hải thấp hơn bây giờ những 1.000 thước; đáy bể cũ trước kia hẹp hơn bây giờ nhiều lắm. Nếu tìm cách hạ thấp cây số mực nước ấy xuống thì sẽ trôi ra được 650.000 km² đất liền. Hơn nữa, cách đây 50.000 năm, Âu-châu dính liền với Phi-châu bằng ba eo đất rộng: một eo đất trên vị-trí của eo bể Gibraltar hiện nay, một từ đảo Sicile đến Tunisie, một eo thứ ba từ Hy-lạp qua phía đông Địa-trung-Hải bây giờ. Mãi về sau, những khối băng-tuyết mới tràn xuống phía Nam và các miền đất rộng bị chìm hẳn. Thay vì hai cái hồ nước lúc trước bây giờ chỉ còn một Địa-trung-Hải mở rộng ra Đại-tây-dương bằng một eo bể.

Nếu ta rút hẹp Địa-trung-Hải lại diện tích cũ của nó, ta sẽ có ba con đường đất đi từ Âu sang Phi-Châu.

Bít kín eo-bể Gibraltar

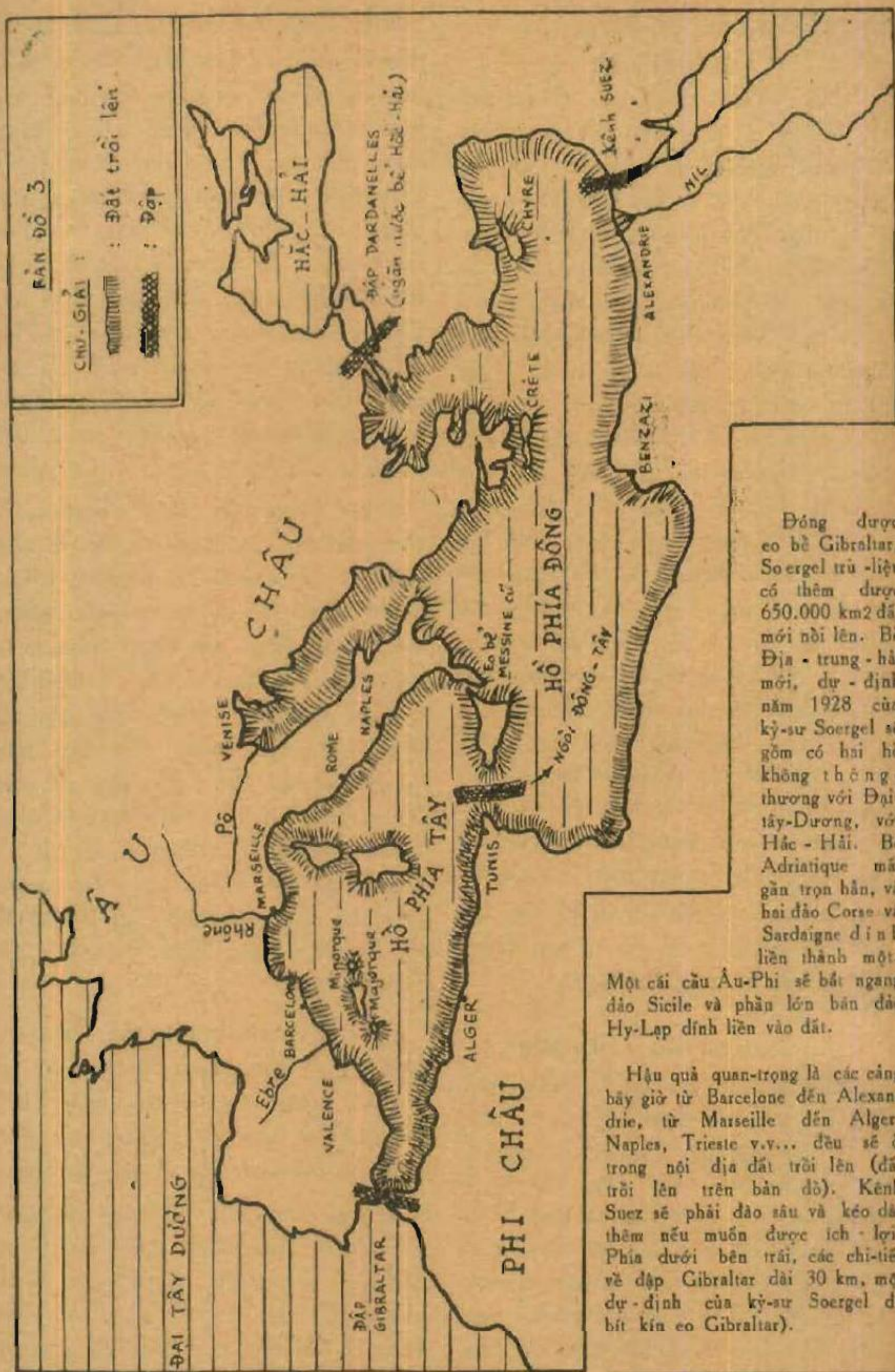
Muốn bít kín eo-bể Gibraltar, phải làm thế nào? Soergel giải đáp: không có gì khó-khăn cả. Trước hết, ngăn eo bể Gibraltar dài 14km bằng một cái đê không-lỗ. Địa-trung-Hải là một bể có một nhiệt-độ cao. Sự bốc hơi ở đó nhiều hơn ở đâu hết. Người ta ước-lượng đến 4.144 triệu thước khối nước hằng năm bốc thành hơi trên mặt Địa-trung-Hải.

Nếu nước bốc hơi ấy không được thay-thế vào, mực nước bể sẽ hạ thấp hơn một thước mỗi năm. Bây giờ đây, hiện số nước bốc thành hơi ấy đang được thay thế bằng nước mưa ($\frac{1}{4}$) bằng nước sông ngòi ($\frac{1}{12}$) và nhất là bằng nước từ Đại-tây-Dương đem đến lấp tràn $\frac{2}{3}$ số nước đã mất đi vì bị bốc hơi hằng năm. Mỗi giây đồng hồ, Đại-tây-Dương chảy vào Địa-trung-Hải 80.000 thước khối nước. Phải làm cho dòng nước nguồn ấy cạn đi và rồi chỉ nhờ sức nóng của mặt trời là đủ làm hạ thấp mực nước bể.

Đứng về phương-diện chuyên-môn, công-trình ấy không phải giản-dị như thế, Eo bể Gibraltar chỉ rộng độ 14km, nhưng chiều sâu lại có nơi đến 500m, tốt hơn là dùng nên chọn đoạn ngắn nhất làm gì. Theo ý nhà địa-chất-học Soergel, tốt hơn là nên dựng một cái đập theo một đường đáy cạn nhất — không có chỗ nào quá sâu đến 300 thước và hình lồi trỏ mặt nhìn vào Địa-trung-Hải. Đập sẽ dài từ 25 đến 30 km. Bề ngang mặt đập chừng 50 m và chân đập rộng gấp 10 lần để đủ sức chịu đựng áp-lực quá lớn của Đại-Dương.

Mười năm sau khi dựng đập, Địa-trung-Hải sẽ hạ thấp mực nước xuống 10 thước. Trong một thế-kỷ, 250.000 km² đất mới sẽ trôi lên và bấy giờ địa-hình của Địa-trung-Hải sẽ thay đổi nhiều.

Ở cửa sông Ebre và sông Rhône sẽ trải nhiều cánh đồng rộng-rãi. Cảng Valence Tây-ban-Nha sẽ cách xa bờ-bể chừng 100 cây số. Một phần lớn vùng Lion sẽ nổi lên. Hai đảo Majorque và Minorque sẽ dính liền thành một Ý Đại-



Đống được eo bẻ Gibraltar, Soergel trừ -liệu có thêm được 650.000 km² đất mới nổi lên. Bẻ Địa - trung - hải mới, dự - định năm 1928 của kỹ-sư Soergel sẽ gồm có hai hồ không thông - thương với Đại-tây-Dương, với Hắc - Hải. Bẻ Adriatique mất gần trọn hẳn, và hai đảo Corse và Sardaigne dính liền thành một.

Một cái cầu Âu-Phi sẽ bắt ngang đảo Sicile và phần lớn bán đảo Hy-Lạp dính liền vào đất.

Hậu quả quan-trọng là các cảng bây giờ từ Barcelone đến Alexandrie, từ Marseille đến Alger, Naples, Trieste v.v... đều sẽ ở trong nội địa đất trời lên (đất trời lên trên bản đồ). Kênh Suez sẽ phải đào sâu và kéo dài thêm nếu muốn được ích - lợi. Phía dưới bên trái, các chi-tiết về đập Gibraltar dài 30 km, một dự - định của kỹ-sư Soergel để bít kín eo Gibraltar).

lợi hoàn-toàn mới mất hẳn cái địa-hình chiếc giày ống bây giờ và từ Bari, ta sẽ có thể đi đường bộ đến các đảo Dalmates cũ. Đảo Sicile sẽ vô-cùng rộng lớn, Tunisie cũng vậy, nhưng chưa giáp hẳn nhau đâu : còn xa cách bởi một eo

bề mỏng. Đáy vũng Gabès nổi lên và trên xứ Lybie hiện tại, sẽ giăng dài một dãy đất phì nhiêu. (xem bản-đồ 3)

(Còn một kỳ nữa)

VŨ-KÝ

Gương nhẵn - nhục.

TRONG tiểu-sử thánh François de Borgia có thuật lại chuyện vị thánh này đi du-hành với cha Bustamant, tới một quán-trọ đồ nát siêu vẹo, thì trời vừa tối. Hai ông được chủ quán chỉ cho nằm trong một căn phòng chật hẹp, tối om mà như bản, tất cả đồ đạc trong phòng chỉ gồm có hai đồng rơm mục. Cha Bustamant đã già, lại đau phổi, suốt đêm chỉ những khạc cùng nhổ, và nhiều khi nhổ cả vào mặt thánh François, mà vẫn yên trí là nhổ vào vách. Thánh François một mực nằm yên, không nhúc nhích, không cựa quậy. Sáng ra, ông cha già thấy sự lầm lỡ tai hại của mình, xấu hổ vô cùng mà không biết làm sao. Thánh François hiểu ý, vui vẻ yên ủi ông, coi việc khạc nhổ đêm qua là một vinh-hạnh xảy đến cho mình :

— Xin cha chớ buồn, tôi xin thưa với cha rằng : trong cả phòng này thật không có vật nào đáng phỉ-nhổ cho bằng thân - thể tôi.

Người ta có thể cho câu chuyện trên là câu chuyện điên của một người điên, nhưng xin hỏi ở thế gian đã dễ có gương nhẵn-nhục nào sáng tỏ cho bằng gương nhẵn - nhục của « người điên » ấy chưa ?

★ TRONG cả một đời, ta thường chỉ gặp hai, ba cơ-hội để tỏ ra ta dũng-cảm; song lúc nào ta cũng có dịp để tỏ ra ta không hèn nhát.

RENÉ BAZIN

HEINRICH SCHLIEMANN

một người trong non 40 năm

chỉ ước ao được Đào Đất

NGUYỄN-HIỂN-LÊ



ON người đó thực kỳ-
dị : sinh-trưởng ở Đức,
định đi lính cho Hòa-
Lan, rồi nhập-tịch Huê-
Kỳ, làm giàu ở Nga, học
ở Pháp, nổi danh ở Hi-

Lạp, du-lịch khắp phương Tây và phương
Đông, có lần ghé thăm Sài-gòn, và thông
trên một chục thứ tiếng, vừa Sinh-ngữ, vừa
Cồ-ngữ, từ tiếng Anh, tiếng Pháp đến
tiếng Hi-Lạp, La-Tinh, tiếng Ba-Lan, Á-
Rập...

Kỳ-dị hơn nữa là ông nuôi một cái mộng
từ hồi tám tuổi, rồi quyết-chí làm giàu để
có phương-tiện thực-hiện mộng đó, và khi
đã thành tỷ-phú, tuổi đã gần năm mươi,
mà không chịu hưởng cảnh an-nhàn, phú-
quý như người khác, ông đem hết cả sản-
nghiệp, sinh-lực ra để làm một việc mà
nhiều người cho là điên-khùng, việc Đào
Đất. Ông đào đất không phải là để tìm mỏ

đồng, mỏ sắt, mà chỉ để tìm một cổ-tích,
tức di-tích thành Troie, một thành ở bờ
biển Tiều-Á.

Rồi chẳng những ông tìm được di-tích
thành Troie mà còn tìm được nhiều dấu
vết của một nền văn-minh cồ, nền văn-
minh ở miền biển Egée (1) : do đó ông
chép lại cho nhân-loại được nhiều trang
cồ-sử và nổi danh là nhà khảo-cổ bậc nhất
ở thế-kỷ trước. Những tìm-tòi của ông và
của những người nối gót ông đã giúp cho
sử-học có tính-cách khách-quan hơn, khoa-
học hơn. Về phương-diện đó, công của
ông với nhân-loại không kém công của
Fustel de Coulanges, vị sử-gia Pháp đồng
thời với ông, người đã đặt nền-tảng cho
khoa sử-học hiện-thời.

Đời của ông chia ra làm hai thời-kỳ rõ-
rệt :

(1) Biển nhỏ ở phía đông Hi-Lạp.

— Thời-kỳ *dự-bị*, tức tuổi thơ và những năm buôn-bán (từ năm 1822 đến năm 1867).

— Thời-kỳ *thực-hành*, tức thời ông đào được những cổ-tích ở Ithaque, Troie, Mycènes và Tirynthe. (từ năm 1868 đến năm ông mất : 1890).



Đọc tiểu-sử, Heinrich Schliemann tôi thấy rằng : hoàn-cảnh có ảnh-hưởng lớn đến tâm-hồn, hành-vi con người, nhưng con người cũng phải có đủ khả-năng để tiếp-nhận hoàn-cảnh, rồi sửa đổi, có khi tạo thêm những hoàn-cảnh mới nữa thì mới làm được những việc lớn. Schliemann bẩm-sinh đã có tánh yêu thích cái gì bí-mật, kỳ-dị, cổ-kính ; nhờ sinh ở một miền nhiều cổ-tích, lại nhờ được thân-phụ và một người bạn gái khuyến-khích, lòng yêu thích đó phát-triển mạnh-mẽ thành một lòng ham-mê nồng-nhiệt, nhưng muốn thỏa-mãn lòng ham-mê đó, cần có hai phương-tiện học rộng và có nhiều tiền, nên ông tự tạo ra những phương-tiện này bằng cách vừa kinh-doanh, vừa tự học. Vậy ông vừa được nhờ hoàn-cảnh, vừa gây thêm hoàn-cảnh.

Ông sanh ngày mùng sáu tháng giêng năm 1822 tại Neuboukov, một tỉnh nhỏ ở Đức. Thân-phụ ông là Ernst Schliemann, một Mục-sư Tin-lành. Năm sau, thân-phụ ông dời qua làm Mục-sư ở làng Ankershagen và ông ở đây luôn tám năm với gia-đình.

Làng Ankershagen có rất nhiều cổ-tích trong một không khí bí-mật, rùng-rợn. Người ta đồn ngay trong vườn nhà thờ, hồn của vị Mục-sư trước thường hiện lên ; và gần đó, trên một cái đầm nhỏ, cứ nửa

đêm là hồn một thiếu-nữ ôm bình bạc thấp-thoảng sau rặng cây. Từ hồi nhỏ ông thường tò-mò đi coi một con gò ; tương-truyền có chôn một đứa nhỏ trong một cái nôi bằng vàng, và một cái tháp tròn mà theo dân làng, thì bên cạnh cũng chôn rất nhiều bảo-vật. Cổ-tích kích-thích óc tưởng-tượng của ông nhất là một lâu-đài từ thời Trung-cổ, tường dày non hai thước, ở trong có những lối đi bí-mật và dưới chân có một đường hầm dài có lẽ đến tám cây số. Tương truyền hồi xưa một tên tướng cướp tàn-bạo ở trong lâu-đài đó, có lần y liệng một người chẵn bỏ vào vạc dầu, sau y bị tấn-công, thua, chôn giấu hết của cải rồi tự-tử. Dân làng lại còn nói thỉnh-thoảng đào được những quan-tài rất dày từ thời La-Mã. Nghe những chuyện đó, ông tuy còn nhỏ mà đã có ý muốn sau này đào những di-tích đó lên để xem.

Thân-phụ ông không phải là nhà khảo-cổ, như thích cổ-sử và thường kể cho ông nghe những truyện Hi-Lạp, La-Mã. Những trận Troie (1) làm ông say-mê và ngay từ hồi tám tuổi, ông đã tin chắc rằng thành Troie vẫn còn di-tích, đào lên sẽ thấy, chứ không thể nào bị tàn phá đến nỗi mất tiêu đi được. Và ông nhất-định một ngày kia sẽ trở lại thành Troie để đào kiếm những di-tích đó.

Gặp bạn nào, ông cũng nhắc về thành Troie và những di-tích trong lòng ông. Ông hăng-hái quá, bị chúng chế-nhạo. Chỉ có hai em gái, Louise và Minna Meincke, con một chủ-điền ở làng bên cạnh là tin ông, bênh-vực ông. Nhất là cô em, Minna, cùng tuổi với ông, rất chăm-chú nghe ông

(1) Thành Troie bị Hi-lạp tấn-công trong mười năm, sau thất-thủ. Những trang sử đó được chép trong tập thơ Iliade của Homère.

và cũng tin chắc như ông rằng thành Troie có thực.

Hai người thường gặp-gỡ nhau trong các cuộc hội-hop, trong các giờ học khiêu-vũ, thường dắt nhau đi coi những cò-tích trong miền, thường ngắm những cánh cò trắng mà mơ-mộng tới những xứ xa-xăm, bí mật, và cùng hứa với nhau, sau này sẽ cưới nhau rồi thực-hiện cái mộng tìm di-tích thành Troie. Lúc đó họ mới tám tuổi đầu, và non nửa thế-kỷ sau, Schliemann mới thực-hiện được cái mộng chung hồi niên-thiếu ấy, mà lại thực-hiện một mình, không được Minna giúp sức !

Là vì hai người mới thân với nhau, đã phải xa nhau rồi. Nguyên-do tại cảnh nhà Schliemann suy-sút. Ông chưa đầy chín tuổi thì thân-mẫu ông qua đời, để lại bảy người con. Rồi một việc khác xảy ra, làm cho ai nấy đều xa lánh gia-đình ông. Song thân của Minna không cho hai người gặp nhau nữa. Ông đau khổ vô cùng. Trong cuốn *Tự truyện*, ông viết : « Ngày nào cũng vậy, tôi ngồi một mình hàng giờ, mặt ướt đẫm nước mắt mà đau xót nhớ lại những giờ sung-sướng tôi đã được ở bên cạnh nàng ». Thân-phụ ông thấy vậy, cho ông qua học ở một làng khác, nơi một người anh ruột ông làm mục-sư. Ông học hai năm, rất tấn tới về tiếng La-tinh, nhưng cảnh nhà túng bần, ông phải xin dời qua học nghề, và năm 1836, mới mười bốn tuổi, ông thôi học, ra làm một chân sai vặt trong một tiệm tạp-hóa ở Mecklembourg-Strelitz.

Vài ngày trước khi ông xa nhà để lại nơi đó mưu-sinh, tình-cờ ông gặp Minna trong nhà một người quen. Sau năm năm cách-biệt, hai người nhìn nhau khóc, rồi ôm nhau mà nghẹn-ngào không nên tiếng.

Song thân của nàng bước tới, hai người lại phải rời nhau. Nhưng từ đó, Schliemann tin chắc rằng dù mình bơ-vơ ở nơi xa-lạ, thì lúc nào người bạn gái cũng nghĩ tới mình; lòng tin đó làm lòng ông ấm lại, và ông thấy có một nghị-lực phi-thường, quyết thắng mọi trở-ngại, thành-công cho kỳ được, để khỏi phụ-lòng người yêu. Ông chỉ thăm vãi trời cho mình sớm có một địa-vị để kịp-thời cưới nàng.

Ông phải làm công năm năm rưỡi trong tiệm tạp-hóa đó, làm mọi việc lật-vật như đóng rượu, cân cá, đếm khoai, quét nhà, làm như mọi, từ năm giờ sáng đến mười một giờ khuya, nhưng ông không lấy làm cực khổ, chỉ buồn một nỗi muốn học thêm mà không có thì giờ. Một đêm ông được nghe một người thợ xay bột ngâm thơ của Homère, thì-hào bất-hủ của cò Hi-Lạp. Ông không hiểu một tiếng Hi-lạp mà những vần du-dương đó cũng làm ông cảm-động vô cùng. Rồi nghĩ đến thân phận của mình, ông tủi-hồ, khóc : làm tên sai vặt trong cửa tiệm tạp-hóa đó thì đến bao giờ mới học được tiếng Hi-Lạp, mới có phương-tiện để tìm cò-tích ở Troie !

Ít lâu sau, vì khiêng một cái thùng nặng quá, ông khạc ra máu, phải thôi việc, rồi xin làm thủy-thủ tập-sự trong một chiếc tàu nhỏ đi Nam-Mỹ.

Tàu mới rời bến được vài ngày thì chìm trong một cơn bão, ông được người ta vớt lên. Người ta muốn đưa ông về xứ-sở, ông quyết-liệt từ-chối vì ở xứ-sở ông không thấy có tương-lai gì hết — mà đòi qua Hòa-Lan để xin vô quân-đội Hòa-Lan.

Nhưng tới Hòa-Lan, ông được viên công-sứ Đức giúp đỡ, tìm cho một chân chạy giấy trong một hãng buôn. Công việc đó nhẹ-nhàng, ông được rảnh-rang, quyết-học thêm ngoại-ngữ.

Nghị-lực của ông đã đáng phục mà phương-pháp học sinh-ngữ của ông cũng mới-mẻ. Ông nhin ăn, nhin mặc, sống khổ sở trong một căn gác xếp sát mái nhà, mùa đông thì lạnh như cắt mà mùa hè thì nóng như thiêu, rán đề dư được nửa số lương đề có tiền học. Ông cảm cồ học tiếng Anh. Ông đã chép cách ông học trong đoạn dưới đây :

« . . . Tôi tự đặt ra một phương-pháp là
 « đọc thật nhiều, đọc lớn tiếng mà không
 « dịch ; mỗi ngày học một bài, học xong
 « thì viết về những đầu đề liên-quan tới
 « đời sống hàng ngày, nhờ một giáo-sư
 « sửa những bài viết đó rồi về nhà học
 « thuộc lòng. Ký tính của tôi kém vì đã
 « lâu rồi không có dịp luyện nó, như cả
 « trong giờ làm việc, có phút nào rảnh là
 « tôi học. Muốn tập được giọng nói của
 « người Anh, mỗi chủ-nhật, tôi lại một
 « nhà thờ Anh, nghe hai lần giảng đạo,
 « vừa nghe vừa nhàm mỗi tiếng của Mục-
 « sư. Đi làm công việc cho hãng, dù là
 « trời mưa, tôi cũng đem theo sách đề
 « học ; đứng nổi đuôi ở sở Bru-Điện,
 « tôi cũng cầm một cuốn sách đề đọc. Nhờ
 « vậy, ký tính của tôi lần lần mạnh lên,
 « và chỉ cần chăm-chú đọc ba lần một
 « chương dài hai chục trang tiếng Anh, là
 « tôi đủ nhớ đề trả bài cho các thầy học
 « của tôi rồi. Theo cách đó, tôi học thuộc
 « lòng cuốn The Vicar of Wakefield và
 « cuốn Ivanhoe. Làm việc quá như vậy,
 « tôi mắc bệnh khó ngủ, và trong những
 « lúc trần-trọc, tôi nhàm lại những trang
 « đã đọc ban tối. Tôi thấy công việc nhàm
 « lại bài ban đêm đó rất có ích, vì ban đêm
 « ta dễ nhớ hơn và dễ tập-trung tư-tưởng
 « hơn ; tôi nhiệt-liệt khuyên độc-giả dùng
 « cách đó. Nhờ vậy mà trong sáu tháng
 « tôi đã thông liếng Anh. »

Trong sáu tháng sau, ông học tiếng Pháp, bằng cách học thuộc lòng Les Aventures de Télémaque và Paul et Virginie... Rồi ông học qua tiếng Hòa-Lan, tiếng I-Pha-Nho, tiếng Ý, tiếng Bồ-Đào-Nha, tiếng Nga, cứ sáu tháng là nói được, viết được thông-thạo một thứ tiếng. Muốn mau nói được, ông học lớn tiếng làm cho những người mượn chung một nhà với ông phải khó chịu, phàn-nàn với chủ nhà, và hai lần ông phải đổi chỗ ở. Có lần ông mượn một người Do-Thái không biết một tiếng Nga nào cứ tối tối lại nhà ông nghe ông kể truyện Télémaque bằng tiếng Nga trong hai giờ.

Nhờ ông biết tiếng Nga mà năm 1846, một hãng nợ nhờ ông làm đại-lý ở Saint-Pétersbourg. Ngay từ tháng đầu ông đã thành-công. Lúc này tự xét mình đã có một tương-lai khả-quan rồi, xứng đáng làm chồng người yêu của ông rồi, ông bèn cậy người hỏi nàng Minna cho ông.

Đau đớn thay ! Người ta trả lời rằng nàng mới xuất-giá mấy tuần trước. Hồi về già, nhớ lại chuyện đó, ông còn than thở :

« . . . Tôi thất vọng quá, không còn làm được việc gì nữa rồi hóa đau. Tôi nhớ lại tuổi thơ của chúng tôi, những mộng mà chúng tôi đã ấp ủ, những dự-định lớn lao mà chúng tôi tính chung sức nhau thực-hành. Bây giờ sắp tới lúc có thể thực-hành được thì lại vắng nàng, một mình tôi làm sao nổi ?... Tôi đã chiến-đấu mười sáu năm để mong cưới nàng được thì trời già độc địa lại trao nàng cho một người khác ! »

Mười sáu năm trời ! Dài hơn thời-gian Kim-Trọng đeo đẳng Thúy-Kiều. Trong mấy năm sau, ông đau khổ, sức làm việc

kém đi, nhưng nhờ nghị-lực và thời-gian vết thương lần-lần lành lại. Tuy nhiên, ông vẫn chưa kịp lập gia-đình và ngoài bốn mươi tuổi ông mới cưới một người Hi-Lạp cũng ham mê tìm-tòi những cổ-tích như ông.

Từ năm 1847, công việc làm ăn của ông mỗi ngày một phát-đạt. Ông vẫn làm đại-lý cho hãng cũ, lại mở thêm một hãng mới chuyên buôn chàm.

Năm 1849, ông qua Californie (Mỹ) thăm một người anh mà từ lâu ông không được tin tức. Tới nơi mới hay anh ông đã mất. Ông đương ở Californie thì ngày mùng 4 tháng 7 năm 1850, xứ đó thành một tiểu-bang của Huê-Kỳ, và hết thảy những người ở trong xứ đều phải vào quốc-tịch Huê-Kỳ.

Sau đó, ông trở về Nga, khuếch-trương việc bán chàm ở Moscou và ở Saint - Pétersbourg. Mặc dầu bận việc, ông cũng rảnh học thêm hai sinh-ngữ nữa : tiếng Thụy-Điền và tiếng Ba-Lan.

Năm 1854, một việc may làm ông thành đại-phú. Hồi đó chiến-tranh Crimée giữa Nga và Thổ đương phát. Tàu bè ngoại-quốc không thể vào các hải-cảng Nga được. Những thùng chàm của ông mua ở Amsterdam phải gởi tới Memel ở Đức rồi do đường bộ mà vào Nga. Ngày 3 tháng 10, ông tới Königsberg, thấy trên

một cổng ô của thành khắc hai câu này :
*Mặt của thần-tài thay đổi như mặt trăng :
Nó tăng rồi giảm, luôn luôn biến chuyển.*

Không hiểu làm sao, lần đó, đọc câu ấy, ông có cảm-tưởng rằng ông sắp bị một tai nạn. Khi gần tới Memel, nơi ông đã gởi hàng tới, ông hay tin rằng, sau một hỏa-hoạn dữ-dội, thành-phố Memel đã ra tro, và trên một khu mệnh-mông chỉ còn rơ những bức tường cháy đen và những ống khói. Tới nơi, ông chạy đi kiếm người



Ông HEINRICH SCHLIEMANN

đại-lý của ông, người này chỉ dám tro tàn, bảo : « Đó, ở dưới đó ». Ông điếng người đi. Thế là hàng triệu bạc kiếm được trong tám năm rưỡi đã tiêu-tan hết. Nhưng ông không thất-vọng, quyết-chí gây lại sự-nghiệp. Tối hôm đó, ông sắp đi Saint-Pétersbourg thì có người cho ông hay rằng hàng hóa của ông còn nguyên vẹn, vì khi tàu tới, kho của hãng đã chặt, người ta phải chặt tạm hàng của ông ở một nơi

khác, mà nơi này không bị cháy. Người đại-lý của ông không hay điều đó, tưởng hàng của ông cũng chặt trong kho và đã cháy cùng với kho.

Ông mừng quá, tưởng mình ở trong một giấc mơ. Nhờ hàng khan, ông bán được hời giá, rồi buôn thêm ít mặt hàng khác nữa và chỉ trong một năm, tài-sản ông tăng gấp đôi.

Độc-giả chắc còn nhớ, từ hồi nhỏ, ông đã muốn học tiếng Hi-Lạp. Trong thời mới buôn-bán, ông không dám học nó, sợ mê nó quá mà bỏ-bê công việc làm ăn, mà không làm ăn thì không có tiền để sau này tìm di-tích thành Troie được. Đầu năm 1856. Ông không thể nén nỗi lòng ham học đó được nữa, mượn hai giáo-sư để dạy ông. Ông vẫn theo phương-pháp cũ, học sáu tháng thông tiếng Hi-Lạp, rồi học ba tháng tiếng cổ Hi-lạp. Trong hai năm sau, ông chuyên đọc văn-chương cổ Hi-Lạp, nhất là hai tác-phẩm Iliade và Odyssée. Ông không phí công học văn-phạm, mà chỉ học thuộc lòng những đoạn hay, học tới khi thấm nhuần văn-phạm mà không ngờ.

Năm 1858, ông học lại tiếng La-tinh mà ông đã bỏ dở từ hai mươi lăm năm trước.

Lúc đó tiền của đã sẵn, lại thông được hai cõ-ngữ — tức Hi-Lạp và La-Tinh — đủ để khảo-cổ, ông muốn bỏ luôn nghề buôn. Ông đi du-lịch khắp nơi: Thụy-Điền, Đan-Mạch, Đức, Ý, Ai-Cập, và Syrie, ông có cơ-hội học thêm tiếng Ả-Rập. Rồi ông trở về Hi-Lạp, thăm thành Athènes, định lại Ithaque (1) tìm cõ-tích thì có một việc kiện-cáo bắt ông phải về Saint-Pétersbourg. Vụ kiện kéo dài tới bốn năm, ông phải luôn-luôn có mặt ở Saint-Pétersbourg, đành lại phải tiếp-tục buôn-bán cho qua ngày. Không ngờ « Con trắng » của ông vẫn chưa tới độ khuyết, công việc kinh-doanh « miễn cưỡng » đó phát-dặc lạ-lùng. Lúc đó gặp hồi nội-chiến ở Huế-Kỳ, giá bông vải vọt lên vì bông vải ở Nam Huế-Kỳ không xuất-cảng được, ông được hưởng những số lời vĩ-đại, cả chục triệu Đức-kim.

Cuối năm 1863 ông mới bỏ hẳn nghề buôn mà làm theo sở-thích của ông là đi

tìm di-tích thành Troie. Trong cuốn Tự-truyện nhan đề là *Đời Tôi*, ông viết :

« Tôi trọng tiền thật, nhưng chỉ trọng « nó vì nó là một phương-tiện giúp tôi đạt « được mục-đích lớn-lao mà tôi đã tự « vạch cho tôi... Tháng chạp năm 1863, « khi tôi đã thắng kiện, và được hoàn đủ « số tiền người ta giết của tôi, tôi bắt đầu « giải-nghệ ».

Nhưng trước khi thực-hành mộng lớn trong đời ông, ông muốn du-lịch thêm nhiều nơi nữa. Ông lại Tunis, thăm cảnh-hoang-tàn ở Carthage, rồi qua Ấn-độ, leo Hi-Mã-Lạp-Sơn, ghé Singapour, Java, Sài-gòn, từ Sài-gòn thẳng lên Trung-Hoa, coi những thắng cảnh ở Hồng-Kông, Hàng-Châu, Bắc-Kinh, tới chân dãy Vạn-lý trường thành. Sau ông qua Nhật, rồi qua Mỹ, thăm thác Niagara. Trong thời-gian đó ông viết cuốn *Trung-Hoa và Nhật-Bản*. Mùa xuân năm 1866, ông sang Ba-Lê, và ở đó học hai năm về khoa khảo-cổ.

Thời-kỳ dự-bị trong đời ông tới đây chấm dứt. Năm đó ông đã 46 tuổi, mà mộng khảo-cổ của ông từ hồi ông tám tuổi bây giờ mới bắt đầu thực-hành. Tính ra ông đã dự-bị trong ba mươi tám năm.

Ông đã gặp nhiều vận may, nhưng ta phải nhận chính ông đã tự giúp ông rồi trời mới giúp ông : ông đã hăng-hái học sinh-ngữ và nhờ biết nhiều sinh-ngữ ông mới thành một thương-gia quốc-tế mà mau làm giàu. Và trong đời đã có mấy người đeo đuổi một mục-đích trong ba mươi tám năm như vậy, đã chuẩn-bị kỹ-càng như vậy : để dành tiền, học tiếng cổ Hi-Lạp tiếng La-Tinh, rồi 44 tuổi, còn học hai năm về môn khảo-cổ nữa !

(Còn một kỳ nữa)

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

(1) Một đảo ở phía tây Hi-Lạp. Theo truyền-thuyết, Ulysse làm vua tại đó trước khi đi tấn-công thành Troie.

VẤN-ĐỀ HƯỚNG-NGHIỆP

Đề viết bài này, chúng tôi dựa theo tài-liệu cuốn *Psychologie de l'enfant à l'homme*, một tác-phẩm viết bằng tiếng Ý do Fr. Agostino Gemelli, Giám-đốc Hàn-lâm-viện Vatican, và được bà Jeanne Marie Jaur, Giám-đốc Trung-tâm kỹ-thuật khảo-cứu và hướng-nghiep ở Marseille phiên-dịch ra Pháp văn.

HUỲNH-ĐỨC-QUANG



ĐỨNG ở ngã ba đường đời, trước khi bước vào một nẻo nhất định, người thanh-niên băn-khoăn về tương-lai. Họ mong - mỏi đem lý - tưởng của mình

ra thực-hiện nơi mình và nơi tha-nhân. Vì ôm-ấp cái mộng - tưởng ấy, vì muốn đáp lại hoài-vọng lớn-lao kia, mà người thanh - niên chú-trọng đến nghề-nghiep, coi đó như là trung - tâm qui-tụ tất cả hành-dộng của giai-đoạn quyết-liệt này. Nhưng chọn một nghề có thể đáp lại lý-tưởng của mình dễ lắm, chỉ cần cân nhắc lý-tưởng kia đối với nghề-nghiep có liên - lạc mật - thiết như thế nào, và người ta có thể dùng tất cả hoàn-cảnh do nghề - nghiệp hiến cho, mà phát-huy lý - tưởng ấy ra không? Cái khó là ở phạm-vi chủ-quan. Làm sao biết được

cái nghề nó tốt đẹp, có thể hợp với khả - năng của mình, để khỏi phải bỏ dở hay chán-ngán.

Thiếu-niên trong tuổi dậy - thì lo-lắng về vấn - đề mình sẽ làm nghề gì. Nỗi lo-lắng này trước đây họ không biết đến, trong suốt cả giai - đoạn thiếu - nhi. . . Khuynh - hướng muốn tìm hiểu mọi sự của thiếu-niên, có thể nhờ đọc sách và học - hành mà thỏa - mãn được. Nếu đôi khi nảy ra trong trí chúng ước muốn trở nên một vĩ - nhân, thì đó chỉ là hình-ảnh chóng xóa mờ.

Lý-do lựa chọn của thiếu-niên

Khi thiếu-niên mơ-ước một nghề-nghiep hay một chức - vụ, không phải họ nhắm vào mục - đích vì tha-nhân, cũng không phải để thỏa-mãn bản-thân. Họ chỉ xét đến quan-diêm danh - vọng. Đối với họ,

một nghề lý-tưởng phải là phương-thế mang lại cho họ một địa-vị, một uy-thể. Thật vậy, nếu hỏi thiếu-niên về lý-do đưa họ đến quyết-định nghề này hơn nghề kia, chúng ta sẽ được một câu trả lời không thay đổi: «vì làm việc này người đời sẽ quý-trọng và được liệt vào hạng người ích-quốc lợi-dân.» Thiếu-niên chỉ đánh giá-trị một việc ở bên ngoài, họ chưa hiểu được rằng làm đầy-dủ một công việc là đã chu-toàn nhiệm-vụ một người đối với xã-hội. Giá-trị con người không căn-cứ vào địa-vị xã-hội, vào những công-trình to-tát đã thực-hiện được, mà phải căn-cứ vào bản-ngã và cách chu-toàn nhiệm-vụ của mỗi người đã được giao-phó. Tạo-hóa không sinh ra hết mọi người làm vua, làm quan, hay là thi-sĩ, triết-gia... nhưng sinh ra đủ khả-năng, để thi-hành mọi nghề. Tỉ như trong con người có đầu, thân, và tứ-chi, để mỗi bộ-phận cộng-tác vào sự sinh-tồn của cá-nhân, thì cũng thế, mỗi người đều tùy năng-lực của mình giúp vào sự sống còn của xã-hội, nhân-loại. Chính óc thiên-kiến và lối lý-luận tiên-quyết kia làm cho thiếu-niên rơi vào lầm-lỗi lớn, khi xét-đoán. Chỉ khi tới tuổi thanh-niên, lúc bản-ngã bắt đầu trưởng-thành và lý-trí đã nhận-thức rõ-rệt sự nghiêm-trọng cuộc đời, bấy giờ mới muốn lựa chọn và chuyên-chú học tập một nghề hợp với khả-năng.

Nói thiếu-niên muốn trở nên một nhân-vật quan-trọng không phải là họ luôn luôn nhắm những nghề tinh-thần hay một địa-vị thuộc giai-cấp chỉ-huy. Cả những nghề tay chân họ cũng muốn được danh-giá. Nếu một số trẻ em không được may mắn theo học lâu, để

ôm-ấp hoài-vọng leo lên đài danh-dự và phải chọn một nghề lao-công, thì họ cũng cố tìm trong xã-hội, xem hạng người nào được đời kính-nể hơn, như người thợ may, thợ rèn, thợ máy, để làm cũng một nghề như họ.

Đó là lý-do chính xui khiến thiếu-niên 14, 15 chọn nghề-nghiệp này hơn nghề-nghiệp khác. Thiếu-nữ cũng chung một quan-điểm và một hoài-báo ấy. Thành ra ngày nay, không mấy cô thiết-tha tới địa-vị người nội-tướng. Một số phụ-nữ chỉ muốn vượt qua ngưỡng cửa gia-đình, hòa mình vào các hoạt-động xã-hội bên ngoài, mong tìm được địa-vị thế-giá và oai-hùng hơn.

Vấn-đề hướng-nghiệp

Dựa theo tâm-trạng ấy mà chọn một nghề cho cả đời thật là tai-hại. Thiếu-niên, thanh-niên, không xét đến khả-năng của cá-nhân, mà chỉ chú-trọng đến phương-diện khách-quan của nghề-nghiệp: làm công việc này hay việc kia là vì nó giúp cho họ có dịp lên mặt với đời. Sự thiếu sót trong việc hướng-dẫn lựa chọn nghề-nghiệp, có thể gây ra kết-quả khốc-hại, nếu thiếu-niên thanh-niên không có một trí óc khá thông-minh và một ý-chi mãnh-liệt, cần cho sự cố-gắng lâu-dài, để học tập và theo đuổi nghề mình đã chọn. Cũng may cho xã-hội, tạo-hóa đã ban cho nhiều người được tạm đủ hai điều-kiện trên, hơn nữa lại còn hoàn-cảnh xã-hội và cách sinh nhai thúc-dẩy. Cho nên chúng ta thấy hầu như một số lớn đã chu-toàn được nhiệm-vụ đã chọn, tuy gặp nhiều nỗi khó-khăn. Và lại khi đã chọn nghề nào thì phải theo nghề ấy mãi, khó có thể

lùi lại. Tại đó, sinh ra nhiều nỗi khổ sở. Trong xã-hội càng ngày càng thấy nhan - nhàn hạng người bất - mãn, và miễn - cưỡng phải làm cái nghề mình không thích.

Trong ít nhiều trường - hợp, người ta còn làm thêm một nghề nữa, vì muốn thỏa-mãn sở thích riêng, chứ không phải vì ích - lợi. Một số người thành - công hoàn - toàn trong nghề ngoài này, đến nỗi họ bỏ hẳn nghề chính. Lúc ấy họ sẽ được toại - chí. Nhưng phần đông không được cái may-mắn kia, vì thiếu tài, thiếu thời - giờ luyện-tập, nên nghề thứ hai chỉ là một thú vui, một phương-thế thoát khỏi đời sống thường nhật chán-nản và miễn-cưỡng.

Nhưng sự lầm - lỡ trong khi chọn nghề-nghiep đã để lại dấu vết chán-nản, bất - mãn. Nó tạo ra nhiều mặc - cảm, nhất là tự-ti mặc - cảm. Gặp phải thời khủng-hoảng hay giai-đoạn đình - công, tai - hại này càng rõ - ràng. Nghị - lực tinh-thần sa - sút. Công việc xuôi - xăn hằng ngày chưa cho họ thú vui, hưởng chỉ khi gặp nguy cơ do nghề - nghiệp gây ra, họ càng chán-nản và thất-vọng biết bao... Không phải chỉ có phạm-vi lao-công mới gặp nỗi nguy - khốn này, cả phạm - vi tinh - thần cũng thế. Một người không được Tạo-hóa ban cho các khả-năng riêng của nghề văn-sĩ, mà họ cứ muốn chuyên - cần cầm bút viết, thì chẳng bao lâu họ sẽ thất-vọng. Sách họ in ra không bán được hết năm này sang năm khác ở trong các tủ kính. Rồi vấn-đề tài-chánh khánh-kiệt, lúc ấy họ mới cảm thấy tất cả cái chua-xót của văn-sĩ tập-nghề. Họ không còn nghị-lực tiếp - tục cầm cây bút nữa, vì cảm

thấy rõ-ràng mình thiếu khả-năng. Từ trước tới giờ, họ bị dục - vọng hoặc thiên-kiến làm sai-lạc óc phán-đoán, tự cho mình có thiên-tài làm thơ như Lý-Bạch, Đỗ - phủ. Bây giờ họ mới hiểu rõ sự thực. Trở lại nghề khác không thể được, vì thời gian luyện - tập đòi hỏi nhiều cố-gắng quá, vì hoàn - cảnh sinh sống eo-hẹp, vì giai-đoạn có nhiều khả-năng hấp-thụ đã qua.

Vấn-đề chọn-lựa nghề-nghiep đối với nữ - giới cũng rất quan-hệ và còn khó-khăn hơn thanh-niên, thiếu-niên nhiều, vì họ phải dung - hòa nghề - nghiệp với sứ - mệnh riêng biệt liên-quan đến bản-tính phụ-nữ. Hầu hết thiếu-nữ phải gác bỏ khả - năng riêng để hướng - dẫn sự học mình về những nghề lợi-ích. Chỉ có ít nhiều thiếu-nữ giàu lý-tưởng, hay hưởng điều - kiện gia - đình thuận - tiện, mới được cái may-mắn dung - hoà đòi-hỏi nghề-nghiep với khả-năng thiên-phú. Vì lý-do đó, ngày nay nhiều thiếu-niên, thiếu - nữ phải học các môn không có liên-lạc với hứng-thú của họ. Cả những vị nữ-tu hay tu-sĩ trong việc học-hành cũng không được may-mắn hơn, vì họ phải vâng theo nhu-cầu đòi hỏi, ít được theo sở-năng của mình. Nhận - thức rõ hiểm - họa xảy ra cho xã-hội, vì người dân không biết chọn nghề - nghiệp hợp với khả-năng, nên nhiều nước tân-tiến đã cồ-dộng phát-triển phong-trào hướng-nghiep. Trước tiên, người ta nhắm vào mục - đích bắt học - đường theo những phương - pháp có thể giúp cho nhà giáo-dục hướng-dẫn thiếu-niên biết chọn nghề hợp với khả-năng của mình. Đối với thiếu-niên còn có thể theo đuổi học-thức lâu hơn, cũng có thể nhờ lời chỉ bảo kia làm phát-triển dần-dần khả-năng

thiên - phú. Hơn nữa, trong giai - đoạn thắc-mắc về tương - lai, chúng khỏi phải xao-xuyến lo-ngại quá, đỡ cho bộ thần-kinh căng-thẳng và làm mệt sức của chúng.

Ngoài ra chính-phủ còn đặt nhiều cơ-quan hướng-ngiệp, để giúp thiếu-niên thiếu-nữ biết chọn nghề. Như thế xã-hội bớt được số lớn hạng người bất - mãn, vì không ở đúng địa - vị, và hạng người chán-nản, vì thiếu khả-năng, nên không hứng - thú làm việc. Còn một lợi - ích tích-cực nữa, là một công việc đúng với khả-năng sẽ được dễ-dàng chu-toàn, và kết-quả thâu được nhiều hơn. Chúng ta thử so-sánh năng - xuất một người thợ vui-vẻ làm việc với năng-xuất một người thợ ử-rủ, đang nào hơn.

Nhiệm-vụ nhà giáo-dục trong vấn-đề hướng-ngiệp.

Theo ý chúng tôi, vấn-đề hướng-ngiệp lao-công hay lao-tâm là vấn-đề sư-phạm, nó chỉ giải-quyết được, nếu nhà giáo-dục có kiến-thức tâm - lý đầy - đủ, để chẩn- đoán khuynh-hướng thiếu-niên. Khi biết được khả-năng riêng từng cá - nhân, sẽ khuyên bảo chúng một nghề thích - hợp. Trách - nhiệm chỉ có kết - quả khi nào người dùng nó thấu hiểu con người, và những trạng - thái tâm-lý phát-triển qua các giai - đoạn.

Đó là nhiệm-vụ rất khó-khăn, mà ngày nay không thể giải - quyết được ở học đường, vì giáo - sư ở hầu hết các lớp đều thiếu sự chuẩn-bị. Nhiều trường-hợp giáo-sư chỉ là người giảng-thuyết hơn là nhà giáo - dục. Thành ra chúng ta chỉ còn hy-vọng vào các cơ-quan hướng-ngiệp, mà hiện giờ phương-pháp chính vẫn là trắc-nghiệm.

Hiều biết khát-vọng và khuynh-hướng của người thanh - niên, nhà giáo - dục hướng-dẫn dễ dung - hòa lý - tưởng họ mong ước với thực tại đời sống hằng ngày, để họ khỏi sống hoàn-toàn trong tưởng-tượng, coi đời giống như vẽ đẹp mong ước. Nhà giáo-dục sẽ nêu ra lý-tưởng của mỗi nghề-ngiệp, sẽ chỉ cho thiếu-niên biết khuynh-hướng tạo-hóa đã phú cho và giảng-giải cho hiểu rõ đời chúng sẽ được may-mắn, dễ-dàng thành-công, nếu chúng chọn được một nghề hợp với khả-năng hơn là chọn những công việc quan-trọng, danh-giá mà mình thiếu hân tài.

Nhưng chúng ta phải cần - thận trong việc khuyên bảo thiếu-niên chọn nghề, vì là vấn-đề quan-trọng liên-hệ đến cả cuộc đời, vì đó là phạm-vi tế-nhị đòi-hỏi thiện-chí và hiểu biết. Kinh-nghiệm không, chưa đủ, còn cần am - tường khoa tâm-lý. Biết bao sự hỗn - loạn sinh ra, chỉ vì người ta quá dựa vào kinh-nghiệm riêng của mình, mà thiếu khoa-học khách-quan hộ-trợ. Các nhà giáo-dục phải học hỏi và huấn-luyện về tâm-lý, để có thể cân-nhắc giữa những khuynh - hướng và khả-năng riêng của cá-nhân với đòi-hỏi của nghề-ngiệp. Nguyên sự thông thạo khoa tâm-lý chưa đủ, còn cần phải nhiều phương-pháp khác giúp vào nữa. Tuy thế nhà giáo-dục có đủ kiến-thức khách-quan nhờ vào sự thông-thạo tâm-lý, thì đã có một phần nào khả - năng cần-thiết, để dẫn giắt tuổi thanh-xuân. Đó là bước đầu trong công-cuộc khó-khăn này.

Ở Việt-Nam, các nhà giáo-dục, công cũng như tư, có thể nói được là đã đủ khả-năng chuyên môn về tâm-lý-học chưa ?

Chúng tôi không được rõ. Nhưng chắc con số đó cũng không nhiều lắm, vì phần đông các vị quá bận rộn công việc, không còn đủ thì giờ nghiên - cứu. Thêm vào đó, cách tổ-chức học-đường ngày nay làm cho giáo-sư học-sinh xa lạ nhau.

Đề bù vào chỗ khiếm-khuyết đó, chúng ta nên mong-mỏi chính-quyền cho thiết-lập nhiều trung-tâm nghiên-cứu hướng-nghiệp, chỉ-giáo những người đến hỏi-han, nhất là các học sinh. Muốn cho cơ-quan này giúp ích nhiều cho đồng bào, nên có sự huấn-luyện về tinh-thần cũng như về vấn-đề chuyên-môn. Cơ-quan này đối với các nước văn-minh Âu-Mỹ rất thông-thường, nhưng đối với xã-hội Việt-nam, nó là cả một sự mới-mẻ, nhưng chúng ta cần phải có nó.

Dân Việt-nam mới dành được quyền chính ở tay ngoại-bang. Lẽ dĩ-nhiên là trong giai-đoạn sơ-khai này còn thiếu nhân tài đảm-nhiệm những công cuộc nặng-nề đang chờ đón họ. Ngay trên địa-hạt kỹ-nghệ và kinh-tế, chẳng những chúng ta chưa đủ người chuyên-môn chỉ-huy, mà còn thiếu cả nhân-công có khả-năng. Sự thua kém đó có phải tại dân-tộc Việt-Nam ngu dốt chăng ? Lịch-sử đã chứng minh là

không. Người Việt-nam từ trước tới nay tỏ ra rất tài giỏi về mọi phương-diện, trí-thức cũng như lao-động. Sở - dĩ chúng ta còn thua kém ít nhiều dân-tộc, là vì khả-năng truyền-thống của giống nòi chưa được luyện-tập và thiếu cơ-hội thuận-tiện để phát-triển. Sau 80 năm đô - hộ và 10 năm chinh - chiến, khả-năng ấy đã bị đè - ép. Ngày nay chúng ta hy - vọng rằng sức sống của dân-tộc sẽ vươn lên theo kịp người. Trong thời - gian kiến-thiết Quốc-gia, hết mọi tầng lớp nhân-dân đều góp phần vào. Muốn cho nỗ-lực của toàn-thể có một năng-xuất tối-đa, cần phải khuyến-kích và hướng - dẫn họ chọn một nghề hợp với khả-năng và ham thích. Xã-hội Việt-nam sẽ có những người chuyên-môn tài giỏi, hiểu nghề và yêu nghề, sẽ bớt được số người bất-mãn và chán-nản làm ngưng trệ bước đường tiến-phát. Đó là mối lo-lắng của những ai thiết-tha nghĩ đến sự sinh-tồn và vinh-quang của giống-nòi, của Tờ-quốc.

HUỖNH-ĐỨC-QUANG

Tháng hoa, 1957.

Dùng người.

Khổng-Tử chê Linh-Công nước Vệ là người vô-dạo.

Quý Khương-Tử, Đại-phu nước Lỗ, bèn hỏi :

— Vô-dạo như vậy sao không mất nước ?

Khổng-Tử đáp :

— Linh-Công tuy vô-dạo, nhưng biết dùng Trọng-thúc-Ngũ lo việc tiếp-tân (ngoại-giao), Chúc-Đà lo việc tôn-miếu (lễ-nghi), Vương-tôn-Giả lo việc quân-lũ (quốc-phòng). Biết dùng người giúp giấp như thế, làm sao mất nước được !

TRỞ LẠI KẾ-HOẠCH NGŨ-NIÊN

L.T.S.— Sau bài « Trở lại kế-hoạch năm năm... » của Ô. Huỳnh-văn-Lang, chúng tôi có nhận được bài sau đây của ông Nguyễn-quý-Bảo gửi tới— Chúng tôi xin đăng nguyên-văn để rộng đường dư-luận.

NGUYỄN - QUÝ - BẢO

U RONG một bài của ông Huỳnh-văn-Lang đăng báo Bách-Khoa số 12, tác-giả đã đưa ra những biện-pháp nâng-dỡ việc thành-lập các công-ty kỹ - nghệ, đồng thời xử-dụng viện - trợ một cách thích - hợp.

Công - ty « GIẤY » được lấy ra làm tỷ-dụ trong những kỹ-nghệ khác đương thành-lập và theo tác - giả, ai ai cũng không khỏi buồn lòng về Công-ty GIẤY tại đường Trần-quý-Cáp chậm tiến vì lẽ thiếu vốn và kỹ-thuật, mặc dầu những người đứng ra tổ - chức đã có ý nghĩ xây-dựng kỹ-nghệ trước cả kế - hoạch 5 năm. Trước sự thật rõ - rệt đó, ta thử phân - tách những nguyên - nhân hòng hưởng - ứng với những biện - pháp nói trên và tìm đường để chóng thực-hiện mục-tiêu theo kế-hoạch của Chính-Phủ.

Lập một công-ty kỹ-nghệ, sáng-lập-viên không phải là không dày công nghiên-cứu về tài - chính và kỹ - thuật. Công-ty Giấy lập ra đã có chương-trình sẵn. Vốn 30 triệu lúc đầu định gọi, Công-ty sẽ đặt máy tráng giấy bằng bột nhập cảng trước, và gọi thêm vốn để đặt máy nấu bột, về giai-đoạn sau.

Về kỹ-thuật, không phải những người đó chỉ có quan-niệm hàm-hồ đại-cương, mà chính là những người đã nhúng tay làm giấy khởi đầu với phương - tiện thô-sơ sau khi đã nghiên-cứu 10 năm trong nhà máy của người Pháp ở Đáp - Cầu. Hơn nữa, nếu tài-chính đủ thì các kỹ-thuật - gia của những nhà bán máy sẽ phụ-trách hoàn - toàn cho đến khi máy chạy. Đây là đều có văn-kiện trao đổi chứng - thực.

Sau 18 tháng gọi vốn, Công - ty đã vướng phải tất cả những sự khó-khăn :

vì thành-kiến của dân-tộc, sau một thế-kỷ nô-lệ, chưa quen tham - gia vào những công-ty khai-thác, công-ty kỹ - nghệ, vì đường lối thương-mại sau 10 năm chinh-chiến đã ra khỏi khuôn-khò thông-thường lời nhiều đến ngay, và nhất là vì những biện-pháp kinh-tế áp-dụng cho thương-gia hồi đó.

Với một số vốn góp của đồng - bào thiện-chí là 10 triệu, nền tài-chính của công-ty không được như ý muốn, nên đã phải điều - đình với các nhà sản - xuất ngoại-quốc về việc cung - cấp máy - móc dụng - cụ với thẻ - thức tham - gia theo điều-lệ công-ty và trong khuôn-khò pháp-luật hiện-hành.

Song song với việc nói trên, Công-ty đã thỉnh cầu Chính-phủ cho phép được khai-hãn nguyên-liệu và trù - tính xây-dựng mong rằng với sự thực-hiện cụ-thể phần nào sẽ giúp công-ty gọi vốn dễ-dàng hơn giai-đoạn trước.

Bảo rằng Chính-quyền xét về chuyên-môn cho là cần phải có một chương-trình đầy - đủ về địa - điểm, xây - dựng cùng cách xếp-dặt các máy - móc với những nghiên-cứu rõ-rệt về nguyên-liệu, về sản-xuất, về nước, điện, v.v..., rồi mới trù-tính cho phép khai-khãn nguyên-liệu thì cũng đúng.

Nhưng đối một với công - ty hoàn - toàn Việt-Nam, từ khi thành - lập yêu - cầu Chính-quyền nâng đỡ, yêu-cầu xử-dụng nguyên-liệu chưa được chấp-thuận, mà phải bỏ ra gần triệu bạc để chi-tiêu về nghiên - cứu, nhất là công việc đó lại được các nhà bán máy đảm - nhận làm không, thì thật là một món tiêu quá bạo đối với « Công-ty Giấy Việt-Nam ».

Tuy nhiên trong khi chờ đợi, công-ty đã đệ lên Chính-phủ những câu hỏi

của những nhà bán máy ngoại - quốc bằng lòng bán dụng - cụ cho công - ty trả dần, và hơn nữa công-ty đã điều-đinh hợp-tác với một công-ty ngoại-quốc để thiết-lập một kỹ-nghệ Giấy hoàn-toàn từ nấu bột đến tráng giấy bằng đủ các nguyên-liệu kể từ gỗ thông, tre đến bã mía, rơm v.v... Ngoài việc làm Giấy, ta có thể trù-liệu làm cả tơ nhân-tạo. Nếu được Chính-phủ chấp - thuận, Công - ty ngoại - quốc sẽ có chuyên - viên sang nghiên-cứu tại chỗ ngay, sẽ lo đủ vốn để thực-hiện, và cuối cùng 60 %/o cổ-phần sẽ về Chính-phủ Việt - Nam nói chung, về người Việt-Nam nói riêng và sẽ do Chính-Phủ Việt-Nam nhượng lại.

Cả hai hồ - sơ đó đã đệ lên Nha Tổng Kế-hoạch.

Kết-luận, muốn phù-hợp với tình-hình đặc-biệt của nước, Việt-Nam tự-do, kế-hoạch kinh-tế cần phải được Chính-phủ hướng - dẫn hoặc nâng đỡ. Thẻ - thức tham-gia của Chính-phủ với các công-ty tư-nhân rất nhiều. Những đề - nghị của ông Huỳnh-văn-Lang rất thích-hợp với hiện-trạng tâm-lý và tài-chính của dân-tộc Việt-Nam. Ngoài ra, vốn ngoại-quốc phải được hoan - nghênh để mở - mang kỹ-nghệ. Chính-phủ sẽ định ngay những thẻ - thức tham - gia cùng các chi - tiết chuyển - ngân về vốn và lời. Riêng về kỹ-nghệ Giấy, đã có vốn ngoại-quốc sẵn sàng tham-dự, mong rằng nhiều công-ty kỹ - nghệ khác sẽ lôi thêm được vốn ngoại - kiều.

Thêm vào đó với số tiền viện - trợ dùng để nâng đỡ các kỹ-nghệ cần-thiết khác, kế-hoạch kinh-tế năm năm sẽ thành-công rực - rỡ.

NGUYỄN-QUÝ-BẢO

HÉRACLITE

« TOUT S'ÉCOULE »

NGUYỄN - ĐỒNG

Đặng bài học thuyết của Héraclite, chúng tôi không có ý tán-thành mọi quan-điểm của nhà hiền-triết cổ Hy-Lạp.

Chúng tôi chỉ muốn trình-bày một cách khách-quan học-thuyết của ông cốt để độc-giả làm quen với một học-thuyết đã ảnh-hưởng không ít tới Biện-chứng-pháp duy-tâm của Hegel và Biện-chứng-pháp duy-vật của Marx-Engels.

L. T. S.



UA nhiều thế-kỷ, xứ Hy-lạp chỉ có những thi-gia. Từ thế - kỷ X đến VI trước Thiên - Chúa kỷ-nguyên đã xuất-hiện

rất nhiều lẽ-lối thi ca : thể anh-hùng ca (Homère : l'Iliade và l'Odysée), thể giáo-khoa-thi (Hésiode : les Travaux et les Jours), thể ca-thi hòa theo thiên-cảm, thể bi-ca, thể trường-đoản cách...

Tân - văn xuất - hiện trễ hơn vận-văn, bắt đầu từ cuối thế-kỷ VI trước Thiên-Chúa nhớ những sử - gia, diễn-giả,... cùng những triết-gia xứ Ionie,

trong đó có nhà hiền-triết Héraclite.



Sinh quán Héraclite là Ephèse, nơi có rất nhiều di-tích cổ-thời, với một kỳ-quan là đền thờ bà Diane. Đó là một đô-thành cổ của tiền-quốc Ionie ở phía tây đất Tiểu-Á Tể-Á, trên bờ biển Egée, giữa hai vịnh Smyrne và Mendelia. Người Ionie rất thông-minh và đã chiếm một địa-vị vô-cùng rực-rỡ trong nền văn-minh Hy-lạp xưa.

Đời sống Héraclite, ngày nay không được rõ, chỉ biết ông sinh vào kho ả năm 576 và mất năm 480 trước Thiên-

Chúa. Theo *Diogène Laërce* (thế-kỷ III sau Thiên-Chúa) ông chết vì bệnh thủy thũng. Điều này không chắc-chắn lắm, vì nhà viết sử đất Laërte (Cilicie) chỉ sưu-tập tài-liệu mà không phán-đoán.

Théophraste (thế - kỷ IV sau Thiên-Chúa) trong quyển *Les Caractères* chép rằng Héraclite là một người có linh-cảm, tánh thích cô-lập và hay suy nghĩ lo-lắng. Nhận-xét này ta có thể cho là đúng được khi căn-cứ vào một ít tản-văn còn sót lại của ông. Ông lại là người giàu lòng tự-tín. Ông cho rằng phần đông con người chưa ai thấu hiểu chơn lý vô cùng, không có trí-thức đứng-đắn. Cả đến những bậc văn-hào thông-thái danh - tiếng trước hay đồng thời với ông cũng không được ông tán-thành. *Homère* tác-giả những anh-hùng ca, *Hésiode* mà thi-phẩm đượm chất tôn-giáo và luân-lý giáo-khoa, *Pythagore* nhà triết-học kiêm toán-học, *Xénophane* triết - gia sáng-lập trường *Elée* tác-giả *Les Natures des choses* đều bị ông chỉ-trích, chê-bai.

Tương-truyền ông có viết một quyển luận-thuyết về thiên-nhiên (*De la Nature*). Viết xong, ông đem quyển sách viết bằng vỏ chỉ thảo dâng cho tên *Artémis*. Rồi ông rời bỏ thành-thị, vào ẩn-dật trong vùng rừng núi.

Tuy hiện giờ, ta không thể biết đích-xác về tác-phẩm của ông, nhưng ta có thể hiểu được rằng lời văn trong sách rất là khúc-mắc, bí-hiểm. Chẳng thế mà đời sau đã đặt ông cái biệt-danh là *tối-tăm* (*obscur*). Sự thực, chính ông đã cố tình làm cho khó hiểu. Ông không viết rõ hết tư-tưởng, mà lại nửa úp nửa mở như những lời sấm. Không

nói hết ý-nghĩa, ông chỉ gợi ý ra mà thôi. Ông muốn được như những Nữ - thần tiên - tri (*Sibylle*) không cần minh-bạch mà cũng được lưu - danh hậu - thế. Và được lưu - danh hậu - thế theo ông, đã là vĩ-nhân rồi.

Sách của Héraclite thất - lạc nhiều. Hiện chỉ còn một ít tản-văn.

Học-thuyết Héraclite

Tư - tưởng Héraclite lấy sự đổi-dời của vũ-trụ cùng tính vô-thường của sự vật làm gốc.

Tất cả đều phải tuân luật biến-thiên. Không một vật nào có thể giữ được y-nguyên trạng-thái cũ. Giây phút trôi qua, và sự vật đi theo thời-khắc. Sự vật đi qua, biến-đổi, chết. Sự vật quá-khứ chết mất đi để chừa chỗ cho sự vật hiện-tại, và cái hiện - tại ấy cũng mất liền khi ấy để thành ra quá-khứ. Vì luật biến - đổi, vạn-vật luôn luôn thay đổi từ trạng-thái này sang trạng-thái trái nghịch hẳn. Trong sự quay cuồng vô - tận, còn gì phân biệt giữa ngày và đêm, nhỏ và lớn, vô-hình với hữu hình. Cõi *không* vẫn trở nên có và có sẵn-sàng biến vào cõi không.

Biện - chứng cho lẽ chuyển - biến, Héraclite nói : « Chúng ta vừa xuống vừa không xuống trong cùng một giòng sông ; chúng ta vừa tồn-tại vừa không tồn - tại. » « *Nous descendons et ne descendons pas dans le même fleuve ; nous sommes et ne sommes pas* ». Hay đôi khi đi diễn - dịch dưới một hình - thức khác : « Ta không thể nào tắm được hai lần trong cùng một giòng sông ». Thoạt

nghe, ta tưởng chừng vô-lý, nhưng sự thực, chính vì lẽ biến-thiên vậy. Nói chỉ người chỉ là một sinh-vật bé nhỏ, đến non cao bề thẳm cũng phải mòn cạn. Dĩ-nhiên sự biến-đổi ấy trải qua muôn triệu năm, qua những thời-gian dài dằng-dặc.

Vậy, sự vật yên - tĩnh trước mắt ta chỉ là một ảo - ảnh. Nó luôn luôn bị luật phá-hoại và luật sanh-thành chi-phối. Có rồi không, không rồi có, hiệp rồi tan, tan rồi hiệp, đó là luật chung của muôn loài.

Mà tại sao lại có sự biến - đổi ấy? Nguyên-nhân?

Héraclite nhận thấy một sự *mâu-thuân* rất lớn chung quanh mình. Phải có cái *không có*, thì mới có được cái *có* và không có cái *không*, thì cái *có* khó mà có được. Vậy thì trong cái *có* đã hàm nghĩa chữ *không*, và trong cái *không* cũng chứa phần *có* vậy. Trong sự vật bao giờ cũng bao-hàm cả hai động-lực mâu-thuân lẫn với nhau. Sự mâu-thuân hay sự tương-phản giữa hai động-lực là nguyên-nhân những biến-chuyển vậy.

Sự biến - thiên trong trời đất không phải là một hiện-tượng hay một quá-trình dễ-dàng, không có sự ngăn - trở như nước chảy đá mòn, mà là một tương - tranh giữa các động - lực mâu-thuân. Như khi ta bắn cung, động-lực của cần cung và của sức tay ta găng nhau : vì thế mà mũi tên bay.

Héraclite nói : xung-đột là chúa-tể của mọi sự vật, nên có chiến-tranh xảy ra là lẽ tự - nhiên. Thế - gian là một thứ rệu rã xao-động luôn mới khởi hư. Homère ước-mong cho sự bất-hoà trong

thế - gian và trên trời không còn nữa, đó là một điều sai lầm, vì sự vật và vũ - trụ chỉ hết xung - đột khi mà nó tiêu-diệt. Nên những kẻ chết ở chiến-trường sẽ được thần-thánh cùng nhơn-loại tôn - trọng.

Có điều, sự xung-đột đó không hỗn-loạn, mà gây nên sự *điều-hòa*. Hai cái tương-phản *hạn-chế* cho nhau, *đáp-đối* lấy nhau như tánh dẻo của cần cung hạn-định sức tay người kéo dây cung. Sự gặp nhau của hai cái *mâu-thuân* là nguyên-nhân của mọi sinh - vật. Cuộc biến-thiên vô cùng vô-tận là đặc - tính của sự vật ; nó mau hay chậm theo một thứ tự thiêng-liêng biểu-lộ sự hòa-hợp tạm - thời của hai động - lực trong vũ - trụ.

Trong vũ - trụ đã không có gì đồng nhất, vậy thì không thể có cái tuyệt-đối được. Héraclite chú-ý đến lẽ *tương-đối*, và nhận thấy không có sự vật nào là có giá-trị bền chắc. Nước biến đổi, với cá là trong sạch, uống được và hữu-ích ; với người, nó không tinh-khiết, không uống được, mà đôi khi lại nguy-hiểm nữa. Những ý-kiến, luật-lệ xã-hội, phong-tục hay chế-độ có thể giúp nhân-loại trong một thời nào đó, mà, theo đà tiến-hoá của nhân-loại, nó có thể khuyết-diếm vô-ích trong một thời khác.



Học-thuyết của Héraclite được coi như là nguồn-gốc của biện-chứng-pháp. Ông nhận thấy rằng chỉ có sự đang thành, sự chuyển-biến là lịch-trình chân thật. Sự trải qua từ hữu - hạn đến vô - hạn hay ngược lại, từ vô-hạn đến hữu-hạn, sự ly-hợp của những động-lực tương-

đối, giữa thực - tại với hư - không là những định - luật khái - quát nhất về tình-trạng bất-định, tính-chất vô-thường của vật-giới. Héraclite suy ra nguyên-tắc mâu-thuân bao trùm cả vũ-trụ, mà vật-chất tồn-tại được là nhờ sự hợp-nhất giữa các thể-trạng trái nghịch nhau. (1)

Nhưng vì đâu mà có vật-chất trong vũ-trụ? Héraclite cho rằng đó là biến-hình của một nguyên-tố rất linh-diệu: lửa hay là hơi nóng. Thực - thể ấy có khắp nơi, là nguồn-gốc của tất cả sinh-vật mà sinh-vật cũng có thể biến thành lửa. Lửa nguội thành hơi, và khi tắt hẳn thì thành chất rắn.

Như vậy, vũ-trụ chỉ là một khối lửa đang biến-thiên, cháy rồi tắt, tắt rồi cháy, theo nhịp nhất-định. Nó không phải thần thánh sáng-tạo, mà sức người cũng không làm ra nó được. Nó không thể tồn - tại vĩnh - viễn được. Nó phải theo luật biến-đổi, nhưng nó không hề tiêu - diệt. Vì dù rằng vũ - trụ có trở nghịch lại thành bề lửa, thì lửa lại biến ra vũ-trụ: bao giờ cũng có sự đang thành.

Chúng ta luôn luôn bất-lực trước những biến-đổi, không vượt luật biến-thiên được. Héraclite khuyên ta nên thuận-biến theo trời đất. Ta còn được một điểm rất quý là tư-tưởng, nhờ đó

ta biết được chân-lý mà hành - động theo, thế là đã đạt được đạo thánh-hiền rồi vậy.



Những tư - tưởng của Héraclite có ảnh-hưởng rất lớn, cả đến những người phản-đối ông. Socrate cũng công-nhận rằng học-thuyết Héraclite có nhiều điểm hay, dầu có nhiều chỗ khó hiểu. Nhưng bắt đầu từ đời Aristote trở đi, tư-tưởng ông càng ngày càng phai-mờ.

Mãi đến cuối thế - kỷ XVIII, mới có người nổi-chí. Biện-chứng-pháp duy-tâm của Hegel, hay duy - vật của Marx-Engel đều lấy căn-bản ở luật mâu-thuân và cùng xây-dựng trên một vũ-trụ quan-động.

NGUYỄN-ĐỒNG

(1) Hai thể trái - nghịch nhau ấy giống như hai cái tương-đối là âm và dương trong Kinh-Dịch. Dịch là biến - đổi, đức Khổng - Tử cũng nhìn-nhận có sự biến - đổi luôn-luôn trong Trời Đất: Thệ giả như tự phù, bất xả trú dạ.

✱ CÁI làm cho ta buồn, ta khổ, chính là một kho-tàng rất quý.

P. DE RAVIGNAN

Máy nhận xét về :

CÂU THƠ TÁM CHỮ

VÕ - PHIẾN



HONG-trào thơ mới 20 năm trước có thể là đã tìm được một thể thơ mới về hình - thức, thể thơ tám chữ. Ban đầu,

vào khoảng từ 1932 cho đến 1935, những bài thơ tám chữ còn phóng-túng, chưa có khuôn - phép, so với thơ tám chữ sau này ta thấy đại-khái cũng như những câu ca-dao bằng lục-bát biến-thể so với lối lục-bát chính-thể trong Kiều, trong Lục-Vân-Tiên. Trong **Máy Văn Thơ** của Thế-Lữ xuất-bản năm 1935, thơ tám chữ còn có những câu như :

... Về sầu muộn âm-thầm ngày mưa gió :
Cảnh vĩ-đại sóng nghiêng trời, thác
ngàn đò... (1)

Đọc nghe khắp-khênh, vì số chữ còn tự - do, nhịp điệu bất thường, chưa thuần-thực. Ba năm sau, khi Xuân-Diệu

cho ra đời **Thơ - Thơ**, thì câu thơ tám chữ đã tự-giác chịu vâng theo một kỷ-luật. Lúc bấy giờ chưa có ai chính-thức công - bố một luật thơ tám chữ, nhưng từ đó về sau thơ tám chữ đã có một định-thể được phần nhiều các thi-sĩ vô tình chấp-thuận.

Ngày nay, ngắm - nghĩ về cái nhịp cuối của câu thơ ấy, tôi thấy có một điều đáng chú-ý.

Câu thơ tám chữ có thể chia làm 2 nhịp, mỗi nhịp 4 chữ :

Miếng thở ra hương, / hương tỏa
lành ngấm (2)

hay chia làm 4 nhịp, mỗi nhịp 2 chữ :

Hoa chăm, / cỏ xén, / lối phẳng, /
cây trồng, / (3)

Nhưng thông-thường nhất là trường-hợp câu thơ chia làm 3 nhịp, ngắt ở chữ thứ ba, ở chữ thứ năm hay thứ

sáu, và ở chữ thứ tám. Nghĩa là hoặc câu thơ theo nhịp 3, 2, 3, như :

Trời trên kia / vàng mạ, / sáng như
băng / (2)

Hoặc theo nhịp 3, 3, 2 như :

Lá lim-dim / trên mấy ngọn / bằng
bằng / (2)

Cũng như trong thể lục-bát hay trong thể thất-ngôn Việt-Nam, chỉ có những chữ cuối nhịp là phải theo luật bình trắc. Câu trắc thì :

T B T

Chân ngắn quá / không đi cùng /
trái đất / (4)

Câu bình thì :

B T B

Đề mắt nhìn / cảnh lạ / trái bên
đường / (4)

Khi thì nhịp thứ hai ngắt đúng vào chữ thứ năm, khi thì rớt vào chữ thứ sáu. Nhịp dứt đúng vào chữ nào thì chữ ấy phải theo luật, đó là lẽ thường. Nhưng tôi tự hỏi : vậy nhịp cuối cùng sao mà khi có 3 chữ, khi lại 2 chữ, khi chẵn, khi lẻ, lộn - xộn vậy ? Nhịp giữa thì không lấy gì làm quan-trọng, nhưng nhịp thứ ba, nhịp cuối, chỗ nghỉ của câu thơ có đầu thất thường quá vậy ?

Nhưng xem kỹ lại mới thấy rằng không hề có trường-hợp thất thường ở nhịp cuối trong câu thơ tám chữ. Trước hết ta để ý thấy khi nào nhịp thứ nhì ngắt vào chữ thứ sáu thì chỉ có chữ ấy theo luật, còn chữ thứ năm được tự-do. Câu thơ của Xuân-Tâm :

Chân ngắn quá / không đi cùng /
trái đất /

Nếu ta sửa lại : Chân ngắn quá / không
bước cùng / trái đất / thì đọc nghe vẫn
xuôi, không thấy trái tai. Những câu
thể này ta gặp rất nhiều :

Ngang phòng trưa / ru hồn nhẹ /
cây xanh /
Trưa quanh gốc. / Và mộng hiền /
của bóng / (5)

hay

Nàng là hương / hay nhan sắc /
lên hương ? /

Trong những trường-hợp ấy chữ thứ năm đều khác thanh với chữ thứ sáu mà không ảnh-hưởng gì đến âm - điệu của thơ. Trái lại khi mà nhịp thứ nhì của câu thơ ngắt đúng vào chữ thứ năm thì xảy ra một điều kỳ-lạ, là chữ thứ sáu vẫn phải theo luật. Những câu sau đây của Anh Thơ :

Mưa đồ bụi / êm êm / trên bến vắng / ;
Đò biếng lười / nằm mặc / nước
sông trôi /,
Quán tranh đứng / im - lìm / trong
vắng-lặng /
Bên chòm xoan / hoa tím / rụng rơi-
bời / (7)

nếu ta chữa lại cho chữ thứ sáu có một thanh khác thì câu thơ thành ra khô-độc :

Mưa đồ bụi / êm êm / giữa bến
vắng /,
Đò biếng lười / nằm mặc / cho sông
trôi /
Quán tranh đứng / im - lìm / giữa
vắng-lặng /
Bên chòm xoan / hoa tím / rơi rơi-bời /

Hàn - mặc - tử, có một câu đọc nghe
trúc-trắc :

Cùng tình em / tha-thiết / như vấn
thơ / (8)

Giá chữa lại được :

Cùng tình em / tha-thiết / tựa vãn
thơ (8)

thì rõ-ràng là xuôi tai hơn.

Như vậy khi nhịp thứ nhì ngắt ở chữ thứ sáu thì chữ thứ năm được miễn luật, nhưng khi nhịp ấy ngắt ở chữ thứ năm thì chữ thứ năm theo luật đã đành mà chữ thứ sáu vẫn không được miễn luật. Tóm lại trong câu thơ tám chữ, chữ thứ sáu là chữ phải luôn luôn theo luật.

Thường thường được miễn luật là những chữ người ta đọc phớt qua, lướt nhẹ qua, không ngừng nghỉ, không gằn mạnh, không chú ý đến, cho nên dù là thanh này hay thanh khác cũng không quan hệ, không ảnh - hưởng đến nhạc điệu của câu thơ. Những chữ cuối nhịp phải theo luật, phải đứng thanh vì đó là nơi người ta đọc mạnh, người ta ngừng - nghỉ lại. Do việc chữ thứ sáu luôn luôn theo luật ta có thể nói rằng đó là một chữ quan-trọng về mặt tiết điệu trong câu thơ : dù trong những trường-hợp mà về mặt ý - nghĩa chữ thứ năm có quan - trọng hơn thì về mặt tiết-diệu cũng không thể bỏ qua chữ thứ sáu. Dù theo nghĩa nhịp 2 có dứt ở chữ thứ 5 thì về tiết-diệu người ta vẫn lưu-ý, vẫn nhấn mạnh, vẫn ngừng - nghỉ ở chữ thứ sáu. Có thể nói trong trường-hợp này câu thơ như có thêm một nhịp phụ nữa, và chia ra :

Mưa dồ bụi / êm êm / trên / bến vắng /
Đò biếng lười / nằm mặc / nước /
sông trôi /
Quán tranh đứng / im-lìm / trong /
vắng-lặng /
Bên chòm xoan / hoa tím / rụng /
lơ-bơ. /

Khi ấy luật câu trắc là :

T B B T

và luật câu bình là :

B T T B

Chữ thứ sáu lúc nào cũng cầm giữ hơi đọc lại, cũng chận nhịp thơ lại như thế, cho nên nhịp cuối cùng còn lại luôn luôn vẫn là hai chữ, luôn luôn là chẵn chữ không bao giờ lẻ.

Chúng ta đã biết câu thơ lục bát dứt bằng những nhịp chẵn, cho đến câu thơ thất ngôn Việt cũng khác thơ thất ngôn Tàu ở chỗ dứt bằng một nhịp chẵn. Bây giờ ta lại thấy câu thơ tám chữ cũng dứt bằng nhịp chẵn, dù có những trường - hợp oái - oăm, làm cho nhịp điệu câu thơ không sát với ý nghĩa của lời thơ.

Verlaine nói chuyện về thơ, tuyên bố thích nhịp lẻ :

*De la musique avant toute chose,
Et pour cela préfère l'Impair
Plus vague et plus soluble dans l'air,
Sans rien en lui qui pèse ou qui pose.*

Người Việt - Nam chúng ta không thích cái thanh-thoát, phiêu-diệu ấy. Câu thơ chẵn của ta có một vẻ gì nặng-nề mà chắc-chắn vững-chãi.

6 - 1957

VỖ - PHIẾN.

- | | |
|-----------------------|----------------|
| (1) Cây đàn muôn điệu | (Thế-Lữ) |
| (2) Hoa đêm | (Xuân-Diệu) |
| (3) Nhớ rừng | (Thế-Lữ) |
| (4) Xa lạ | (Xuân-Tâm) |
| (5) Trưa đơn giản | (Chế-lan-Viên) |
| (6) Tranh lửa thè | (Bích-Khê) |
| (7) Chiều-Xuân | |
| (8) Trường-tương-tư. | |

MỘT ĐÊM

Đề nhớ ơn những người thân đã yên giấc, và đề nhớ Thanh-Thảo, người bạn đồng-hương thời măng-sữa và thời khởi-nghĩa, người độc-nhất đã đọc sơ-thảo truyện này ở « Tịch-mịch-trang », 15 năm về trước, và đã bỏ mình dưới vuốt cọp tại rừng quê-hương, trong thời giành Độc-lập.

« Cái đêm hôm ấy đêm gì ? ... (Cung-oán).

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN



Ấ khuya rồi mà Nguyên chưa ngủ được.

Dường như đêm nay thế nào cũng đem lại cho Nguyên một việc gì mới lạ, khác thường ; nhưng đồng-hồ con ngựa treo trên vách ván đã thông-thả buông mười tiếng boong boong từ lâu rồi, mà Nguyên chưa thấy việc gì, mới, lạ, khác thường cả. Vẫn tiếng máy-may đều-đều, và, nhẹ - nhàng hơn, tiếng sóng biển vỗ vào khóm đá gần bờ....

Không ngủ được, Nguyên nghiêng-nghiêng mình nhìn Má.

Má ngồi may máy ; chiếc đèn dầu con đề kê bên dịu-dàng soi sáng bàn may

và mặt Má. Bàn may cu-cũ, mặt Má rầu - rầu, gian nhà rộng-rãi, sao đêm nay lại in đậm vào hồn non - nớt của Nguyên. Nguyên bỗng nhớ đến Mợ Hương - bộ có lần thốt : « Nhà thiếu người đàn-ông thấy như cao, rộng hơn nhiều », khiến Má thờ dài, nhìn ra phía biển : một cánh buồm con như đứng khựng trên đường chia hai trời với nước. Và dường như lần ấy, Nguyên mới để ý đến mắt đăm - đăm và gương mặt u-buồn của Má. Giờ đây, trong đêm thanh - vắng, dưới ánh đèn êm, gương mặt Má càng rõ vẻ u-sầu buồn-bã hơn bao giờ hết. Ban ngày, bận-bịu biết bao là công việc : trông nom tiệm thuốc Bắc, chỉ vẽ thợ dệt đệm buồm, coi chừng người may mướn, đôn - đốc

kể làm gạo, lại còn lo muối cá những buổi trời êm, tiếp - đãi bà con, tiếp - đón khách hàng, Má làm sao mà sầu mà buồn cho được. Má đâu có mập, Má cũng chẳng mạnh gì, thế mà người thân - thuộc khuyên Má bớt công việc làm ăn : hoặc sang tiệm thuốc, hoặc nghỉ dệt dệt, hoặc bán máy - may..., nhưng Má chẳng nghe, dường như Má có cái lý của Má. Giờ đây, chỉ có một công việc, là may, công việc mà Má làm như chơi vậy, giờ đây, không có một ai thấy Má (Má nào có biết Nguyên còn thức và đang nhìn Má), bao nhiêu cái u-buồn, Má đều để lộ ra trên cái lưng khom, trên cái đầu cúi, trên cả vài sợi tóc rủ xuống bên hai má xương-xương ; Nguyên thấy má ốm, yếu, buồn hơn lúc nào hết.

Nguyên sực nhớ cách không bao lâu Nguyên làm Má buồn nhiều mà càng hối-hận.

Sáng hôm ấy, Nguyên theo anh Chi, người anh cô-cậu, xuống tận ngành (1) bắt còng, gở vòm, bỏ cả buổi học, khiến người nhà hoảng kiểm tứ-tung. Khi người ở nắm tay Nguyên dẫn về, Má không đánh, không la, mà chỉ bảo :

— Thầy Má nuôi con khôn lớn, cho con đi học ; con lại bỏ học mà đi chơi. Con đã ham chơi hơn ham học, thì Má cho con chơi. Con không phải là con Thầy, Má nữa. Con muốn đi đâu thì đi, con muốn chơi gì thì chơi.

Rồi Má quay lại rọc lá buông để dệt dệt, như không có việc gì xảy ra, như không có Nguyên cúi đầu đứng đó. Một cơn tức-giận và một nỗi đau-xót lạ-lùng chiếm lấy người Nguyên. Nguyên vụt cời

cả áo quần, quăng cái phịch. Cả nhà trở mắt, kinh-ngạc. Má chau mày, song diêm-nhiên hỏi : « Con muốn gì ? ». Tức thì câu đáp vọt ra, chẳng một ai ngờ trước :

— Má nói con không phải là con của Thầy, Má, Má đuổi con, con đi. Cái gì của Má con trả lại Má đó.

Má bỏ rơi mấy con lá, chớp mắt rồi nhìn Nguyên : « Được. Nhưng con quên rằng con là một đứa học - trò, dầu là học trò trường làng ; con là con của một người thầy giáo, lại là con người thầy giáo trước hết ở tông mình, con không thể trả quần áo cho Má như vậy được. Con phải giữ cho sạch cát, xếp lại ngay - ngắn, rồi đem lại đây cho Má ». Nguyên lảng - lạng làm y lời Má, trong khi dì tư Khương nói với Má : « Cái thằng mới bây lớn mà nói mà làm như vậy, không biết nứa lớn, nó nói nó làm ra sao nữa ! Thím coi, hồi qua, tôi giận, giơ tay dọa bạt tai nó, thì thím biết nó làm sao không ? Con trai thím nó không thêm chạy, mà sùng-sộ với tôi : « Thầy, Má tôi sanh ra tôi mới đánh tôi được, còn dì có sanh tôi được không mà đánh tôi ? » Làm tôi chưng-hửng. »

Má mỉm cười, buồn vui lẫn-lộn. Nhận bộ đồ Nguyên trả, Má hỏi :

— Giờ con đi đâu ?

Câu trả lời chẳng để đợi :

— Con đi tìm Thầy.

Nhưng sau đó không bao lâu, Má tìm thấy Nguyên đứng dựa cột chợ,

(1) Tiếng miền Nam Trung-Việt, chỉ những gộp đá ở bờ biển.

say-sưa coi lũ bạn bắn kè (2). Má nắm tay Nguyên dẫn về nhà ; Nguyên riu-riu theo. Tự tay tắm rửa, bận quần áo sạch cho Nguyên xong, Má mới bắt Nguyên nằm dài trên ván, dạy : « Con lờ dại, Má dạy, muốn cho con nên người. Con nó ; như vậy, con làm như vậy, là bậy lắm.

Nếu Thầy mà ở nhà, Thầy sẽ buồn đến bực nào. Ừ, con trả lại Thầy, Má quần áo, nhưng có cái mà con không bao giờ trả được, con có biết cái gì không ? »

Nguyên làm sao biết được. Nguyên chỉ biết cúi đầu, nghe.

— Cái mà con không thể trả cho Thầy, Má cũng như Thầy, Má không trả cho Ông, Bà, đó là sự Sống. Có Ông, Bà mới có Thầy, Má ; có Thầy, Má mới có con...

Má dường như còn muốn nói gì nữa, bỗng ngừng. Từ phía dưới, tiếng chị ba

Hương hòa với tiếng vọng đưa em gái Nguyên :

« Có con, phải khổ vì con,

« Con ơi, con biết mấy lần xót đau. (3)

Má lặng-im một hồi, rồi hỏi Nguyên ;

« Con có biết lỗi của con chưa ? »

Nguyên lúc bấy giờ mới cảm tất cả cái ngu-dại của mình, và tất cả cái sâu-xa của tình mẫu-tử ; Nguyên không trả lời thẳng câu hỏi của Má, mà nghẹn-ngào : « Từ rày, con không dám vậy nữa. »

Cảnh hôm ấy như sống lại trước mắt Nguyên, khiến Nguyên không cảm được

nước mắt ứa-ứa và ngăn được một cái thở dài. Tiếng máy - may bỗng ngưng bật; Nguyên vội nhắm nghiền đôi mắt. Mắt tuy nhắm chặt, tiếng sóng biển át tiếng chân không bước nhẹ, song Nguyên vẫn cảm thấy Má đứng kề, ngọn đèn nhỏ sáng hơn và đầu Má nghiêng - nghiêng xuống. Cái mềm được một bàn tay êm kéo chầm-chậm lên đập kín cả ngực, Nguyên muốn khoát nó ra, ngồi chồm dậy, giơ hai tay ôm cổ Má, rúc đầu vô lòng Má để mà mặc-tình khóc, khóc cho



(2) Túc bắn bi, bắn đạn.

(3) Ca-dao :

Có con phải khổ vì con,

Có chồng, phải gánh giang-san nhà chồng.

Lục-Vân-Tiền :

Có thân phải khổ vì thân,

Thân ơi, thân biết mấy lần gian-nan.

tan đi cái khối nặng đè lên ngực bé-con, khóc cho hả nỗi thương Má, nhớ Thầy... May thay, Nguyên chống lại được sự cám-dỗ này, uốn mình qua, day mặt vào phía trong, tránh ánh-sáng ngọn đèn và nhút là xa cái mùi qu్యా-rũ của Má, cái mùi đặc-biệt pha lẫn mùi trầu, vôi, mùi cá, muối, mùi thuốc Bắc, mùi dầu-dừa.

Tiếng máy-may đều-đều trở lại, dường nhẹ-nhàng hơn; tiếng sóng biển như mơ-hồ hơn nữa. Thình - thoảng, đôi chiếc xe trầu chở gỗ ở rừng sâu về cọt-kết cọt-kết nghe lạnh mình như nghiền đi nghiền lại màn đêm dưới mấy bánh xe miềng sắt.

Nguyên không làm sao ngủ được, muốn lẩn qua lẩn lại, nhưng chẳng dám, đành nằm nghiêng mà ngắm đứa em gái. Ngắm em mà Nguyên thấy thèm. Thèm giấc ngủ ngon lành của em, thèm cả da thịt hồng - hào, gương mặt mუმ-mum của em. Em trắng trẻo và no tròn như cục bột, còn Nguyên thì ốm-yếu, khẳng-khiu như thẻ cây tre. Càng ngắm em, Nguyên càng thấy thương em, và càng thấy mình không phải với em mà thương em nhiều hơn nữa...

Như mọi lần, sáng hôm ấy, Má gọi Nguyên vào buồng, chỉ hai miếng mo cau túm lại để dưới chân giường. Nhưng khác mọi lần. Nguyên không cầm lấy chúng, đem bỏ chúng ngoài động sau nhà, mà đứng im, mặt nhăn-nhăn. Thấy thế, Má hỏi: « Sao con chưa chịu đi? » Nguyên làm thinh. Má lấy khăn đắp bụng em, ngồi dậy: « Con muốn gì? »

Câu trả lời tung ra, bất ngờ đến đôi Má chưng-hửng:

— Cút mẹ một xu! Cút con hai xu!
Sau một phút im - lặng, Má « À! »

một tiếng, rồi mới nói: « Con muốn đòi tiền công, được. Đây, ba xu. Con hãy làm xong việc Má nhờ, rửa tay, rồi vô đây, lấy tiền ». Và Má cười cười; khi thấy, khác hơn mọi bận, Nguyên một tay cầm chặt hai miếng mo cau, một tay bịt mũi.

Trở vô buồng Má, Nguyên toan thò tay lấy ba đồng xu để sẵn trên bàn con, thì Má chặn lại:

« Khoan đã. Để Má kể cho con nghe đôi chuyện này. Thầy có nói với Má, lúc con còn bé-tí, bé-tí hơn em Nga con: « Khi cô mụ cho tôi hay mình sanh con trai, tôi mừng quá đến đổi đi chân như hồng đất ». Và lần đầu con thấy em con, con sờ chân, sờ tay, sờ tóc, sờ mũi, sờ miệng, nhìn em một hồi mới nói: « Em ngộ quá, cái gì cũng nhỏ cả: ngón chân cũng nhỏ, bàn tay cũng nhỏ, tóc cũng nhỏ mà mũi cũng nhỏ. Cái gì của em cũng nhỏ cả, con thấy thương em quá, Má à ». Nghe con nói, Má vui biết mấy. Ai ngờ hôm nay, giúp Má, giúp em một việc nhỏ-nhỏ, con lại đòi tiền công. Như thế là con không thương Má lúc ốm đau, con không thương em nhỏ dại; như thế là con không xứng với lòng mong - đợi của Thầy: một người con không biết thương mẹ ốm đau, một người anh không biết thương em nhỏ dại, thì sau này có làm được việc gì tốt đẹp đâu ».

Thấy Nguyên cúi đầu, vẻ buồn hiện ở mặt, Má đòi giọng:

— Má biết con trai lớn của Má lúc nào cũng thương em, thương Thầy, thương Má. Má biết con không có ý đòi tiền công Má. Vậy con Má muốn ba xu để làm gì? Con cứ nói cho Má nghe.

Áp-a ắp-úng một hồi, Nguyên mới nói được sự thật. Trong làng, trẻ từ hồi nào chỉ chơi kẻ sành, hôm qua, ba thằng Thảo đi Sài Gòn về, mua cho nó mấy cục kẻ bằng ve-chai, tròn vo và rần-rỉ đủ màu, thấy mà thương, nó bán lại lúc đầu một cục một xu, rồi hai xu, còn cục chót, ba xu. Nguyên dặn nó để dành cho Nguyên... Nguyên không dám xin tiền Má... Nghe xong, Má chỉ hỏi : « Bây giờ, con cứ nói thiệt : con thương cục kẻ ve-chai hơn hay là thương Má thương em hơn ? ». Nguyên chỉ biết cúi đầu.

— Nếu con thương cục kẻ nọ nhiều hơn Má và em, thì con cứ lấy ba đồng xu đó mà mua nó cho kỳ được.

Rồi Má quay lưng lại, nài lưng em và ru khe-khe :

« Á-tế-á năm châu là bạc nhất... »

Nguyên rón-rén ra khỏi buồng Má.

Trưa, đi học về, Nguyên được đến ba cục kẻ ve-chai rực-rỡ, và cũng được mười-lăm phút, dựa cột, đứng, khoanh tay.

Trí đang quay về quá khứ, tay đang mân-mê mấy ngón tay nho-nhỏ của em, thì tai Nguyên nghe một tiếng thờ dài ngay sau khi máy-may vừa tắt tiếng. Nguyên càng nằm im. Nguyên đoán là Má đang nghĩ đến Thầy. Những ngày gần Tết, làm thế nào mà chẳng nghĩ đến người chủ gia-đình vắng mặt, nhất là vào những đêm thanh-vắng, một bóng một đèn.

Nhớ Thầy, là Nguyên nhớ đến Tết, mà Tết đến là Nguyên càng nhớ Thầy. Vì một cảnh ăm, yên đã khắc vào trí, vào lòng Nguyên. Cảnh những buổi tối, cửa đóng then gài, ngồi gợn lòn trong

lòng Thầy, mặc kệ bên ngoài sóng la gió hét, cùng im-lặng như Thầy, và cùng Thầy chăm-chú nhìn tay Má thoăn thoắt đưa đôi đũa qua lại trong lòng chiếc nồi dặt lòn trong đó lụp-bụp lụp-bụp bao hột nếp trắng ngần ; rồi khi Má đổ nò ra nĩa, hai cha con lánh phận - sự lợm vỏ nếp còn sót, bỏ những hột nò nào lổ cháy, và thỉnh - thoảng bỏ vào mồm đôi hột nò « chẳng chỗ chê ». Cái thú trong việc « ăn - gian » này là sự « thống-nhứt hành-động » giữa cha con : cùng liếc nhìn Má, cùng bỏ vào mồm hột nò được chăm một lượt, và một lượt cúi đầu, ngậm miệng, mắt tay chăm chỉ làm tròn nhiệm-vụ, những khi tình-cờ Má quay lại phía hai người cộng-sự, mặc dầu cha con biết rằng « bà chủ » có bắt được tại trận cũng chỉ cười trừ. Rồi sau đó là sên đường, là đóng học, là dán giấy. Ôi ! những ngày đầu năm, ngắm những học cốm vuông-vức lòn-loẹt trong lớp giấy đỏ hực, vàng cay hay dịu-dàng với màu trắng hiền, màu xanh dịu, những học cốm an-bài trong những đĩa thờ nghiêm - trang cạnh đèn sáng, nhang thơm, rồi nhìn lại bạn nhỏ với xúng-xính trong những bộ đồ mới đủ màu, Nguyên nghĩ : « Chúng cũng ăn Tết như bọn mình ».

Nhưng cảnh trên đây, đã không còn từ mấy năm nay.

Chiều chúa - nhật ấy, thả diều chơi với chúng bạn ngoài bãi biển về, Nguyên thấy cả nhà như có gì khang - khác, từ người cho đến vật. Bữa cơm tối, không có Thầy ; hỏi Má, Má bảo Thầy ra Phan-thiết có việc cần. Một năm, Thầy đi Phan - thiết sáu, bảy chuyến là việc thường : khi thì đi bồ thuốc, khi thì đi

mua sách, khi thì đề thăm vài người bạn cũ đông hương mà Nguyên còn nhớ được tên như bác Hiệt-Chi, bác giáo Thiệu... Nhưng sao lần đi này, Thầy không cho Nguyên hay trước, và sao bữa cơm nặng và im như một bữa cơm tang.

Rồi ngày lại ngày qua ; Thầy đi Phan-thiết chuyến này lâu quá. Má lo âu ra mặt. Rồi Thầy phải về ngay quê Thầy tuốt miền Bắc xứ Trung-kỳ, vùng Nghệ-Tĩnh thì phải ; các bác, các cô ngoài ấy chẳng biết có việc gì cần lắm mà nhân tin gọi Thầy về liền, khiến Thầy chẳng thể trở về nhà một chút, để Má đỡ lo, để Nguyên đỡ nhớ.

Từ lúc Thầy về quê nội Nguyên, thì Má kém ăn, kém ngủ, gầy ai trông cũng thấy, cảnh nhà như bị bao-bọc trong một bầu không-khí buồn-dau. Và lạ một điều, là Nguyên cảm thấy mình được mọi người thương hơn, từ Má đến bà - con, đến cả những người quen biết ; hơn thế nữa, dường như ai ai cũng muốn giấu Nguyên một điều gì chẳng biết.

Đã năm, bảy lần, Nguyên tình-cờ bắt gặp vài người lớn đang cùng nhau bàn chuyện, thấy Nguyên thì bỗng im, rồi nói chuyện trời mưa trời nắng. Có những tiếng mà Nguyên thoáng nghe, nghe đi nghe lại lắm lần : vụ bè tập, hàng tha, làng ở tù, đày Lao-bảo, biết đầu người ít nói mặt mũi phương - phi chẳng phải là vua Duy-Tân...

Có lần Nguyên thừa lúc Má ít buồn hỏi Má có biết gì về « vụ bè tập » chẳng, thì Má nhìn Nguyên với đôi mắt quá buồn, rầu-rầu nói : « Con còn nhỏ quá, biết cũng chẳng ích chi. Lớn lên Má nói cho con rõ ».

Cho đến một chiều kia, Má rồi - rít sửa-soan áo quần, gọi em đang đau cho Mợ Hương - bộ, gọi nhà cho đi tư Khương, để cùng cháu là chị ba Hương và người giúp việc là anh Lân với Nguyên ra Phan-thiết « đưa Thầy về xứ ».

« Đưa Thầy về xứ ? »... Nguyên sững sốt hỏi lại. Thầy về « ngoài xứ » mấy tháng nay, chưa vô, mà sao lại về nữa. Má « À ! ờ ! » rồi giải-thích : Thầy đau, phải ở lại Phan-thiết chữa bệnh, Thầy dặn đừng cho Nguyên biết, sợ Nguyên lo mà sanh bệnh ; nay Thầy mạnh, Thầy mới đi, tối mai đi, mình phải đi lên ruộng chiều nay, nghỉ tại đó, mượn người vồng Nguyên vì phải đi bộ cả ngày...

Đây là lần đầu mà Nguyên đi xa. Biết bao là cảm-xúc, là thấy nghe, khiến lắm lúc Nguyên quên hẳn nỗi tạo - rức sắp gặp lại Thầy.

Ruộng Phong-diễn nhiều và tốt, vườn Mợ Năm, Mợ Sáu dừa là dừa, cau là cau. Lần thứ nhất chơi thân - mật với hai anh bà con cô cậu với Nguyên. Bánh con cậu Năm, con Ý, cậu Sáu, một lưã với Nguyên, cả hai đều mồ-côi cha thuở bé. Nguyên rất đổi ngạc-nhiên. Sau khi mừng « cô Bảy » — Má Nguyên —, hai anh dẫn Nguyên xem vườn, hái ổi..., nói năng vui - vẻ, Nguyên không hiểu sao không cha (nhà không nóc) từ mấy năm rồi mà hai anh vẫn yên vui, vẫn sung-sướng. Còn Nguyên mới xa Thầy có mấy tháng, mà đã thấy buồn nhiều, héo-hắt như cây con thiếu nước... Nếu chẳng may kỳ đau rồi, Thầy chết hay Thầy đi mãi không về... Nguyên rùng mình, không dám nghĩ nữa. Đêm đến, Nguyên ngủ rất ít, phần thì lạ nhà, phần thì

thiếu tiếng gió tiếng sóng thân-yêu, và nhất là vì mong gà mau gáy để lên đường cho chóng gặp Thầy.

Hiệp-Nghĩa với xóm người Hồi lụp-xụp, rồi thì giồng cát, rừng hoang. Bàu-Trâm, nghỉ ăn cơm trưa tại một lò gạch. Nguyên được cái sung - sướng mua rẻ thật nhiều kẻ : chỗ Nguyên đồng xu mười cục, đây, đồng xu tới năm-mười, lại tự-do chọn lựa, lại được cho thêm. Phen này, về nhà, mặc sức mà khoe với lũ bạn : không ai có nhiều kẻ bằng Nguyên.

Lại giồng cát, rừng. Cây cối thưa lẩn, nhỏ lẩn. Nguyên ngửi mùa gió biển dàu dàu. Quán-Thùng, dừng lại ăn cơm chiều. Rồi đi nữa. Thân mỏi, mắt mệt, Nguyên ngủ ngon-lành trên vóng lúc nào chẳng hay. Đến khi tai nghe tiếng chân người giẫm sột-sột trên vỏ chêm-chếp móng-tay, mũi ngửi mùi mẩn-mặn của gió khơi, Nguyên bừng tỉnh thì thấy biển rộng kẻ bên.

Phan - thiết. Đèn sáng sao nhiều quá. Nhà chị ba Lem, một chị bà - con bên ngoại. Tắm rửa, nghỉ - ngơi và đợi giờ lên ga đưa Thầy.

« Thầy còn ở trong nhà thương. Khó vô lắm ». Má bảo thế.

Đường đêm Phan - thiết, thật sáng, thật đông người, thật ồn tiếng. Nguyên mắt ngó tứ-tung, mà tay bóp chặt tay Má. Đường chánh của châu-thành, Má vào một tiệm thuốc Bắc lớn, biển đề : Lê-Nam-Hung.

Má nói chuyện riêng với bác Nam-Hung. Con trai lớn Bác, anh Bài, có cái bớt bên má, dẫn Nguyên lại tiệm nước Chệt ở gần. Hai đứa trẻ, một đứa ở nhà quê mới ra tỉnh lần đầu,

một đứa sống từ nhỏ ở thành-phố, đứa lớn hơn đứa nhỏ bốn tuổi, mà coi khác nhau xa, thật là xa.

— Nguyên uống một ly « thuốc » ngọt để tối thức khuya nhá ! Và anh đóng-dặc hồ vài tiếng Tàu. Một chú Chệt ở trần đem lại hai ly « thuốc ».

Anh cười : « Nguyên sợ không ? »

Sợ, thì Nguyên không rồi. Vì Nguyên ở nhà thường uống thuốc Bắc, nhưng Nguyên không thích, và chẳng hiểu sao tiệm nước Ba-Tàu lại bán « thuốc không ngủ » cho người Việt.

Anh lại cười : « Anh nói chơi đấy. Không phải thuốc đầu. Cà-phê ». Rồi anh lấy tang-xi (4) khuấy ly Nguyên rồi ly anh. Xong, anh uống trước, coi bộ ngon - lành lắm, Nguyên làm gan, húp thử thứ nước có cái tên kỳ-quặc ấy : cà-phê. Vừa nuốt khỏi cổ là Nguyên nhăn mặt. Anh cả cười, rồi bỗng nghiêm-trang : « Nguyên rán uống, để tối thức đưa Thầy ».

Nguyên không còn ngại nữa, cố uống đến cạn ly. Thành-linh anh bảo : « Nguyên chờ một chút. Không đủ tiền. Anh về xin má ».

Rồi anh bỏ Nguyên ngồi một mình trước hai ly cà-phê không, giữa đám khách đông. Nguyên ngồi yên một chỗ, an lòng đợi. Anh trở lại vài phút sau, trả tiền, rồi dắt Nguyên về nhà.



Trời mưa lâm-râm.

Chuyến xe lửa đêm này đông hành-khách quá. Tìm được một chỗ đứng núp

(4) Tiếng địa-phương để gọi cái muỗng, cái thìa.

mưa thật là « tràn-ai ». Đầu xe khi-khì, toa xe lúc-nhúc, đường rầy song-song, tất - cả đều mới, lạ đối với đứa trẻ nhà - quê lên bảy mới ra tỉnh lần đầu, song Nguyên không mấy để ý tới chúng mà chỉ nhìn đám người đông-dúc đang chen lấn nhau ra phòng đợi dặng lên xe. Nếu chẳng có lời Má dặn đứng đó đợi, và tay chị ba Hương nắm chặt lấy tay mình thì Nguyên đã chạy lục-lao khắp để tìm cho ra cái dáng người mảnh-khảnh, cái đầu tóc hớt cụt và bộ râu riêng-biệt của Thầy.

Ai nấy đều lên xe hết cả, và xe đường như muốn chạy thì phải. Đầu xe thở mạnh hơn. Một người cầm đèn nơi tay, cúi gố mấy cái bánh sắt nghe rộn óc, dường như hỏi chúng có đủ sức chở bao nhiêu người đó đi cho hết cái xứ Trung-kỳ chẳng ?

Thình-lình có người chạy vụt lại ôm Nguyên lên, và Nguyên chưa kịp hiểu gì, thì Má — vì người ấy là Má — giờ người Nguyên lên cao, ngay cửa sổ một toa xe. Nguyên nghe một giọng thân-yêu, một tiếng mong thêm : « Con ! » Chưa kịp thấy gì, Nguyên đã đáp : « Thầy ! »

Mà người trước mắt Nguyên có phải là Thầy Nguyên

không ?

Đầu trọc lóc, không râu, mặt xanh xao, hốc - hác, có cái gì là của Thầy Nguyên không ? Có, Nguyên vừa nhận ra đôi mắt của người cha, đôi mắt sắc và thẳng, tuy giờ có đượm buồn, nhưng không thể lộn-lầm ; hai bên Thầy, có hai người mặc đồ vàng giống nhau, vẻ khó thương.

Một tiếng hú kinh-hồn. Má thụt lui một bước. Bánh xe muốn rục-rịch. Nguyên chồm lên, đưa hai tay ra. Thay vì vuốt đầu Nguyên hay làm một cử-chỉ âu-yếm gì tương-tợ với hai tay, Thầy lại cúi đầu xuống, cạ hàm râu lún-phún vào má Nguyên, thì-thăm :

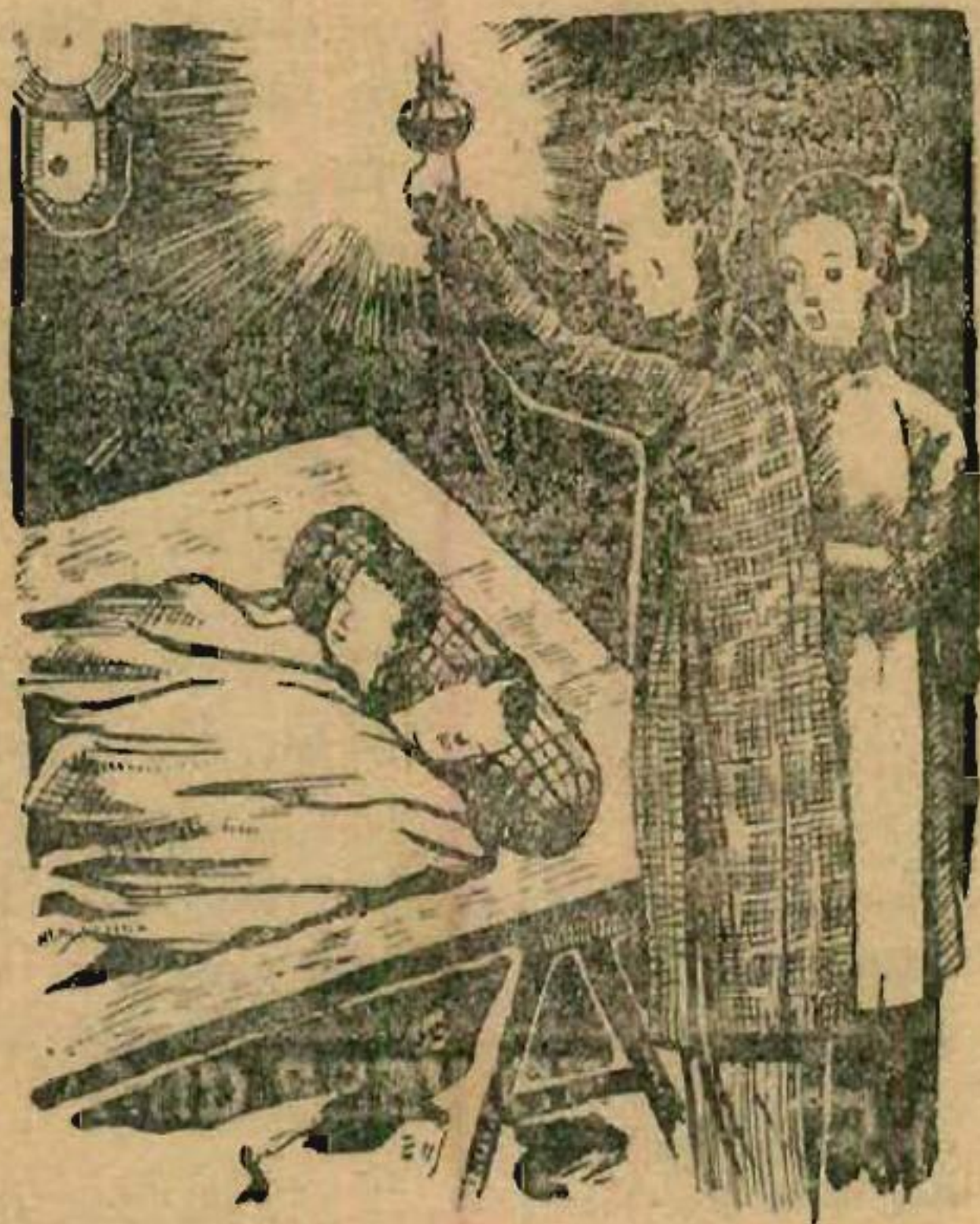
« Con trai... »

Nhưng mấy hàng bánh sắt đã kéo Thầy xa Nguyên một chút, mặc dầu Má cố chạy theo. Thầy chồm người thêm ra :

...« Gõ lại cho mình ».

Đầu trọc Thầy thụt đầu mắt. Chỉ thấy khói đen, than đỏ, và một mớ toa nối đuôi nhau lùi vào phía trước với ngọn đèn đỏ sau cùng.

Trong chớp nhoáng, Nguyên hiểu rằng chiếc xe dữ-dẫn và dài nhẵn cùng hai người mặc áo vàng khó thương kia đã



dem Thầy chui vào đêm tối, chẳng biết bao giờ trở lại với Nguyên. Nguyên giơ hai tay lên, hét: « Thầy ! »



— Thầy đây, con.

Và trước khi mắt mở, Nguyên biết rằng hai bàn tay đang nắm tay mình là hai bàn tay quá ư quen thuộc. Nguyên vừa giụi mắt vừa nói:

— Con biết mà !

— Con biết gì ? — Thầy vội hỏi, mắt nhìn Má.

Nguyên không vội trả lời. Ngắm Thầy cái đã. Ô ! tóc Thầy dài, dài nhiều, và dường như từ lâu chưa được hớt ; mặt Thầy không xanh mà đen-đen ; râu mọc tua-tua và đôi mắt sáng và sắc hơn bao giờ. Ngoài kia, tiếng mưa nhẹ động lá mấy cây gòn. Mưa lâm-râm ở sân ga Phan-thiết, mưa lai-rai ở sân nhà mình, phải chăng là cũng một cơn mưa, và chẳng có mấy năm cách - biệt ?

— Con biết gì, con ? — Thầy hỏi lại và trông chờ rõ-rệt.

Giới - thiệu sách mới

Chúng tôi vừa nhận được của ông **Vũ-Ký**, nguyên giáo-sư văn-chương trường trung-học Khải-Định, Huế, cuốn

NGHỆ-THUẬT LÀM VĂN và **ĐỌC VĂN** do nhà sách **Phạm - văn - Tươi** xuất-bản.

Xin trân-trọng cảm tạ tấm thịnh-tình của soạn-giả và giới-thiệu cùng độc-giả một cuốn sách rất có giá-trị trong ngành giáo - khoa.

B. K.

— Con biết chiếc xe lửa dữ - dần và hai người mặc đồ vàng khó thương thế nào cũng trả Thầy lại cho con.

Thầy thở dài. Dường như Má cũng thở dài.

Nguyên tiếp: « Mà chẳng cho Thầy về, Thầy cũng về. Và bận này, con chẳng để Thầy đi nữa đâu ».

Bỗng nhớ lại, Nguyên hỏi dồn: « Thầy có biết bè tại sao mà tấp, Lao-bão là cái gì, vua Duy-Tân mặt mũi ra sao không ? »

Có lẽ là những câu hỏi khó trả lời, Thầy còn ngần-ngừ, thì Nguyên đã lim-dim: bao cảm-xúc, bao mệt-mỏi đã chẳng cho Nguyên tỉnh - táo để thấy Thầy ra hiệu ngấm cho Má, Má vặn đèn lu lại, mở cửa lách ra ngoài. Nguyên nói, giọng ngái ngủ:

— Thầy nằm bên con... Gái lưng con... Thầy ngấm Kiêu cho con ngủ.

Thầy ngoan-ngoãn làm theo lời Nguyên. Giọng ngấm thầy nhỏ quá, dường như Thầy chỉ ngấm cho đứa con trai độc-nhất của Thầy nghe:

— Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ « tài » chữ « mệnh » khéo là
ghét nhau.
Trải qua một cuộc bề dâu,
Những điều trông thấy...

Nguyên chẳng biết « những điều trông thấy » chúng nó ra làm sao cả. Nguyên đã ngủ ngon lành, hai tay khẳng - khiu ôm lấy cổ người về.

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN.

(Những truyện của ngày xưa...)

HAI LẦN ĐI

NGUYỄN-PHÚC



RỒI sụp tối, không khác gì một căn phòng rất rộng bị đóng cửa, chỉ chừa vài kẽ hở thông ra ngoài. Trong xóm xa, năm ba ánh đèn vàng le-lói xuất-hiện.

Bên lề đường, Văn đã bắt đầu sốt ruột, nhưng cố không để bị rối trí, dồn hết sự khéo-léo vào hai ngón tay, đặt lại con cóc bằng sắt bé tí vào trong ồ-líp. Mồ-hôi thoát ra thấm ướt áo mà chiếc xe đạp vẫn chưa sửa xong. Mắt Văn loáng-quáng đồ sao. Cờ cũng đã chuyển mối. Văn đành nghỉ tay, ngược mặt hứng ngọn gió mát lạnh, tìm một cảm-giác thanh-thoát, nhẹ-nhàng. Tiếng sóng ì-ầm ở bờ bể bên kia đôi đưa đến. Văn lắng tai nghe và nhìn con đường mất hút dưới chân đồi, không một bóng người qua lại. Anh đâm lo-sợ vẩn-vơ...

Văn tiến đến một nhà ở sát đường, mượn một cây đèn, nhưng họ lảng-lặng từ-chối và lăm-lì đóng cửa, mặc cho anh thần-thờ đứng dưới mái hiên. Văn lại đến một nhà khác. Nhà này đóng cửa nhưng đèn vẫn sáng ở bên trong. Anh nghe rõ tiếng húp canh, có lẽ là một đứa nhỏ, và tiếng đĩa va vào chén. Anh biết họ đang ăn cơm. Anh ngập-ngừng gõ cửa. Không thấy ai trả lời. Anh gõ cửa một lần nữa. Cũng không thấy ai lên tiếng. Anh nghe họ ngừng ăn. Cây đèn vẫn sáng. Anh liềm gõ cửa một lần thứ ba. Cũng vẫn cái im-lặng lảng-đợi và nghe ngóng đến ngọt-ngọt, đến sùng-sốt ấy. Văn bỏ đi ra. Anh đi được ít bước, tò-mò ngừng lại. Anh nghe tiếng đĩa va vào chén, tiếng xới cơm, tiếng thì-thăm và cả tiếng suýt của một người lớn. Họ bắt đầu ăn lại.

Văn không thắc-mắc một chút gì về

sự kiện ấy, vì đối với anh hôm nay không phải là lần đầu. Văn dút-khoát không đi tìm đèn nữa, trở về tiếp-tục sửa xe.

Bóng Văn lại lum-khum trên đường vắng. Bỗng một ánh lửa lóe lên rồi tắt trên ngọn đồi. Văn ngừng tay chú - ý. Anh hy-vọng ánh lửa có lại và tiến đến chỗ anh. Nhưng hai ba phút qua, ánh lửa vẫn không thấy lóe lên. Văn lại cúi xuống tiếp-tục nện chiếc kèm vào trục. Tiếng sắt khô-khan chát-chúa vang lên trong đêm tối ở một nơi quá hẻo-lánh như một nỗi uy-hiếp cho những người ở đây. Nhất là tiếng dội lại từ chân đồi nghe mới kỳ-ảo làm sao ; Văn vừa đóng vừa lóng tai nghe. Tự-nhiên anh nghĩ đến tiếng la thất - thanh của một người đàn-bà giữa đèo núi, không được một ai nghe thấy để chạy đến tiếp-cứu, cũng vang lên. Và sau khi được đèo núi đáp lại, tiếng la ấy sẽ âm-thầm tắt ngấm trong bóng đêm hãi-hùng như ánh lửa lạ-lùng hồi nãy trên trên đồi.

Văn thấy rờn-rợn vì phải nghe tiếng sắt chạm nhau cùng tiếng dội của nó. Đối với anh, giờ đây, chỉ một tiếng vang thôi cũng có thể là quái-gở, là đáng kinh-hãi cho cả vùng này. Không-gian ở đây lặng-lẽ và yên-tĩnh quá làm cho Văn cứ nơm-nớp phập-phồng. Văn nghĩ rằng biết đâu tiếng kèm này có thể là đầu mối cho bao nhiêu cái nguy-hiêm, bao nhiêu cái tai-nạn đang âm-thầm rình-rập xung-quanh anh. Tay Văn chùn lại, đóng khe - khe. Nhưng cái thứ tiếng vang dè - dặt, sọ - sệt ấy lại càng làm tăng cái cảm lạnh đáng ngại-ngùng ở đây.

Gió vẫn thổi đều - đều nhưng bớt mạnh hơn lúc chập - choạng tối. Mấy lát cỏ dài bên đường bị gió lay, quờ-quật vào chân Văn làm cho anh có cảm-tưởng ở vùng này, nếu không có cây-cỏ, không có chim muông, không có gió biển và tiếng sóng vỗ l-ầm thì chỉ là một sa - mạc chết. Văn mỉm cười một mình với cái ý-nghĩ ấy. Anh cảm thấy như bắt đầu quen cái cảnh vắng - lặng này. Văn hát khế một bài, tay xoay ô-líp theo đường tròn - ốc vào trục xe.

Xong đâu đấy, Văn dựng chiếc xe đạp vào một bụi gai, định tìm một bụi cỏ thật nhiều lá chùi tay thì anh thoáng thấy một bóng người đi lại phía anh, đáng đi hấp-tấp. Văn chợt nghĩ rằng ở đây vẫn còn sự sống của con người. Bóng người vượt quá cây bàng già-cổ phía trước, nghĩa là còn cách Văn chừng mười thước, anh mới nhận được đó là một người đàn-bà. Vạt áo trước không biết màu gì, trông hơi trắng, bị gió giở lên, vạt qua một bên để lộ chiếc quần đen. Khi còn cách Văn độ năm bảy bước người đàn bà đi chậm lại, bước chân ngại - ngừng, rồi đứng hẳn. Văn ngạc-nhiên hết sức. Anh giả-vờ không trông thấy, đưa tay quay sợi xích. Mắt anh quyết không bỏ sót một cử - động nhỏ nào của người đàn-bà. Văn lại tính nếu người ấy quay đi thì anh sẽ gọi thật to, hỏi tại sao một người đàn - bà như thế lại có thể có mặt ở đây trong đêm tối ? Và tại sao thấy anh lại dừng rồi quay lui ? Nhưng, người đàn-bà bước thêm ít bước nữa ; mà mỗi bước rất ngắn và rất nhẹ gần như sự xê-dịch của chiếc kim dài đồng hồ quả lắc. Văn vẫn thản - nhiên quay sợi xích mà mắt không ngừng theo rồi.

Bỗng Văn suýt bật thành tiếng kêu. Tim Văn đập mạnh, dồn-dập. Trước Văn, rõ-ràng là một người con gái còn trẻ tóc xòa lòa - xòa sau lưng mà một mớ tóc bên phải vừa bị gió đùa ra trước ngực. Dáng người thanh - thanh, mặt trắng, trông ngớ-ngàng non-nớt. Tay nàng chận nếp áo cho khỏi gió tung ra.

Văn đứng lên định cất tiếng hỏi. Người con gái lùi lại một bước, quay mặt nhanh đi chỗ khác như cố ý che dấu. Trong đêm tối, vô-tình Văn nhận chiếc cằm nhọn và cái trán cao của nàng. Văn không hiểu tại sao anh hồi-hộp quá. Tuồng như anh nghe rõ tiếng đập của quả tim anh. Anh sợ không dám ngược mặt lên nhìn người con gái. Anh nghĩ tốt hơn là nhìn bàn tay xinh-xắn của nàng đang xách chiếc giỏ mây để dò sự biến-động của nàng. Thời-gian lặng-lẽ trôi qua. Văn thấy như dài lắm. Văn muốn hỏi ngay một câu mà sao anh thấy khó mở miệng ra được. Nhưng, bị một thúc đẩy nào, Văn không hiểu, anh vụt hỏi :

— Cô muốn tìm ai ở đây ?

Câu hỏi nhanh quá và Văn nghe chừng như thiếu nhẹ-nhàng nữa. Văn bần-khoăn tự trách-mình.

Người con gái xây mặt nhìn Văn. Văn hình như thấy được đôi mắt đen dịu - dàng lắm ngại - ngùng và sợ - sệt của nàng.

Người con gái vẫn không nói. Văn cho rằng nàng không nghe kịp. Lúc này nếu không có gió biển thổi đều-đều và sóng biển vỗ l-ầm thì có lẽ Văn đã tưởng rằng mọi vật như ngừng biến-chuyển, xê-dịch, cả đến bầu trời và quả

đất. Chỉ trong khoảnh-khắc im-lặng ấy, Văn qua không biết bao nhiêu ý-nghĩ.

Cũng câu ấy, Văn hỏi lại một lần nữa. Văn nói thật chậm cố tỏ vẻ dịu-dàng và lương-thiện. Người con gái đặt chiếc xách mây xuống đất. Cử-chỉ của nàng chậm-chạp, ngập-ngừng và suy tính. Hình như nàng nghĩ phải hỏi như thế nào cho được khéo-léo đây :

— Thưa ông... ông, ông làm ơn... thưa ông cách một giờ lại đây ông có thấy một chiếc mô-tô đen do một người đàn ông, mặc quần xám, sơ-mi trắng cỡi đến đây hỏi tìm ai không ?

Giọng nói của nàng lơ - lơ nửa Huế nửa miền trong.

Văn phân-vân chưa biết nên trả lời như thế nào, vì cách đây hai giờ, khi trời còn sáng, anh ngồi trong một quán bánh, thấy một người đàn ông cỡi chiếc mô-tô đen đúng như nàng đã tả, chạy rất nhanh đến nỗi không làm sao anh trông rõ mặt. Và từ hồi ấy đến giờ không thấy một chiếc mô - tô nào lai-vãng ở đây nữa.

Văn bất-giác hỏi :

— Dạ thưa cô, người ấy là gì đối với cô ?

— Quen biết... bà con...

Nghe cái ngậm-ngự giữa « quen biết » với « bà con », Văn thoáng thấy một sự lạ. Anh nhìn thẳng vào mắt người con gái mong tìm được một sự biểu-lộ nào khả-dĩ anh có thể đoán được cái quan-hệ giữa người đàn ông đi mô-tô đen với nàng.

Đêm tối đã giúp người con gái che dấu được sự bối-rối bên trong. Văn vẫn thấy đôi mắt nàng đen, dịu-dàng với đôi

chút ngại-ngùng lo-lắng dưới vầng trăng cao sáng-sủa.

Văn hỏi :

— Bây giờ cô định thế nào khi người ấy không trở lại đây ? Tôi chẳng thấy người nào như cô tả.

Người con gái im-lặng một giây lát rồi đáp :

— Tôi vẫn chờ ông ta ...

Văn hỏi không kịp suy nghĩ :

— Nếu nhớ ông ta không quay lại đón cô thì tính sao ?

Người con gái không đáp, lặng-yên, tay mân-mê cái giỏ mây, mắt hướng về biển.

Khi ấy Văn có cảm-tưởng như nàng đang khóc hay đang liêu-linh đợi một sự phũ-phàng tàn-nhẫn sẽ đến với nàng.

Văn lại hỏi :

— Ở gần đâu đây cô có một nhà quen nào không ?

Như không nghe, người con gái quay lại Văn :

— Xin lỗi ông, tôi xin phép lại đây.

Nói xong, nàng quay đi như bất-bình trước những câu hỏi ngờ-ngàn, tò-mò của Văn, vì đã không đưa lại cho nàng một sự tin-tưởng nào mà còn có vẻ dọa-dẫm khiến nàng dao-dộng, bối-rối thêm.

Bóng người con gái xa dần, và dừng lại trước một cái quán nhỏ.

Văn không thấy rõ người con gái ấy làm gì, chỉ thấy bóng nàng cao, cô-dơn như một thân đuối trụi lá đứng bên đường khuya. Văn trở lại chiếc xe đạp giở cho bánh sau hồng đất, đạp thử một vòng. Văn làm việc ấy có dụng-ý chặn-

chờ nghe-ngóng, xem thử người con gái sẽ đi đâu hỏi thăm tin-tức người đàn ông cỡi chiếc mô-tô đen. Bỗng Văn nghe tiếp đập cửa thùm-thụp, tiếng chó sủa rộ lên, nhưng vẫn không thấy một ánh đèn. Nhà nào nhà nấy đóng cửa im-ìm như những nhà hoang. Tiếng đập cửa thùm-thụp lại nổi lên lẫn trong tiếng gọi the-thế nghe vắng-vắng, ghê-rợn. Rồi tất cả lại trở lại vắng-lặng chỉ còn nghe thấy một chiếc lá kéo rền-rệt trên đường, vài bóng cây nghiêng-ngả trước gió và tiếng sóng bề l-ầm.

Bóng người con gái vẫn còn đó, mờ mờ chiếc áo hơi trắng trên đường. Văn thấy không thể bỏ nàng bơ-vơ giữa đêm vắng trong cảnh cô-tịch này được. Anh toan cất tiếng gọi nhưng nàng đã chạy đến. Tiếng guốc kéo lê trên đường đá dội lên, càng làm cảnh vật thêm hoang vắng và khủng-khiếp. Văn nhận thấy nàng không được bình-tĩnh như trước nữa. Trong tiếng thở dồn-dập hình như có lẫn tiếng khóc nức-nở, nghẹn-ngào ...

Khi người con gái nhận ra Văn còn ở chỗ cũ, nàng hết hốt-hoảng. Nàng đi chậm-chậm. Trên mặt nàng lần này không dấu được vẻ bối-rối, lo-âu đến cùng-cực. Dưới ánh sao, mắt nàng đen mở to trong đêm tối, miệng nàng cong lại như mếu, hàm răng trên cắn vành môi dưới cố giữ lấy sự đau khổ, uất-ức khỏi bật lên thành tiếng khóc. Nàng run-run hỏi :

— Có thật anh không gặp ... người ... đàn ông ... trở lại xóm này ... ?

Văn nghĩ-ngợi một giây lát. Anh lắc đầu.

Sự thật khi nghe người con gái hỏi với sự xúc-dộng mạnh, anh muốn nói hết tất cả những gì đã thấy hồi chiều về người đàn-ông đi mô-tô đen, nhưng anh phân-vân không biết lời thuật thật-tà ấy sẽ đem lại cho nàng một quyết-định sáng-suốt hay lại làm cho nàng mù-quáng cứ tìm người đàn-ông đi mô-tô đen sẽ trở lại.

Văn muốn hỏi về người đàn-ông ấy, nhưng anh thấy chừng ấy cũng đủ để anh đoán biết được sự tình đã xảy ra trước đó như thế nào rồi. Bây giờ, trước hết, Văn thấy cần phải biết ý-định của nàng trong tình-cảnh hiện tại. Văn hỏi :

— Cô muốn đi đâu bây giờ ?

Người con gái không đáp ngay câu hỏi của Văn ngập-ngừng trong phút chốc :

— Xin lỗi anh, tôi muốn biết tại sao anh không đi ngay sau khi tôi chào anh ? Tôi đoán có lẽ anh đang chờ đợi ai đây ?

Một thắc-mắc đến với Văn khi tiếng « ông » được nàng thay bằng tiếng « anh » với một giọng nhẹ-nhàng quen thuộc. Văn nghĩ người con gái này trước một hoàn-cảnh như thế, tiếng anh có lẽ nàng

dùng đây để đơn-trốn, hồng cầu-cạnh nhờ vả, lợi-dụng, hay là một sự thay đổi tự-nhiên với nàng sau khi nhận thấy anh có nhiều thiện-ý. Nhưng dầu nàng có ý nào đi nữa, Văn cho nàng đều có lý, cả trong trường-hợp này.

Văn gác câu hỏi của người con gái lại. Anh im-lặng dắt chiếc xe đạp đi trước, ngầm bảo nàng vừa đi vừa nói

chuyện. Hai người đi được một quãng xa, Văn mới hỏi :

— Bây giờ tôi trở lại câu hỏi của tôi lúc trước mà cô chưa trả lời : « Cô hãy cho tôi biết đêm nay cô muốn đi về đâu ? »

Người con gái cúi mặt xuống nói rất nhỏ :

— Trong đêm khuya, tôi chẳng biết đi đâu, nhưng tôi sẽ phải về Nam.

Văn nghiêm-nghị :

— Được rồi. Cô tạm theo tôi đến bến xe hơi. Sáng ngày sẽ tính. Nhưng cô còn

ngạc-nhiên vì sao tôi chưa đi, sau khi cô chạy tìm . . .

Nói đến đây, Văn thấy không nên nhắc lại người đàn-ông ấy nữa. Anh ngừng lại, đắn-đo một chút, rồi tiếp :

— Sự thật tôi cũng không hiểu vì sao tôi lại chờ cô, nhưng có lẽ vì tôi cảm-thông được tình-cảnh của cô uға



cử-chỉ, qua câu hỏi ngay từ phút đầu.

Sau câu trả lời của Văn, người con gái không hỏi nữa, đi cạnh Văn một cách ngoan - ngoan và tin-cần như một đứa bé.

Văn cũng không nói, thỉnh-thoảng anh liếc mắt nhìn nàng, nhìn cặp mắt chớp, nhìn da mặt trắng,, nhưng không một nơi nào trên mặt làm anh chú ý bằng vùng trán cao của nàng.

Hai người âm-thầm đi bên nhau trong đêm vắng. Văn thấy tẻ quá, nhưng lại không muốn nói gì hơn bằng cứ im-lặng chờ đợi một tiếng động-cơ xe hơi ở đâu đưa đến. Đàng xa, trước mặt hai người, vẫn chưa có một ánh đèn nào lấp-ló cả, mà toàn là những lùm cây đen sẫm, đồ-sộ dữ-tợn, và một vài gò đất khom-khom như những con thú không-lồ đang kiên-nhẫn nằm rình mồi.

Hết chờ đợi một cái gì sẽ đến với mình, Văn lại nghĩ đến cái trán cao của người con gái. Văn không hiểu tại sao anh lại có nhiều cảm tình ở nơi ấy trên mặt nàng mà tự nó hoàn-toàn bất động, không biểu-lộ được một tình-cảm nào hết của con người.

Cái trán cao sáng-sủa của người con gái cứ bắt Văn buồn buồn và nhớ mông-lung Văn nghĩ rằng nếu ở người con gái này không có vùng trán cao và chiếc cằm nhọn thì vị-tất anh đã đặt nhiều lo-lắng cho đời nàng đến thế.

— Cái trán cao ! »

Văn lặp đi lặp lại nhiều lần trong trí anh để cố tìm một nguyên-cớ vì sao anh lại tha-thiết muốn nhìn mãi nơi ấy trên khuôn mặt trắng của nàng...

Khi đi qua một động cát, nhờ cát trắng và dưới ánh sao, mặt người con gái trở

nên sáng lên. Văn chợt thấy mặt nàng đang đăm-đăm nhìn về phía anh như cố tìm hiểu tâm-địa của anh đi bên cạnh nàng giữa đêm khuya-khoắt. Văn dăm ngượng-ngùng, bất-giác anh trở tay để chiếc xe đạp đi giữa hai người.

Còn một quãng ngắn sẽ hết động cát, trước mặt là một xóm nhỏ, cây cối um-tùm, con đường thì biên-biệt, mất dạng trong bóng tối. Văn chợt có ý-nghĩ hết đoạn đường cát này, anh sẽ không được thấy rõ vùng trán cao và chiếc cằm nhọn của nàng. Văn bỗng ước mơ cái động cát dài mãi ra cho đến bến xe. Và như thế anh và nàng sẽ đi chậm hơn, sẽ có nhiều chỗ nghỉ chân hơn, để khi vừa tới nơi thì trời cũng vừa sáng...

Sáng hôm sau vào khoảng tám, chín giờ, nhờ một chiếc xe chở đá nổ máy rầm rầm, Văn mới bừng tỉnh dậy. Mới đầu, Văn chưa hiểu mình đang nằm ở nơi đâu, mắt anh chỉ thấy cái trần nhà bằng gỗ ép vàng-khè, có chỗ bị nước dột ăn loang-lổ. Nhà ngoài có người gọi phở, bún xôn-xao. Mấy người khuân đồ lên xe, khi đi qua gần chỗ nằm của Văn, bước chân nện thỉnh-thịch làm rung cả mặt đất. Anh mới biết mình đang nằm trong một cái quán sát bên xe. Anh lật-đật chống tay ngồi dậy và thò đầu ra khỏi màn nhìn khách ăn ở nhà ngoài. Một người con gái tóc xỏa, mặc chiếc áo màu thiên thanh xây lưng về phía giường anh, ăn một bát phở. Chiếc áo cụt ở trong cũng mỏng như chiếc áo ngoài, nên Văn vô-tình thấy được những giây treó ôm chặt lấy cái lưng, làm những ngón thịt vòng ra hai bên. Tự nhiên Văn nghĩ đến ngày hôm qua, trên một chiếc xe-cộ, một con heo nằm trong chiếc rọ chặt rên ư-ừ mà anh cứ thấy thương

thương cho số-kiếp nó suốt một chặng đường dài. Văn mỉm cười về cái ý-nghĩ rất tếu ấy của mình. Nhưng sự nhớ đến người con gái có vùng trán cao Văn thấy hối-hận. Anh tin chắc người con gái mặc chiếc áo thiên-thanh đang ngồi ăn phở đây là chính nàng. Văn ngồi ôn lại những gì anh đã cố ghi nhớ về nàng trong đêm vừa rồi từ Quán Mực đến đây. Văn ngài-ngại đêm tối rất có thể làm những nhận-xét của anh trở nên hồ-đồ. Bây giờ làm sao anh tin được những gì anh đã thấy trên gương mặt nàng cho đến dáng người trù vùng trán cao. Văn nhớ thêm được một chiếc giỏ mây nơi tay nàng. Còn chiếc áo thì đêm tối, anh không làm sao nhận được màu-sắc và bông-ba của nó. Văn thấy lòng mình bồn-chồn khó-chịu.

Ánh nắng đỏ xuống sân tráng xi-măng trước quán trông chói-chang và gay-gắt. Gần đó một vũng lầy hắt lên cửa trước một mảnh sáng méo-mó lung linh. Ở đầu lạch đến một con gà đá chậm - chậm đi ngang qua quán, nghênh đầu nhìn vào một cách chềnh - mánh và trể - tràng. Đằng góc hè, hai nông - dân vác cuốc đứng nhìn chiếc ô-tô đang lui... Tất-cả như lạng-lờ, rời - rạc, buồn-tẻ dưới cái không-khí hâm-hấp nóng của nửa ngày.

Văn uể-oải đứng dậy vươn vai ngáp một cái thật dài. Và như đề xua đuổi hết những ý-nghĩ về người con gái có vùng trán cao, Văn hăng-hái đi ra sau quán tìm nước rửa mặt. Trong khi khoát nước mát vào mặt, Văn lại nhớ đến gió biển mát lạnh trong đêm vừa rồi ở Quán-Mực có người con gái lạc-lơng ấy. Rồi Văn vờ lau mặt vờ ngắm-ngẫm, suy-đoán về đời nàng, hình-

dung dáng người nhất là vùng trán của nàng.

Bỗng Văn « à » một tiếng thật lớn. Một ả gà mái nằm trong ổ - rơm, giật mình « cục tu cục tác ». Văn nghĩ ra rồi. Anh sẽ chân thành trình - bày sự lo-lắng cùng mối cảm - tình của anh từ khi gặp nàng. Anh sẽ nói thật lưu-loát và nhất định lần này anh không thể kêu nàng bằng cô nữa. Vì tiếng cô sao anh thấy nó khó bề làm cho nàng tin được sự lo-lắng rất thành-thực của anh.

— Thế thì mình phải nói những gì nhỉ khi gặp cô ta ?

Văn tự hỏi như thế và anh cũng tự trả lời :

— Thôi được rồi, ta sẽ nói như thế này : «Thưa cô... à thưa chị chứ... Thưa chị, tôi rất mong chị đừng ngạc-nhiên và nghĩ rằng tôi là người xa lạ»...

— Không được rồi — Văn cau mày nghĩ thầm : tại sao lại xin chị ta đừng cho mình là một kẻ xa lạ. Đối với chị ta, mình đúng là một kẻ xa lạ đã có cái lỗi muốn đường-dột can - thiệp vào cuộc đời của người ta ; Văn sừng đi một lúc rồi anh lại tiếp - tục nói một mình :

« Thưa chị, tôi rất mong chị tha cho tôi cái lỗi là đã bấn - khoắn nhiều về hoàn-cảnh của chị. Đối với chị tôi vốn là người xa lạ, nhưng xin chị cứ nghĩ rằng tôi là một người đem đến cho chị một vài ý-kiến có thể giúp-dỡ chị nhiều trong cơn bối - rối này. Xin chị hãy tin lòng thành - thực của tôi, đừng nghĩ như những người khác mà chị đã gặp. Tôi hy - vọng sự toàn-tâm, toàn-ý của tôi đã được chị thấu rõ ngay

những giờ phút đầu gặp - gỡ. . .

Trước hết xin chị thành-thực cho tôi biết ý - định của chị ngay bây giờ về những ngày sắp tới đây. Riêng tôi rất làm lo-lắng, cứ sợ chị không còn sáng-suốt nữa, vì có thể bị sự kiện ngày hôm qua vẫn còn đeo-dăng ám-ảnh chị. Chị cứ nghĩ rằng mọi việc đều có thể xoay đổi, nếu ta cố-gắng tiến đến một sự giải-quyết hợp-lý và sáng-sủa. Nếu chị tin vào luật thừa trừ của tạo - hoá thì tôi có lẽ là một người đến với chị rất đúng lúc, không phải để cứu - vớt chị như một thiên-thần, mà để làm nhẹ bớt sự đau - khổ của chị trước một nghịch - cảnh như thế này.

Vậy một lần nữa, xin chị tin ở tôi, cho tôi biết ngay bây giờ và ngày mai, ngày mốt chị sẽ tính-toán như thế nào về cuộc đời của chị. Tôi xin tình-nguyện giúp đỡ chị. . .

Có lẽ chị rất ngạc - nhiên vì sự sốt-sắng quá đổi của tôi. Và nếu chị hỏi tôi vì sao, thì thú thật với chị, tôi sẽ không làm sao giải - thích được. . .

Thôi, xin chị đừng ngại-ngùng. Tôi đang chờ chị bày tỏ ý-kiến đây».

Văn yên tâm cho như thế đã tạm đầy đủ, khéo-léo. Anh tất-tả đến tìm gặp người con gái có vùng trán cao khi đêm.

Đi được mấy bước, Văn lại dậm ra e ngại. Anh cho rằng nói như thế cũng chưa được khéo-léo cho lắm, Văn lại nghĩ luân-quần : « Hay âu là ta nói cho thật nôm - na để nàng dễ hiểu để tin ta hơn ».

Nghĩ thế chứ kỳ thật Văn lo - lắng đến cả cái ý - định vừa rồi. Văn ngại

rằng nếu nói nôm - na quá thì nàng lại cho anh cục súc, không tế-nghị, làm sao hiểu được những thắc-mắc sâu kín cùng những đau-khổ sâu kín của nàng.

Cuối cùng, Văn dẹp hết những e ngại vẩn - vơ, nhất định nói theo ý đã sắp đặt trước. Tuy nhiên, Văn lại thấy ngoài ý muốn giúp đỡ của mình giờ đây tiến thêm một bước nữa, anh còn muốn tìm biết tông - tích của người đi mô-tô đen, cũng như gia - đình, thân-thể nàng.

Văn cũng chưa nhận - thức được sự tìm hiểu như thế phỏng có ích-lợi gì cho anh. Hay là nhân ba tháng nghỉ hè, Văn sẽ làm một cuộc điều-tra kỹ-lưỡng về người con gái còn non - nớt nhưng lại can-trường và có một hành-tung kỳ-lạ ấy.

Sự thế rồi sẽ xoay chuyển đến đâu, cố-nhiên không làm sao thấy trước, nhưng có điều chắc-chắn là vùng trán cao đã bắt anh không thể nào quên được nàng. Đã nhiều lần Văn phải xác-dịnh cái sức quyến - rũ kỳ - lạ của vùng trán cao khi mà nơi đó chỉ là khu vực gần như chẳng quan-trọng tí nào về sắc đẹp và duyên-dáng. Văn cứ hỏi tại sao anh lại không bị lôi cuốn bởi đôi mắt đen, tròn, chớp-chớp hay cái miệng có lẽ xinh - xinh của nàng ?

Văn lại không yên-ôn bởi những ý-nghĩ ấy. Anh cố tìm hiểu những sự ưa thích của anh về một người con gái để có thể giải-thích được trường - hợp trên mà anh quyết không thể gán cho nó một kết-luận hồ-dồ có vẻ định-mệnh được. Văn cho là suốt trong thời-gian gần nàng, sự chú-ý của anh không phải đi tìm những điểm dễ thoả-mãn một sự

thèm muốn nào của anh ở nơi người đàn-bà. Trái lại, anh chỉ cần gặp riêng cái vầng trán cao của nàng mà thôi.

Những ý-nghĩ loanh - quanh về nàng Văn phải tạm gác lại một lần nữa khi anh bước ra. Ở nhà ngoài cô gái áo mỏng màu thiên-thanh còn ngồi lấy thìa vơi cho hết dĩa phở. Văn đứng chân chờ nàng đặt dĩa phở xuống bàn. Mặt Văn hơi bừng nóng. Anh tiến lên quá nàng đề vừa vịn khi quay lại sẽ đứng đối-diện với nàng.

Cô gái áo mỏng màu thiên-thanh thấy có bóng người, nàng ngừng ăn, ngược mắt lên nhìn. Văn nhận thấy cô ta quả không phải người con gái có cái trán cao. Người này mặt ngắn, cằm hơi đưa ra trước, chót mũi đầy mụn đỏ, cặp mắt lộ, đuôi lông mày quá sưa, uốn cong một cách vụng-về. Chừng ấy khiến cái mặt trở nên thô-khếch và dị - ngợm lạ thường. Cô ta lại ăn - uống trông dạn-dĩ, tự - nhiên như một ngời đàn-ông. Văn ngưỡng - ngượng bỏ đi. Ra khỏi cửa, Văn bước thật nhanh, cố ý tránh cặp mắt của cô ta đang theo dõi anh. Khi qua mỗi quán, Văn dòm vào, đảo mắt tìm và chăm chú nhìn từng người đàn - bà. Đi qua lại nhiều lần, Văn vẫn không thấy một cô gái nào tựa-tựa như người con gái gặp ở Quán Mực trong đêm vừa rồi. Cả đến chiếc giỏ mây trắng, Văn cũng không tìm thấy.

Văn đành trở về quán trọ lấy hành-lý ra bến xe. Giộc đường, Văn hết nhìn những bụi cỏ chân vịt có lá dài đến nhìn những viên đá xanh sắp thành hàng ngay ngắn bên đường. Đàng xa, dưới một gốc cây ngũ-sắc, miếng mảnh sành phản chiếu ánh sáng mặt trời chói

lên làm Văn phải chú-ý đến nó và vô-tình anh nhằm đến những đóa hoa xung quanh.



Ngay chiều hôm đó, Văn ghé Qui-nhơn thăm Khương, một người bạn tuy không thân - thiết lắm, nhưng hẵn với Văn vốn là chỗ quen biết từ khi hai người cùng dạy một trường ở Nha-trang cách đây hai năm. Hiện nay hẵn làm thông-dịch cho một công-ty đầu-tư của ngoại-quốc ở Sài-gòn,

Khương đã trên ba mươi lăm tuổi, thế mà hẵn cứ nói rất khéo để giới-thiệu với bất cứ ai — kể cả những người rất biết hẵn như Văn — là hẵn mới hai mươi bảy, hai mươi tám. Hẵn nói rằng có một lần hẵn bị đau thương hằn đến gần chết nên từ đó trông hẵn hơi khom đi thế thôi.

Tuy Khương hơn Văn đến mười tuổi, nhưng lúc nào có dịp nghỉ-ngơi, hẵn cũng tỏ vẻ tha - thiết muốn mời Văn vào ở chơi với hẵn trong ít hôm. Cũng vì vậy, nên có lần khi Văn lần-thần nghỉ tâm-hồn anh cũng già như hẵn hay tại cái tính hay dung-hòa của anh không làm mịch lòng hẵn trong những khi hẵn nổi cơn nói « phét ».

Thấy Văn vào, Khương cho người nhà đi chợ làm gỏi cá vì chính hẵn rất thích món ấy với rượu bia.

Xa hẵn mới hai năm mà khi ngồi vào bàn ăn, Văn đã nhận thấy hẵn có nhiều thói quen và dáng - dấp khác lạ. Có lẽ ở hẵn đã mất hẵn cái lạnh - lẽ hồn-nhiên của một vị giáo-sư, thay vào đó cái lối bệ-vệ, đường-đường của một kẻ có uy-thế ngay trong lúc ngồi, lúc

đứng, đến cả tay rung chuông kêu người ở lấy thêm thức ăn. Mà trông hăn bệ-vệ thật, nhất là khi ăn xong, hăn nằm ngửa trên chiếc ghế vải miệng ngậm tăm, đầu nghiêng một bên làm một đường gân trán nổi to lên, nói toàn chuyện các món ăn ngon, lạ mà hăn đã dày công khai-thác được trong các tiệm ở lục-tỉnh và Sài-gòn - Chợ-lớn.

Đến tối, Khương sửa-soạn đi chơi với Văn, trông hăn dềnh-dàng lạ, tuy người hăn nhỏ và thấp. Đi bên Văn, hăn lộ vẻ thèm muốn cái thân-hình to lớn và đáng đi khoan-thai của Văn. Trong lúc ấy Văn lại nghĩ khác. Anh vừa chợt thấy hăn nhún vai một cách tự-nhiên khi hăn vừa nói đến các trường trung-học của ta so với các trường trung-học ở Âu-châu mà hăn gọi là « co-lich » (1) theo tiếng Anh. Hăn nói nhiều chuyện lạ về những tập-quán của người tây-phương ở nhiều nước. Có lúc hăn nói tuốt luôn cả một đoạn dài bằng tiếng Anh.

Khi rẽ vào đường Gia-long, một tiệm may thấp đèn măng-sông sáng choang làm hăn sực nhớ tới bộ quần áo của hăn đang mặc. Hăn thích tay khế nói với Văn :

— Bộ quần áo mình đang mặc đây may tại một tiệm ở Manchester bên Anh. Chỉ đứng tiếp khách tên Nicolas, người gốc ở Michigan, rất dễ thương, mến mình vô cùng. Mình đã mặc nó đi đến nhà một người bạn ở Todmorden, đến thăm đại-học-đường Cambridge, đến London, ghé Nelson thuộc Tân-Tây-lan và Bá-linh ở Đức...

Văn bắt đầu chán những câu chuyện của Khương. Anh âm-thầm đi bên hăn đề nhớ đến người con gái có cái vùng trán cao.

Khuya, hai người trở về. Khương sai người đi lấy thêm nước đá. Văn nằm trên chiếc đi-văn kê sát cửa sổ đọc tờ báo hằng ngày. Khương vừa lúi chại nước cam trong tủ ra vừa hỏi Văn :

— Anh thử đoán lần này thằng nào lên thành-lập nội các Pháp ?

Khương thấy Văn không đáp gì hết, lại quay qua nói về cửa bể Lữ-Thuận. Rồi hăn lại đâm ra than-phẩm về một vài văn-đề Đông-Á và Trung-đông. Văn định hỏi hăn thì sực nghĩ, lúc đầu hôm, khi đi phố với Khương, anh có nghe một cô gái ngồi khuất sau cái tủ đang đọc tin tức cho ông bố nghe, giọng in như của người con gái có vùng trán cao. Mấy hàng chữ đen to ở đầu trang báo, Văn có cảm-tưởng như tìm thấy trong đó có đôi mắt và những bóng dương-liếu, ngọn mềm lung-lay nổi bật trong bầu trời đầy sao. Anh nghe văng-vẳng Khương nói gì mà có tiếng Pháp lẫn tiếng Anh. . .

Văn mơ-màng thấy Khương ngồi trên miệng một chai rượu bia không-lỗ trong một tiệm ăn, hình như ở Manchester. Trước mặt hăn, một người con gái có vùng trán cao tên Nicolas quê ở Michigan đang cười duyên với hăn...

Sáng hôm sau Văn, Khương ăn điểm-tâm dưới giàn hoa giấy bên cạnh một cây sung nhỏ có treo hai cái lồng chim và một cái lồng nuôi hai con chuột bạch.

Văn bỗng mỉm cười trong khi đang ăn, vì anh vừa khám-phá được ở nơi đôi mắt to và lộ của Khương là hai cái sơ-hở lớn nhất làm cho người ta dễ thấy tư-tưởng của hăn.

Collège : Trường Trung-học

Riêng Khương, hẳn ít đề ý đến Văn, hẳn cứ đinh-ninh rằng Văn dễ bảo, dễ tin, nên nói chuyện với Văn, hẳn tự thấy mình quan-trọng và uyên-bác lắm. Đôi lúc Khương nghĩ bụng hẳn tuổi tác nhiều hơn Văn, học trước Văn nhiều năm. Nếu lúc đó có một sự tình-cờ nào đưa Văn đến trọ trường của hẳn dạy thì bây giờ đã hẳn có hai quan-hệ đi liền với nhau : quan-hệ thầy trò và quan-hệ bạn-bè, đồng-nghiep.

Khương cắt xong ổ bánh, hẳn ngược nhìn con chuột bạch chạy trên cái đĩa đồ đang quay tròn như cái đĩa hát. Hẳn gật-gù bảo :

— Cái thế chạy tròn của tình-hình thế-giới hiện nay.

Văn không hiểu ý Khương vì hẳn không nói tiếp nữa. Hẳn nhíp ngón tay tay giữa vàng khè nhựa thuốc lá vào góc bàn, mắt hẳn đột-nhiên đắm-chiêu tư-lự.

Văn nghĩ bụng nhưng không dám nói ra :

— Quả là hẳn ta không muốn làm thông-dịch mà muốn chuyển hướng để làm một-chính khách ưu-thời mẫn thế đấy.

Khương liếc mắt nhìn Văn sau khi vừa nuốt một miếng bánh khỏi cò :

— Cậu có nhớ thằng Hạnh giáo-sư Sư-địa ở Nha-trang không ? Hẳn dốt chết mà cứ trương cò cãi với mình. Mãi đến nay mình vẫn còn nhớ cái gân cò và cái mặt đỏ của hẳn. Hôm ấy hình như có cả cậu nữa mà ! Thật ra cái chuyện phăng Hitler ám-sát tướng Rommel là mình nhớ đến tận gốc. Mình biết đến cả chuyện trước khi Hitler cho hạ sát Rommel bằng tại nạn ô-tô, đã cho hai tên tùy-tùng là Burgdorf và Moisel đến để báo giờ vĩnh-

quyết của ông ta bằng cách ám-chỉ ông có chân trong vụ mưu-hãm Hitler.

Rồi từ chuyện Hitler, Khương hăng-hái nói đến cái chết của Văn-Chương, tướng nước Việt đời Xuân-Thu, cái chết của Hàn-phi-tử, một triết-gia nói ngọng, cho đến chuyện Sartre hay ngồi cà-kê trong tiệm Café de Flore cùng những nhân-vật cường-tín theo thuyết sinh-tồn như cô Juliette Gréco, thi-sĩ Jacque Prévert.

Sau bữa điềm-tâm kéo dài hơn một giờ, Khương ngã người trên ghế dựa hút thuốc để nói những sự lạ mà hẳn được biết trong các hộp-dêm ở Pháp như La Rose Rouge, Le Club du vieux Colombier v.v... Còn Văn thì ngồi im lặng nhìn con vành - khuyên ria lông trong lồng, nghĩ đến một bức thư của một bạn đồng-nghiep hỏi anh về một thắc-mắc trong Sử-học. Văn không hiểu nên góp ý như thế nào để tỏ ra mình rất giỏi về Sử, mà vấn-đề nêu-ra trong thư lại quá cao. Văn định đưa ra hỏi Khương nhưng anh lại sợ Khương giảng cho anh nghe như thầy với trò. Văn đâm trách người bạn đó vì không hỏi anh về một vấn-đề thuộc về lý-hóa như năm ngoái anh Vinh ở Nam-Quang đã hỏi anh về chất Đồng-vị cùng tính-chất lý, hóa-học của nó với chất thường.

Văn suy tính hơn thiệt một hồi lâu, anh quyết-dịnh không viết thư trả lời nữa. Anh trở về phòng nằm nghỉ. Khi đi qua bàn làm việc của Khương, anh ngừng lại vì chợt thấy một chiếc ảnh cỡ 6 x 9 bị xé làm hai. Nửa mảnh trên của chiếc ảnh còn dính ở vành giờ bởi một sợi tơ nhện giăng qua. Văn cúi xuống nhặt hai mảnh lên xem. Chiếc ảnh chụp một người con gái để tóc xỏa, miệng

cười, tay cầm một quyển sách để trước ngực.

Văn sững sốt nói lắp bắp :

— Đúng rồi, cái vừng trán cao đây !

Văn lật chiếc ảnh ra phía sau đọc hàng chữ, nét tròn to, non nót : « Gửi đến anh tình thương của một người vợ chưa cưới ». Văn quan - sát nơi bị xé. Anh thấy dấu còn mới, chứng - tỏ chiếc ảnh này bị xé cách đây chẳng bao lâu. Văn im-lặng hồi lâu. Anh nghĩ đến chiếc mô-tô đen của



Khương đang đề nơi nhà xe. Hai bên thái-dương và trước trán Văn, mồ hôi thoát ra như những hạt lựu nhỏ. Trong lúc ấy Khương đang ngủ say trên chiếc ghế vải, đầu hấn vẹo qua một bên, mặt hấn ngây-ngô, cái gân trán của hấn lại nổi rõ làm cho hấn hơi có vẻ tàn-nhân và thô-bạo.

Văn thở ra :

— Chính Khương !
Nhưng tại sao ! mình lại phải gặp cả hai ? !

(Còn một kỳ nữa)

NGUYỄN-PHÚC

Làm sao để được yêu mến, quý trọng ?

Nhà hiền-triết Socrate hỏi Agésilas, vua thành Sparte, phải làm sao để được mọi người yêu mến, quý trọng. Nhà vua đáp :

— Phải cố-gắng làm cái mình muốn phô-trương ra bên ngoài. (Như khi muốn tỏ ra là người đạo-đức thì hãy ăn ở đạo đức, thiên-hạ khắc sẽ yêu mến quý trọng mình.)

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**

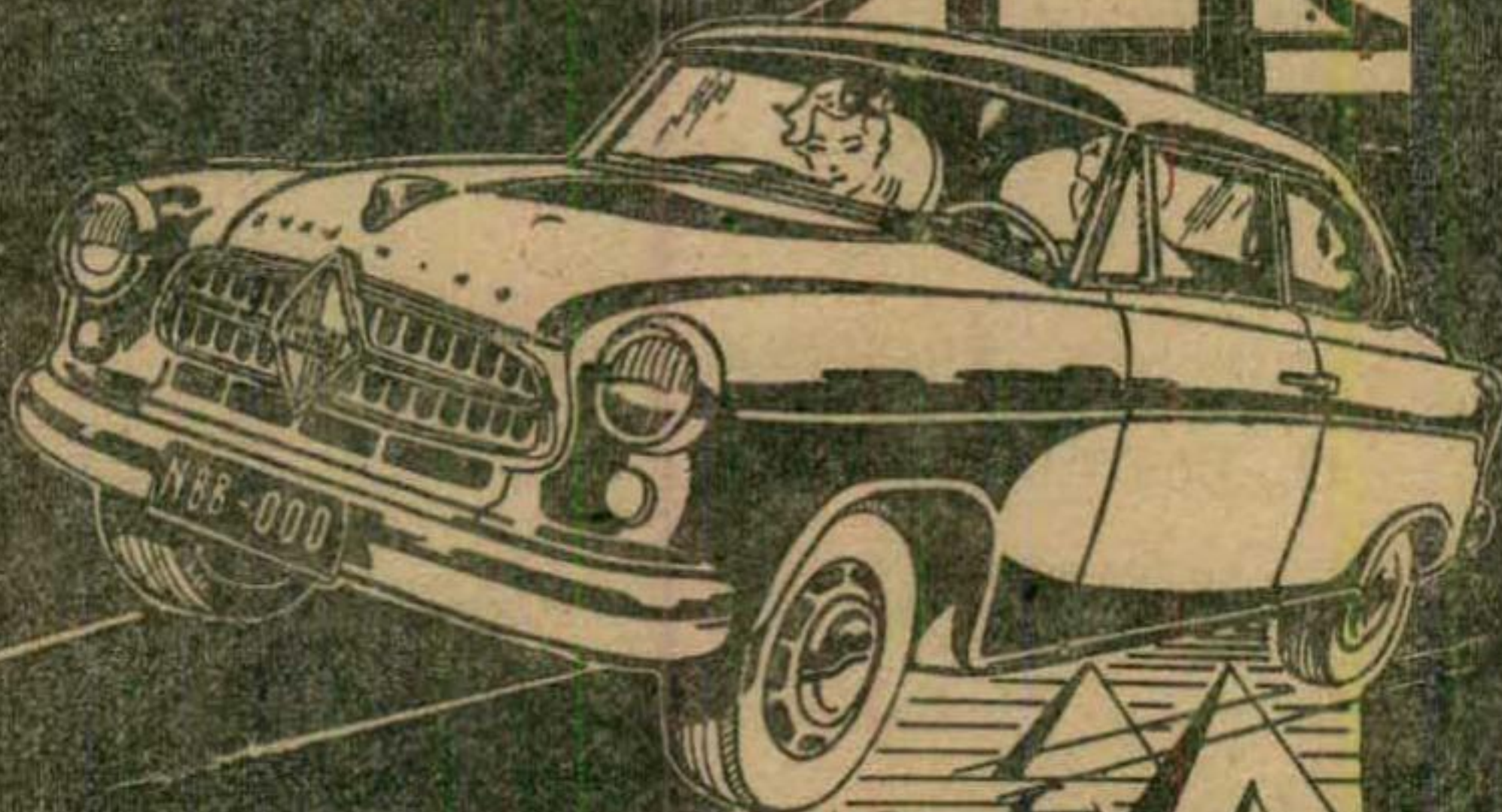


*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BORGWARD



BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÓN-THẮT-ĐẠM

(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

Denis Frères

4, đường Tự-do - SAIGON



Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA - NÓT



2-6-8-12 và 30 mã-lực

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do - SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hãng xuất nhập-cảng - Số vốn VN\$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| ZUNDAPP DELPHIN (Đức) | — Máy găn ghe lường và tam bản. |
| BAUSCHER (Đức) | — Máy kéo diesel, nằm và đứng. |
| FACIT (Thụy-điển) | — Máy tính, quay tay và chạy điện. |
| ROCKET (Nhật-bổn) | — Máy làm nước đá và cà-rem. |

Vappa

1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

NHẬT GIA

TỪ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC: Đại-gia-đình họ Lâm ở Hàng - Châu, chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất-đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải, Tuy thế, trừ Lâm-tiên-Sinh, còn cả gia-đình vẫn không đổi nếp sống xưa là bài-bạc xa-xi.

Rồi hai vợ chồng ông Hai tức là Lâm-tiên-Sinh xin ra ở riêng với các con. Rồi số tiền tồn-khoản của hai Cụ gần cạn. May sao bà Hai đã kiếm cho chú Ba, em ông Hai, một chỗ làm ở một ngân-hàng nhỏ, nhưng rồi chú biên-thủ hai vạn đồng và đào-tẩu.

Trong lúc ấy, ở đằng đại-gia-đình, tiền dành-dựm sạch như chùi. Hai Cụ phải cho thuê bớt một phần nhà ở, để lấy tiền chi - dụng hằng ngày. Còn bà Hai thì nhận bà Cà (tức chị dâu) vào làm việc ở trường tư-thực mà bà đã khéo-léo tổ-chức nên khá phát - tài.

Rồi Cụ Ông mất. Ông Hai cho thuê ở nhà và đem Cụ Bà về ở chung với ông, đồng thời nhận chú Tư, em ông, vào dạy trường Bà Hai.

CẬU Tư vẫn đã biết, dạy học thì phải đọc qua khoa sư - phạm. Đến như ở trường mẫu-giáo mà thầy dạy còn phải có bằng sư-phạm nữa là cậu, cậu dạy ban phò - thông. Bởi vậy, cậu phải đi tìm mấy người bạn đồng-song, cố năn-nì, mượn cho được mấy bộ sách về : tâm-lý của nhi-đồng, khái-luận giáo-dục cũng là sách sư-phạm thực-hành. Cậu đọc nghiêng - ngầu đề, ít ra, cũng am-hiểu qua về các điều cần yếu của cái

nghề « vung roi, gõ đầu trẻ ». Nhưng vạn-số thực là trớ - trêu ! Ấy cũng chỉ vì mấy bộ sách đó, mà cái mệnh-vận của cậu đã bị quyết-định.

Sau khi khai trường được một ít lâu, cậu Tư đã phát-giác rất nhiều điều xử-tri của học - hiệu, nó hoàn - toàn trái ngược với những thề - thốt mà cậu đã học ở trong các sách, hoặc cậu vừa đọc xong, về khoa sư-phạm. Cậu thấy vô-cùng thất - vọng đối với trường Viêt-

Hoa ; ở đây, cậu đảm-nhận lớp đệ-ngũ và cậu dạy Anh - văn cùng là khoa tự-nhiên-học ở ba lớp, đệ-tứ, đệ-ngũ, đệ-lục. Về khoa tự-nhiên, cậu muốn có đủ các bức tiêu-bản, trên có hình-họa, cùng là các học-cụ. Nhất-định phải có hình-họa và học-cụ, thì các bài giảng - dạy mới có đủ dẫn - lực làm cho học - trò hiểu biết rõ-ràng hơn ; nhưng, nhà trường chẳng có một thứ gì. Thế rồi cậu muốn đem các trò đi thăm các nhà máy, các thắng-cảnh, nhưng học-hiệu không đáp-ứng, vì có học-hiệu không có điều-kiện về kinh-phí.

Nhân lúc đó, ở trong trường có một giáo-viên họ Đường, cũng cùng một ý-tưởng với cậu Tư. Đường tiên-sinh rất bất-mãn, nên vị này thường cùng cậu Tư bàn-tán về những hành - vi đen-tối của hai bà hiệu - trưởng. Hai bà chỉ tìm đủ mọi cách để « làm tiền » của học-trò, nào ăn lái về huy-chương, về chén uống nước. Rồi, mỗi tờ chứng-chỉ, mỗi tờ phải trả một dắc, hề đánh rách, đánh mất, lại phải xin tờ khác và trả một dắc ; rồi sách - ốc, đồ - họa, học-cụ, chẳng có một thứ gì, mà bất-cứ động tới đâu, là các trò em phải ngửa cổ ra đóng tiền đến đó. Ngoài ra cứ mỗi tháng, cả trường đều thấy hai bà hiệu-trưởng sắm hết quần áo này, tới đồ nữ - trang khác ; cách phục-sức của hai bà mỗi ngày một xa-hoa, theo nhịp với sự phát-triển của học-hiệu. Bởi vậy, cậu Tư rất lấy làm phẫn-nộ ; rồi trong một buổi họp của các giáo - viên, nhân cô Kim-Đại báo - cáo rằng, phụ-huynh học-sinh kêu ca, tại trò em uống nước lạnh, không đun sôi, nên có mấy đứa mang bệnh, vì vậy, ban giám-đốc yêu-cầu giáo - viên các lớp, hãy đề ý

tới việc đó, và phải nghiêm-phạt những trò em uống nước lạnh chưa đun sôi. Cậu Tư liền đứng lên, cậu nói :

— Thưa, các trò nhỏ uống nước lạnh là vì nhà-trường không có nước nóng đun sôi cho chúng uống. Vậy tôi yêu-cầu học - hiệu phải mua ngay lấy một cái lò nấu nước, để có nước cho bày, tám trăm trò em uống.

Bà Hai cũng đứng lên nói :

— Quái lạ, có phải nhà trường không có lò đun đâu, bếp cháy rừng-rục suốt ngày, mà !

Cậu Tư lại đứng lên, cậu vừa nói vừa đưa mắt cho mấy vị giáo-viên khác :

— Ấy thế mà, không thể nào đun nổi lấy một ấm nước. Chính các giáo-viên chúng tôi, sáng sáng, muốn uống nước đun, cũng không sao có thể có mà uống, chứ đừng nói tới các trò em. Bếp có bếp, cháy có cháy, nhưng lúc thì họ nói còn dở ninh thịt cho Kim tiên-sinh, lúc thì còn dở luộc rau cho bên Lâm-gia !

Bà Hai xấu hổ quá, hóa giận ; bà trừng mắt, nhìn cậu Tư, nhưng cậu có nhìn bà đâu. Sau, để chữa then, cô Kim-Đại đành nói quấy, nói quá :

— Đó cũng chỉ vì số tiền kinh - phí của nhà trường không được dồi - dào, cho nên nhà trường bất-buộc phải tiết-kiệm về việc đó ...

Cậu Tư lại đứng vọt lên bô-bô nói :

— Thế thì bao nhiêu tiền thu của học-sinh đem đi dùng nào ? ...

Rồi cậu ngang - nhiên, mở tung cái nắp của cái hũ mắm thối ra, nào huy-chương, nào chén uống, nào tiền vệ-sinh, nào tạp-chí, nào tiền mua sách-ốc, thế này, thế

kia, cậu moi ra đủ thứ, và lôi ra tất cả những cái bí - mật của hai vị hiệu-trưởng mà bấy nay, ai cũng ang - áng rõ cả đấy, nhưng ai đứng chỉ đề bụng chứ không nỡ nói ra. Nay cậu Tư, giật dây chẳng sợ động rùng, cậu lôi tuốt những cái giẻ rách đó ra ánh-sáng, mà làm cho hai bà hiệu-trưởng tắc-kỳ ngón - lộ. Mấy vị giáo - viên, tím - tím cười, đi ra khỏi phòng họp, rồi dần-dần buổi họp tan. Cô Kim-Đại và bà Hai mặt cứ chín như đi và đỏ lên như gấc; hai bà cũng cùng nhau đi ra. Cậu Tư không về phòng mình, cậu đi thẳng đến chỗ các bạn bè, trong lòng cậu còn đầy đầy những nỗi phẫn-nộ.

Cái việc vừa xảy ra làm cho cô Kim-Đại rất đổi khó nghĩ. Chính ngay người nhà của bà Hai kiểm chuyện đề quấy rối. Nếu muốn vuốt mặt, ít ra, cũng phải nê mũi chứ! Có điều gì chệnh-lệch, sao nhà cậu ấy lại không sẽ nói với bà chị cậu, mà lại đường-đường ra mặt. Như vậy thì làm sao mà cộng-sự cho nổi. Cô nghĩ thế, nên lôi bà Hai về phòng riêng của mình, rồi vừa nức-nở khóc, vừa hỏi bà, cái thái-độ của nhà cậu Tư, em chồng bà, là thế nào? Bà Hai cũng chẳng hiểu ra sao nữa. Bà phần xấu-hổ với bạn, phần uất-ức với người nhà mình, bà cũng nước mắt ngấn, nước mắt dài; sau bà phải hứa với cô Kim-Đại rằng, bà cam-đoan từ nay không để cho cậu Tư làm như vậy nữa. Nếu nó còn, chứng nào, tật ấy và còn giờ - giới điều này, chuyện kia, bà sẽ thả g tay bắt nó nghĩ việc.

Ở phòng cô Kim-Đại ra, bà Hai liền gọi điện-thoại ra nhà ngân-hàng cho ông Hai, nhưng ông đã ra về rồi. Bà về phòng riêng, đợi ông, chốc-chốc, bà lại

xem giờ, bà quay ra, quay vào, phải chiếc áo, đập cái gối, bà nóng-nảy, bồn-chồn như điên, như khùng; Tổ - Nhất và Tổ-Nhị thấy mẹ như vậy, sợ quá, không dám ló đầu vào phòng nữa.

Một lát sau, ông Hai về. Vừa chợt nghe rõ tiếng giày của ông, bà đã cất tiếng khóc vang lên. Khi ông bước vào cửa phòng, bà vừa bù-lu, bù-loa, vừa bảo :

— Tôi tưởng cậu không về nhà nữa!

— Cái gì thế? — ông vừa kinh - nghi, vừa hỏi vậy.

— Trăm ngàn việc, chỉ do người nhà cậu gây ra, thì bảo tôi còn sống làm sao cho nổi, trời, hỡi trời!

Ông Hai cứ dờ người ra, không còn hiểu ra sao nữa. Ông ngồi phịch xuống ghế, hỏi :

— Có việc gì thì phải nói ra, người ta mới hiểu được chứ! Làm sao? Cái gì nào, mẹ nói tôi nghe?

Nhưng bà không nói, bà nằm vật ra giường, hai tay bụng lấy mặt, khóc nức nức nở. Ông Hai thấy nẫu cả lòng. Không biết làm thế nào, ông phải chạy lại, ngồi ghé vào thành giường, rồi ghé xuống hỏi bà. Bà chỉ khóc, nhất định không nói. Ông đâm hoảng. Quái lạ! Hay đã có điều gì làm xúc phạm đến bà. Kề ra thì vài năm nay, bà đã quen với cái thời lảng - giá ông; hơi một tí thì bà làm mình, làm mẩy, bà day-nghiễn, giày-vò ông, nhưng chưa có lần nào lại có cái trò này... Hay là lỗi hôm qua, ông đã lần đi khiêu-vũ với mấy người bạn đồng - sự, mà bà mới phát-giác ra chẳng. Ông cúi xuống, giế-glọt gặng hỏi bà :

— Hay anh đã làm điều gì xúc-phạm đến em ?

— Xúc-phạm đến em ? — Mãi bây giờ bà mới chịu khai-hầu — Thiệt là đối với gia-đình nhà cậu tôi chưa hề làm một điều gì không phải hay quá đáng cả, ấy thế mà các người xử tệ với tôi, các người không có một tí lương-tâm nào ! . . .

Ông Hai đã nhận ra, mấy lời này không có gì ám-chỉ chính ông cả, nên ông lại hỏi bà :

— Này, hay mẹ đã nói gì chẳng ? Gớm thôi ! Các cụ già, bao giờ cũng hay nói này, nói kia, ta không nên quá đề tâm đến những lời nói của các cụ ; cụ nào cũng trái tính, trái nết, ta đã biết như vậy, ta cũng nên nín nhịn các cụ đi một tí, không sao. Thế nào, cụ đã nói gì thế ?

Bà cũng cứ nín thinh ; bà không khóc nữa, nhưng bà xoay mặt vào tường. Ông phải nằn-nì đồ ngon, đồ ngọt mãi. Bà đề cho ông nói bả cả bọt mép ra, thôi thì đủ cả, yêu, thương, chỉ có hai đứa với nhau, sống chết với nhau ; ông nói thẳng một thoi, mãi đến câu, ông bảo ông sẽ vì bà mà chết cho bà, bà mới chịu đem các việc vừa xảy ra, kể đầu đuôi cho ông nghe. Ông lập-lức đi kiểm cậu Tư, nhưng cậu đi từ lúc đó, cậu đã trở về đâu. Cậu vẫn ăn cơm cùng với các giáo-viên ở học-hiệu, mà buổi cơm trưa này cậu cũng không về ăn. Ông trở về phòng, khuyên bà hãy đi ăn cơm, bà từ-chối, cứ nằm lì ở giường, thiêu-thiu ngủ. Ông phải đi mời Cụ bà và gọi lũ trẻ cùng đi ăn cho xong bữa, rồi ông ngồi ở phòng Cụ bà đề đợi cậu Tư.

Vừa nghe tiếng kẹt cửa, ông Hai tưởng cậu Tư về, nhưng không phải. Bà Cả bước vào. Nay bà Cả đã biến thành một người xá-giám ; bà giữ chức-vụ coi-sóc tất cả việc ăn, ngủ, của trò em ký-túc. Bà ăn với học trò ; bà ngủ cùng một phòng với chúng. Hai thằng con của bà, Đại-Bành và Tiểu-Bành, cũng ăn, ở, học, cùng với các học-sinh lưu-trú khác. Bởi vậy, bà Cả ít khi gặp ông Hai, và ông Hai đối với bà y như một người khách lạ. Trái lại, đối với bà Hai, bà Cả đã biến thành một người làm công ; sự quan-hệ giữa hai người, là một bà hiệu-trưởng và một người xá-giám.

Bà Cả, lẽ đương-nhiên, đứng về phe với cậu Tư và không ưa gì bà Hai ; tuy vậy, ngoài mặt, bà vẫn phải ôn-lôn, ngọt nhạt. Mỗi khi bà Cả ngồi chuyện vãn với Cụ Bà, bà thường đem hết những điều ngang-trái của bà Hai ra kể với Cụ Bà. Cố-nhiên là Cụ-Bà có nhiều điều bất-mán đối với bà Hai, lẽ thứ nhất là bà Hai đã « bá-chiếm » mất hẳn người con trai của Cụ mà làm cho hai mẹ con cứ càng ngày càng xa nhau mãi ra ; lẽ thứ hai, là vì, trong con mắt của bà Hai, không còn có Cụ Bà nữa. Bởi vậy, bà Cả hay lui tới phòng Cụ Bà, để than thở những nỗi uất-hận nó làm tê-tái lòng bà. Mỗi lần trông thấy bà Cả, người vợ góa của người con trưởng, cụ bà không khỏi ngậm-ngùi, nhớ tới người con xấu-số thiệt phận. Cụ vẫn nói : « Nếu cậu Cả nó còn sống, thì gia-đình làm gì đến nỗi điêu-đứng như thế này ! ». Lòng con người vẫn thế, người ta chỉ biết tiếc những cái đã mất. Người quá-cổ cũng không ở ngoài cái công-lệ đó, vì một

khi người ta đã bước sang cái thế-giới bên kia, thì, lẽ tự-nhiên, bao nhiêu sự va-chạm, sự xung - đột, sự tranh-giành về quyền, về lợi, đều trở thành không-hư cả. Không những thế, bao nhiêu khuyết-diêm cũng dần-dần phai lạt đi với thời-gian, mà chỉ còn lưu lại những cái gì hay, đẹp, cái gì toàn - thiện, toàn-mỹ. Ai chết đi là thiệt, nhưng ít ra, cũng lợi được chỗ đó, chỗ đó là cái lòng mến-tiếc của người còn sống. Cụ Bà cũng ở trong cái tâm-trạng này, Cụ càng nhớ tới ông Cả, Cụ càng thấy ông hiền-hòa, hiếu-nghĩa; Cụ càng nhận thấy ông Cả tốt bao nhiêu, Cụ càng thấy chưa sót về ông Hai, một ông con nhu-nhược, chỉ biết cảm đầu nghe vợ, sợ vợ mà quên cả cha, cả mẹ, quên cả em cả chị. Cụ luyến - niệm tới người con đã khuất, mà đoái thương tới người dâu góa-bụa, một lòng thờ chồng, nuôi con; Cụ xót-xa trong tức dạ, khi thấy hai thằng cháu bò-côi, bò-cút, không được chăm-bẵm đầy - đủ như ba đứa con ông bà Hai. Vì thế, Cụ tìm hết cách để đền bù cho hai thằng Đại-Bành và Tiểu-Bành; Cụ nâng-niu, chiều-chuộng chúng nó ra mặt. Bà Cả thấy thế, cũng nở lòng, hả dạ, nên trong những i-thời-giờ rỗi-rải, bà vẫn dành nó để may vá cho Cụ,

Ngay từ khi còn ở quê nhà, cậu Tư, cậu con út-ít của Cụ, vẫn được Cụ thương, cưng, nhất nhà. Cụ đề rất nhiều hi-vọng vào cậu Tư. Sở dĩ mới rồi đây, Cậu dám ngang - nhiên trách-vấn học-hiệu, cũng là vì cậu đã ỷ-thị vào sự chung-ái quá đáng của Cụ vậy.

Hiện thời, Lâm-gia đã chia đôi thành hai phe đối-lập: một bên, là ông bà Hai, và ba cô bé; một bên, là Cụ

Bà, bà Cả, cậu Tư và hai cậu nhỏ.

Lúc đó, tất cả học - sinh lưu-trú đã đi ngủ yên cả. Bà Cả mới rảnh tay, nên bà liền đi tới phòng của Cụ Bà. Sáng hôm nay, tuy lúc hội họp, bà không có mặt, nhưng các việc xảy ra bà đã được biết rõ đầu đuôi. Đối với nhà trường, bà cũng có nhiều điều bất-mãn vì công - việc thì bộn-bề mà đồng-lương thì ít-ỏi, Bà cũng chẳng khác gì cậu Tư, vì sự bất - đắc - dĩ, mà phải nhắm mắt, đưa chân, cho qua lúc khó-khăn, Bà đến buồng Cụ Bà là có ý khuyên-nhủ cậu Tư một đôi lời, nhưng cậu Tư không có ở đấy, mà bà lại gặp ngay ông Hai. Thời thường đêm hôm, ông có đến đây bao giờ đâu. Chắc hẳn, chỉ do cái việc lôi-thôi sáng nay đây thôi, nên ông Hai có một vẻ mặt nghiêm-lúc, không vui.

Bà làm như không hay, không biết gì hết. Bà chào hỏi ông Hai như thường ngày, rồi bà nói với Cụ Bà về việc may vá.

Ông Hai ngồi đối-diện với Cụ Bà mà hình như ông đương nói với Cụ Bà về việc học-hành của lũ trẻ nhỏ. Ông có vẻ không được an-thích, nên khi nghe thấy bà Cả nói tới chuyện may vá, ông ngập một cái, rồi hỏi tất ngang:

— Quái, cái thằng chú Tư đi đâu mà giờ này, chưa thấy về?

Cụ Bà đáp:

— Đâu, em nó đi lại chỗ bạn-bè gì của nó, đấy mà...

Ông Hai hỏi bà Cả:

— Thưa chị, chị có biết thằng chú Tư nó đi đâu không ạ?

Bà Cả đáp:

— Tôi làm sao mà rõ được? Em nó

đi đâu, nó có nói cho ai biết bao giờ đâu.

Ông Hai không thể dừng được nữa, nên ông hỏi bà Cả :

— Chị có biết các việc xảy ra buổi sáng nay, ở cuộc hội-hợp giáo-viên không ?

Bà Cả đáp :

— Có, tôi có nghe họ nói lại chú Tư nó đã phát - biểu rất nhiều ý-kiến, thì phải ...

Ông Hai nói :

— Ý-kiến với ý-cung gì ! Nó chẳng hiểu một li, một tí gì cả, mà dám nổ mồm, nói nhảm ...

Cụ Bà quay hỏi bà Cả đầu đuôi ra sao, nhưng bà Cả cứ ngồi yên, không đáp ; bà nhìn đi đằng khác, y như bà không nghe thấy lời Cụ hỏi.

Ông Hai nói :

— Nó dám ở giữa cuộc hội-hợp, công - kích nhà trường.

Cụ Bà dơ tay, vói lấy tràng - hạt rồi Cụ lăm-răm niệm Phật. Bà Cả cũng

cầm lấy chiếc khăn, đi lau những vết nước ở trên bàn. Ông Hai ngồi yên-lặng.

Cả nhà yên - lặng ; không yên-lặng, chỉ có chiếc đồng - hồ để bàn, nó cứ tí-ta, tí-tách, điềm thời-gian.

Ông Hai cứ ngồi ngáp vặt mãi ; ông muốn đứng lên, đi về buồng, đi ngủ, vì cái không - khí ở đây rất dỗi buồn nản thì, ở ngoài, vừa « sịch », có tiếng chân người bước vào. Cậu Tư đã về.

Cậu Tư cầm ở trong tay một cuốn tạp-chí, mặt cậu hớn-hở, vui-tươi cậu bước vào trong phòng. Ông Hai trông thấy cậu, ông nói ngay :

— Tao tưởng mày không về nữa !

Bà Cả bảo cậu :

— Anh Hai đợi chú khá lâu, đấy ...

— Thừa anh, anh tìm em có việc gì, kìa ạ ?

(Còn nữa)

TỪ - VU

Gần đây **SAIGON** đã nói nhiều đến :

TRÚC-LÂM TRÀ-THẤT

116, Ngô-tùng-Châu (Phan-thanh-Giản cũ) — Saigon

- ☆ Nơi uống trà thanh-nhã độc-nhất của Thủ-đô.
- ☆ Nơi giải-trí lành-mạnh với âm-nhạc cổ-diễn thuần-tuý dân-tộc, mỗi tối thứ Bảy và Chủ-nhật.
- ☆ Nơi có nhiều phòng ăn riêng trên lầu, lịch-sự, mát-mẻ làm TỬU-ĐÌNH, để quý-vị thưởng-thức món ăn đặc-biệt Việt-Nam: chả cá.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE



Parker 61

Bút máy đẹp nhất bán trên thị trường không cần bộ phận nào khác

Nội phạm trả tiền-vé, cách sử dụng đơn giản làm cho bút máy Parker 61 trở thành một tặng phẩm lý tưởng đặc-sắc. Chỉ cần hoàn-tiền đổi một bút máy Parker 61, tự-động bên mua trả trước 10 giấy nháp 8 x 11 inch, 19x25-cm, hơn nữa nó tự-động rửa tẩy khi viết vào ống chứa. Muốn một bút máy Parker 61 là niềm thú-vị của một tặng phẩm mà-ước-đó và người đã nhận được cái đẹp của phẩm chất đó.



Quý khách sẽ hài lòng hoàn-toàn khi viết bằng bút Parker. Quà tặng một bút máy Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CH 11

S. E. I. C.

SAIGON - GARAGE

Angle des Bds Nguyễn-Huệ và Lê-Lợi — Saigon

Tél. : **20.603**

Agents exclusifs :

Camions : **BERLIET**

Automobiles : **SIMCA**

— **STUDEBAKER**

Tracteurs et moteurs hors-bord : **OLIVER**

Motocyclettes et vélomoteurs : **BIANCHI**

Scooters : **RUMI**

Pneumatiques : **MICHELIN**

PIÈCES DÉTACHÉES D'ORIGINE — STATION SERVICE
ATELIERS DE RÉPARATIONS

THE BANK OF EAST ASIA, LTD (*DONG - A NGAN - HANG*)

Agence de Saigon : 6, Đường Vô-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N° 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

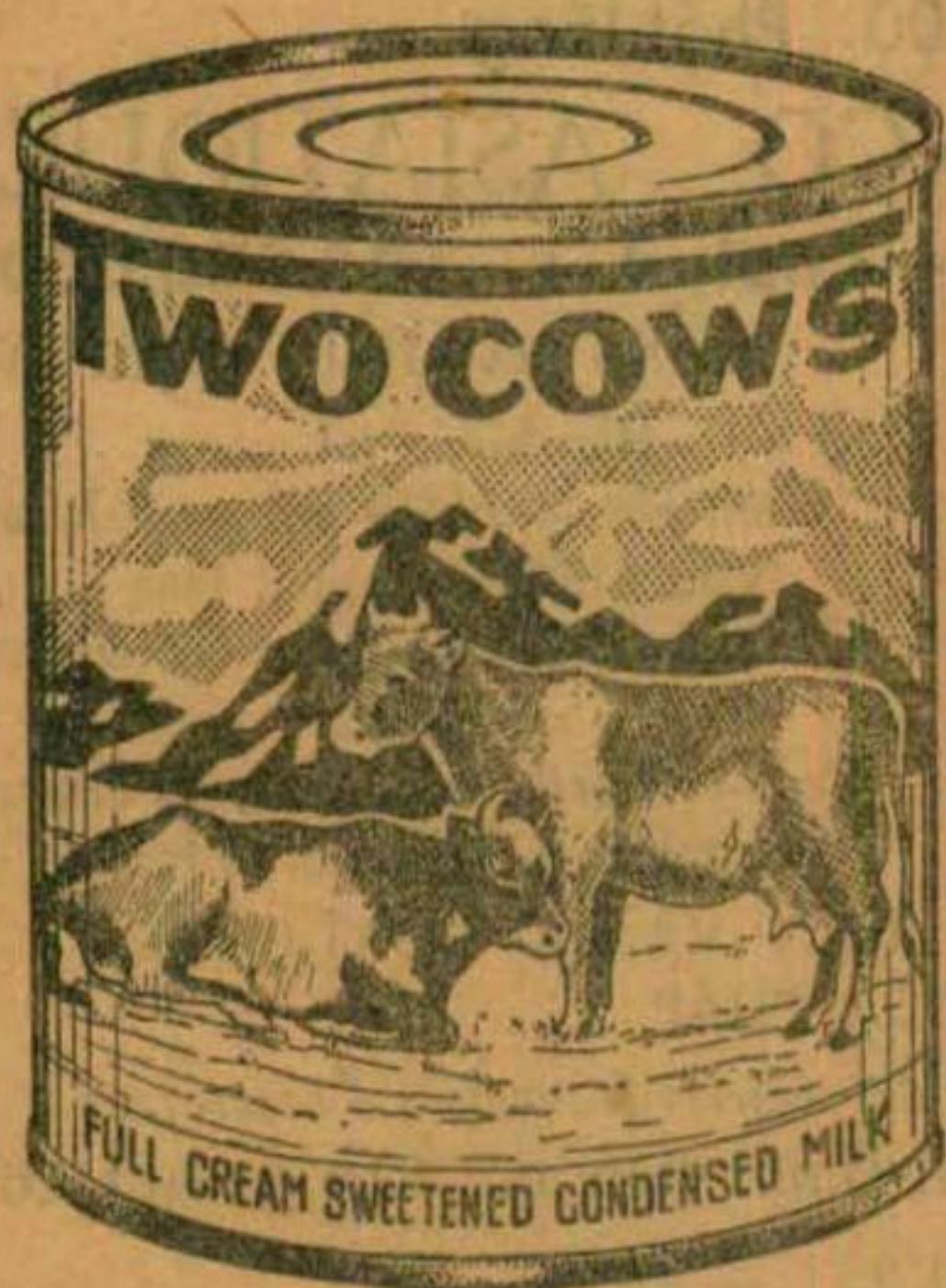
**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

SỮA ((HAI CON BÒ))



Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng



CÔNG-TY. BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phậ-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hòa-hoàn

Tai hại gây bởi chất nổ

Vốn : 1000 triệu phậ lăng

Compagnie d'Assurances Générales

contre l'Incendie

et les Exploisitions

Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Bảo-hiêm tai nạn

Gian-phi — Hàng-hải — Rủi-ro

Vốn 1000 triệu phậ lăng

Compagnie d'Assurances Générales

Accidents

Vol — Maritime — Risques divers

Capital : 1 Milliard de francs

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHANH
Succursale

SAIGON : 26, Tôn - thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giấy nól : 21.253 — 23.913
Tél.



Dùng Hộp Quẹt là kinh-tế Quốc-Gia
phụng-sự nền

Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thọai 21.950

Đ. Tín Forestière

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



**MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY
T A I**

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

S O C I É T É

PACHOD FRÈRES ET C^{ie} D'I.C.

12 à 22, Dai-lô Hàm-Nghi

SAIGON



COMMISSION IMPORTATION

— FOLLIS — ENGLEBERT

— VELOCETTE — SACHS

— UNION — MECA - MERCIER

— L.P.C. CHEMICALS

— OSNABRUCKER DRAHTWERK

๑๐๖๐๖๑๐

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche



VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi
VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —
MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thanh-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eaux de Cologne et Lotion de PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều
chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên
Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đôn.



Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Sui nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
- U** - Khởi mất ngày giờ
- T** - Không khói, không bụi
- A** - Dùng nấu nướng các thứ
- G** - Không làm nhứt dầu hay cay mắt
- A** - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** - Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHAI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LÊ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN